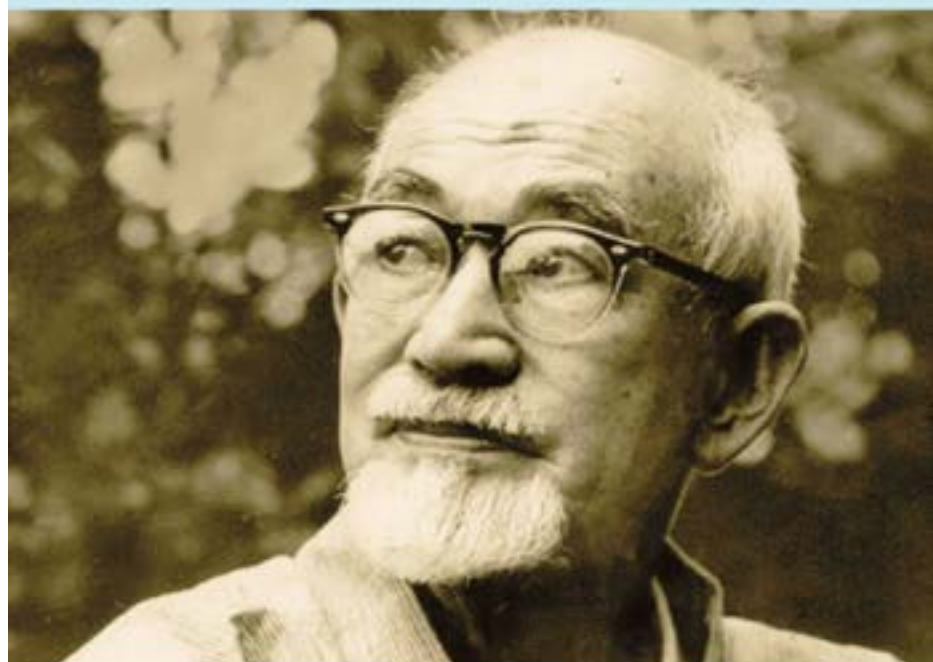




Nhà văn Nhật Naoya Shiga
Pablo Neruda Giải Nobel 71



DƯƠNG NGHIỆM MẬU * VŨ BẰNG
LÊ HUY OANH * HOÀNG ỨNG
NGUYỄN KIM PHƯỢNG * THÁI TUẤN

số 191

tập san VĂN số 191



Paris * 03.2025

Bìa: chân dung nhà văn Naoya Shiga
Nguồn: ThưẤn quán

tập san VĂN **số 191**

Tập san Văn * Năm thứ tám
Số 191 ra ngày 01-12-1971

Tập san Văn học Nghệ thuật

Ra ngày 1 và 15 mỗi tháng

Năm thứ tám / số 191 /

Ngày 01-12-1971



trong số này :

- | | |
|--|-----|
| 1. Marc Mécréant | 10 |
| Shiga hay là truyện kể về chính mình | |
| 2. Naoya Shiga | 26 |
| Con Dao Cạo * Lê Huy Oanh dịch | |
| 3. Naoya Shiga | 63 |
| Kuma * Lê Huy Oanh dịch | |
| 4. Robert Bly | 97 |
| Pablo Neruda, giải văn chương Nobel
1971 * Hoàng Ưng dịch | |
| 5. Pablo Neruda | 133 |
| Trên đỉnh Machu Picchu * Nguyễn Kim
Phượng dịch | |

6. Vũ Bằng	179
Thương nhớ mười hai	
Tháng Chạp : Nhớ ời chợ Tết	
7. Phạm Cao Hoàng	239
Tàn thu	
8. Đinh Quang Ngọc	242
Sơn ca	
9. Nguyễn Nhật Ánh	244
Xa lạ	
10. Paul Gallico	249
Hoàng Ung dịch	
Tình nghệ sĩ (truyện dài, kỳ 6)	
11. Dương Nghiễm Mậu	278
Kẻ sống đã chết (truyện dài, kỳ 12)	
12. Thái Tuấn	303
Sinh hoạt văn nghệ	

* Chủ nhiệm kiêm Chủ bút : ông Nguyễn Đình Vượng.

* Phụ tá Chủ nhiệm : ông Đàm Gia Tuấn.

* Thư từ, bản thảo, tiền bạc gửi : ông Nguyễn Đình Vượng.

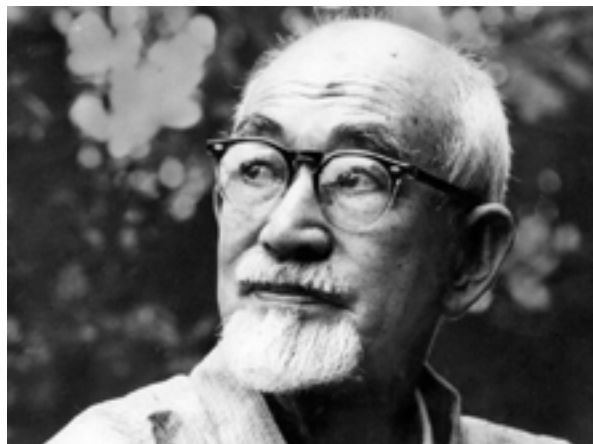
* In tại nhà in riêng của báo VĂN.

* Quản lý : Cô Nguyễn thị Tuấn.

* Tòa soạn và Trị sự : 38, Phạm Ngũ Lão, Sài-gòn. Đ.T.: 23.595

* Tập san xuất bản do nghị định số 64/BTT/NĐ, ngày 4/12/1963.

Shiga hay là truyện kể về chính mình



Shiga Naoya
(1883 – 1971)

Trong tiếng Nhật, họ và tên được viết
theo thứ tự Á Đông (họ trước tên sau) :
họ là **Shiga**

Khi đề cập đến một tác giả và một tác phẩm có lẽ không quen thuộc đối với mình, chắc hẳn độc giả thường đặt ra một số câu hỏi.

Trong số những câu hỏi đó có thể có câu như thế này : làm thế nào « đặt chỗ ngồi » cho tiểu thuyết gia này, một tiểu thuyết gia đã từng và hiện vẫn còn là một trong những nhà văn bậc thầy của nước Nhật mới ? Đây là lần đầu tiên một tuyển tập truyện kể ngắn được coi là khá quan trọng của nhà văn ấy được đem cống hiến cho độc giả Pháp, vậy thì những truyện ngắn đó giữ một địa vị nào trong toàn bộ tác phẩm của tác giả ?

Chúng ta hãy thử rọi ánh sáng vào những điều liên hệ được coi như cần phải biết tới.

BƯỚC ĐẦU VĂN NGHIỆP

Naoya Shiga sinh ngày 20 tháng Hai năm 1883 tại Ishinomaki, trong một tỉnh nằm ở phía Đông Bắc thành phố Tokyo. Năm lên bảy tuổi, ông vào học tại Quý tộc Học hiệu ở thủ đô và tốt nghiệp trưởng đó vào năm 1906. Năm ông 17 tuổi ông đã khám phá ra cái văn phong mạnh mẽ của nhà văn Thiên Chúa giáo Kanzô Uchimura, và trong một thời gian, ông có chịu ảnh hưởng của Uchimura. Vào năm 1908, cùng với nhiều bạn đồng học của ông tại Hoàng gia Đại học đường, Naoya Shiga đã thiết lập tờ tạp chí Boya (Những viễn ảnh) nhưng tờ này sống không được bao lâu ; từ năm 1910, ông đã cộng tác chặt chẽ với tạp chí Shirakaba (Cây Phong). và tờ này sống đến tận năm 1923.

Nhóm Shirakaba, mà những hoạt động đã đánh dấu một thời kỳ quan trọng của nền văn học mới của Nhật Bản, đã không hề có chủ đích phát huy những ý tưởng có tính chất nhân bản như người ta đã chờ đợi. Lúc khởi đầu, với phản ứng giản dị chống lại những « lãnh chúa » văn nghệ bị coi là lỗi thời hoặc là chướng ngại cản đà tiến của văn chương, nhóm Shirakaba, do sự thúc đẩy của nhà văn Mushanokôji, đã tung ra một cái đà tiến cho văn chương hơn là tung ra một chủ thuyết. Đà tiến vừa kể là cái đà tiến của những tay quí phải trẻ tuổi trong lãnh vực tinh thần, những tay có chung cái thị hiếu về tự do cá nhân, cùng khao khát một hình thức nào đó của một vẻ đẹp có tính chất nhân bản và ở vẻ đẹp ấy sự quan sát đầy thiện cảm về kẻ khác đã phản bội cái ảnh hưởng sâu xa của văn sĩ Nga Léon Tolstoï. Một số các nhà phê

bình đã quy gán cho nhóm Shirakaba là nhóm của những nhà văn tài tử đã gây nên sự suy tàn mà các nhà phê bình ấy tin rằng họ đã khám phá ra trong tình trạng sáng tác văn chương vào những năm từ 1920 đến 1925. Dầu nhóm Shirakaba có là thể nào chăng nữa, dầu sự hợp tác của ông với tạp chí Shirakaba dạo ấy không được chặt chẽ lắm — trong một cuộc đàm luận với tôi vào năm 1957, Naoya Shiga đã xác nhận với tôi điều đó — nhưng từ năm 1910, Naoya Shiga cũng đã cho đăng trên tờ tạp chí định kỳ ấy một loạt những truyện ngắn, mà truyện đầu tiên nhan đề Abashiri made (Trên đường tới Abashiri) đã mang trong nó một giọng văn mới và một lối hành văn riêng biệt.

THỜI KỲ CHÍN MÙI

Nhìn toàn bộ tác phẩm của Naoya Shiga, người ta thấy xuất hiện vô vàn vô số nhan đề. (Vào năm 1955, nhà sách Iwanami có in toàn bộ tác phẩm của Shiga và toàn bộ này dày tới 16 cuốn. Trong toàn bộ ấy, chỉ có một truyện dài nhan đề Anya Kô rô (Dò dẫm trong đêm đen) còn tất cả phần còn lại đều là những truyện ngắn, có thể nói là rất ngắn ; nhưng tất cả — hay gần như là tất cả — những truyện ngắn đó đều nói một cách kỹ lưỡng về « cái tôi » của chính tác giả. Đó là những ánh lân quang lụn vụn của một cuộc đời, và những suy tư mà cuộc đời ấy làm phát sinh ra. Bằng sự áp dụng cách thức như vậy trong việc thu nhặt những mảnh vụn của cuộc sinh tồn, Naoya Shiga có thể nghiêm nhiên trở thành kẻ sáng lập, tại Nhật Bản, cái loại “truyện kể về chính mình”.

Thật ra lòng ưu ái đối với loại truyện ngắn không phải là tính chất đặc hữu của Naoya Shiga. Loại sáng tác ngắn xuất hiện nhan nhản ở Nhật Bản tạo thành một trong những vẻ độc đáo của xứ đó so với những xứ khác, ngay cả những xứ thuộc nguồn gốc người anglo-saxons, là những xứ vốn dĩ phong phú về loại truyện ngắn. Liệu có thể, như người ta đã làm, đưa sự kiện này tới gần với cái thị hiếu rất sôi nổi của người Nhật trong việc ghi chụp chi tiết và hình thái ngoại diện ? Có thể lắm chứ. Và càng suy đoán như thế có lẽ người ta sẽ đi tới chỗ tự hỏi là liệu tinh thần Nhật Bản có sẽ chẳng cảm thấy, đối với phép tổng hợp, một sự ghê tởm tương tự với sự ghê tởm mà họ thường bày tỏ đối với những bức toàn cảnh chẳng hạn, lý do là vì sự tổng hợp ấy vốn có một sự tinh tế không thể vượt qua được trong nghệ thuật chụp bắt xúc

cảm tinh vi mịn màng nhất, chụp bắt tia phản chiếu hoặc đường nét óng ánh.

SỰ TÔN SÙNG CÁI TÔI

Với cái vẻ trông bên ngoài thấy như là rời rạc tản mạn của một tác phẩm thật ra vốn dĩ có mạch lạc một cách mật thiết, Naoya Shiga đã, từ truyện này sang truyện khác, từ kinh nghiệm này sang kinh nghiệm kia của ngôi thứ nhất, đã luôn luôn chứng tỏ một cách rõ rệt là ông chú trọng tới việc kiến lập một sự khôn ngoan hợp lẽ. Ảnh hưởng của những nhân vật quan trọng như ông nội của tác giả là cụ Naozô hoặc nhà luân lý Thiên Chúa giáo Kanzô Uchimura, đã có vẻ nằm trong số những yếu tố quyết định cho sự kiến lập chủ trương của tác giả về một sự khôn ngoan. Nhưng chủ trương đó của tác giả

được đặt trên bình diện nào ? Trên bình diện tính nết và thái độ nhiều hơn là trên bình diện tư tưởng ; bởi chúng người ta phải biết tưởng tượng ra một ông Naoya Shiga đang làm việc với một sự cố gắng thường trực để thiết lập một nghệ thuật sống, một cung cách về cử chỉ và thái độ. Chỉ vì trong đời sống của một người vốn có những việc xảy ra có tác dụng mạnh hơn mọi biến cố khác, và có tính chất quyết định, làm thay đổi màu sắc của đời sống ấy – chẳng hạn như một sự đối diện thật gần gũi với thần chết – Vào tháng 8 năm 1913 trên đường hỏa xa chạy chung quanh thành phố ở Tokyo, Naoya Shiga đã bị một xe lửa chạm phải. Do đấy, người ta không sửng sốt khi thấy trong những sự suy ngẫm của ông hoặc trong một số truyện ngắn của ông (chẳng hạn truyện A Kinosaki) cái lối phát biểu ý tưởng nghiêm trang hơn của ông.

Dần dần Naoya Shiga ý thức được những sự bất đồng như thế giữa cuộc sống của ông, của một con người, với những quan niệm của ông trên phương diện một nhà văn ; và vài năm sau, việc ông tăng tị với một cô chiêu đãi viên tại một “nhà hò hẹn” đã tạo cho sự nhận thức đó của ông một tính chất đủ rõ ràng để từ nhận thức đó tỏa ra những hậu quả không thể đẩy ngược lại được. Như vậy, cái biến cố ấy trong đời sống lứa đôi của vợ chồng ông đã, bằng một sức tiến không thể đẩy ngược lại được đưa ông từ sự tôn sùng chính mình một cách ân cần dễ dãi tới chỗ chấp nhận sự hi sinh trong một “giới hạn” nào đó : sự lo âu cho những người thân của mình, cho sự bền vững của cơ sở gia đình, sự lo âu về hoàn cảnh xã hội của ông đã khiến ông phải ngã vào sự hi sinh ấy. Có thể là dưới mắt một số kẻ nào đó, cử chỉ ấy có vẻ quá

biết điều, nhưng cử chỉ đó, được chứng tỏ qua những tác phẩm mà nó đã gọi ra từ đạo ấy, đã và đang còn giải thoát con người khỏi những nỗi ám ảnh của chính y, giải trừ ra khỏi đời sống của y những sự đe dọa vốn dĩ đè nặng xuống đời sống ấy.

TINH THẦN VÀ VĂN PHÁP

Ở Naoya Shiga, liệu có một sự tìm kiếm về bút pháp đi theo song song với sự tìm kiếm một đức lý hay không ? Người ta ngần ngại không biết nên trả lời dứt khoát ra sao về câu hỏi đó, nhưng thật ra – mặc dầu đó chỉ là ảo tưởng – người ta ngả về cái cảm nghĩ cho rằng Naoya Shiga đã mau lẹ tìm thấy bút pháp của ông. Cái bút pháp đó đã từ lâu và hiện vẫn đang làm ông trở thành một cây viết

bạc thầy ; chính bút pháp ấy là cái yếu tố bảo đảm cho Shiga nếu không duy trì được một “sự hiện diện” (une présence) thì ít ra cũng duy trì được một “địa vị” (une situation) trên văn đàn Nhật Bản – hai danh từ présence và situation vốn là một sự phân biệt chi lý của Thibaudet. Những câu văn của Shiga có vẻ như chảy ra từ một nguồn trong sạch. Văn pháp nhìn thấu qua được của Shiga khiến người nghĩ tới văn pháp của Anatole France. Văn pháp ấy hơi rõ ràng, trong sáng, nếu người ta muốn thế, nhưng lại có thể dung hợp dễ dàng những màu sắc tinh tế, thứ văn pháp luôn luôn được kiểm soát, được gói ghém, được chế ngự. Mỗi bài văn được cho in đều có vẻ như đã phải được viết đi viết lại ít ra cũng tới ba lần liên tiếp.

Khi tôi trình bày với ông ta sự nhận xét của tôi về cái vẻ đơn giản rất mực trong văn pháp của ông ta – chẳng hạn việc xài một cách có giới hạn những chữ tượng hình hoặc cố tình loại bỏ những chữ khó hiểu hoặc ít được dùng – Shiga trả lời tôi rằng trái với những nhà văn ưa xài một ngữ vựng phong phú, ông chỉ cố phát biểu ý kiến một cách càng chùng mực càng hay bằng cách chỉ xài một số dụng ngữ hạn hẹp được chùng nào tốt chùng nấy : ít dụng ngữ thôi, nhưng đó là những dụng ngữ công hiệu, những dụng ngữ luôn luôn tạo được giọng điệu chính xác trong những lời đối thoại.

Thật thế, không có gì chân xác hơn hoặc nhiều thực chất Nhật Bản hơn những lời đối thoại hoặc những mẫu đối thoại sáng rực rỡ trong những truyện kể

của Shiga. Nhưng đối với những độc giả ngoại quốc, cũng chẳng có thứ văn pháp nào tinh vi và nhiều cảm bấy hơn văn pháp của Shiga, một phần cũng vì “nghệ thuật đàm thoại” của người Nhật vốn có tập quán chứa đựng những sắc thái mập mờ, những lối tỉnh lược, những kiểu nói xa xôi bóng gió, và tất cả những cái đó thỉnh thoảng lại khiến cho những lời đàm thoại gần như trở thành một sự trao đổi những ám hiệu rất khó mà hiểu ra được.

MỘT TÁC PHẨM NGOẠI LÊ

Một trong những tác phẩm, mà Shiga, tác giả của chúng, lấy làm đặc ý nhất đó là cuốn truyện dài An'ya Kô-rô. Cuốn tiểu thuyết đó với những kích thước

của nó và với sự soạn thảo thông thả kỹ lưỡng của tác giả, quả thật là tác phẩm quan trọng nhất của Shiga. Do đấy, sách đó hơi có vẻ là một ngoại lệ khác biệt, một tác phẩm vĩ đại nổi lên sừng sững giữa tác phẩm khác của tác giả. Theo tỷ lệ về kích thước, cuốn An'ya Kô rô là một tác phẩm có thể được ví với cuốn Les Fanx Monnayears trong số những tác phẩm của André Gide. Dầu sao đi nữa, An'ya Kô rô cũng là một cuốn sách cần được dịch riêng hẳn ra. Và nếu phải chọn cuốn An'ya Kô rô hoặc tập tuyển truyện này làm phương tiện tìm hiểu Shiga thì chắc hẳn độc giả Pháp sẽ ứng tuyển tập này hơn: mặc dầu tuyển truyện này có vài thiếu sót, và chắc chắn là có vài đề tài cần được thảo luận kỹ càng hơn, nhưng những vẻ tạp đa liên hệ của nó có thể

sẽ khiến độc giả sẵn lòng bỏ qua những điều thiếu sót.

Marc Mécréant
Lê Huy Oanh dịch

ĐÃ PHÁT HÀNH

CON SÂU

truyện dài **DƯƠNG NGHIÊM MẬU**

tiếng kêu thất thanh của tuổi trẻ
mồ côi trên đất nước lửa đạn và xã
hội phá sản



NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

NAOYA SHIGA

Lê Huy Oanh dịch

Con Dao Cạo

Yoshisaburo là một bác thợ cạo ở Roppongi thuộc khu Azabu¹ ; cửa hàng của bác mang bảng hiệu Con Rồng. Ít khi bác đau ốm lắm, ấy vậy mà lần này bác phải nằm trong giường vì bệnh cúm, mà lại đau ngay vào trước lễ Thu Vọng Vương Hôn, là dịp mà khách hàng rất đông đảo ! Nằm trong giường, Yoshisa-

¹ Azabu là một khu ở Tokyo. Roppongi là một ngã tư quan trọng. (chú thích trong bản Pháp ngữ).

buro nghĩ tới hai người phụ việc của bác là Gen và Jita mà bác đã cho thôi việc cách đó một tháng ; bác tự nhủ : “Giá lúc này mình có Gen và Jita thì đỡ biết mấy !”

Trước kia, ba người cùng làm ở cửa hiệu cắt tóc này và mặc dầu bác hơn Gen và Gila một hai tuổi, nhưng lúc đó bác cũng chỉ là một người làm công như hai chú kia... Thế rồi, một ngày đẹp trời, ông chủ đã chọn Yoshisaburo : ông gả con gái của ông cho bác, rồi ông rút về nghỉ ngơi nhường cửa hiệu cho chàng rể. Gen vốn âm thầm say mê con gái ông chủ, nên chẳng bao lâu sau khi bị thất tình, Gen dờn bỏ cửa hiệu ; còn gã Jita bắt đầu phải đổi cách xưng hô từ “ông Yoshi” xưa cũ của gã thành ra “ông chủ”, nhưng gã không hề thay đổi chút nào những thói quen của gã trong công việc.

Sáu tháng sau, ông già vợ của Yoshisaburo qua đời; sáu tháng sau nữa, đến lượt bà già vợ tạ thế. Tài nghệ Yoshisaburo trong công việc sử dụng dao cạo quả là thần sầu. Bác rất khó tính với chính mình trong việc sử dụng dao cạo, một sự khó tính thường hay khiến bác nổi đóa. Khởi sự bác thoa nắn làn da khách hàng coi xem nó nhẵn hoặc gồ ghề như thế nào. Nếu không cạo sạch được hết mọi sợi râu, hết mọi sợi lông, bác sẽ không thể nào chịu nổi. Ấy vậy mà bác chẳng bao giờ làm hư hại một biểu bì nào trên mặt ai cả. Các khách hàng thường nói :

– Được Yoshisaburo cạo râu cho thì có thể kéo dài thời hạn cạo lần sau lâu thêm một ngày nữa, so với các nơi khác cạo.

Yoshisaburo thường vẫn kiêu hãnh là trong suốt mười năm qua dao của bác

chưa từng bao giờ gây ra một đường rạch nào trên mặt khách.

Gen ra đi được hai năm, thế rồi, vào một ngày đẹp trời, người ta thấy y trở lại. Khi nghe những lời xin lỗi của Gen, Yoshisaburo tự cảm thấy mình bắt buộc phải nhận người bạn cũ làm việc lại – hẳn vì nhớ tới tình bạn xưa cũ mà Yoshisaburo quyết định như thế. – Có điều trong hai năm qua, Gen đã trở thành một kẻ mất nết. Y gắt gỏng khi làm việc. Và rồi khi chỗ này, khi chỗ khác, y rủ rê Jita vào những vụ chơi bời phóng đảng với bọn đàn bà không đoan chính, với bọn gái điếm ở Kasumi-chô. Rốt cuộc không những y làm cho gã Jita vốn dĩ đứng đắn tử tế trở thành một kẻ chơi bời, mà y còn đưa Jita tới chỗ ăn cắp tiền trong két của Yoshisaburo để tiêu xài... Ái ngại cho Jita, Yoshisaburo đã nhiều lần cố gắng

hướng dẫn Jita trở về với lẽ phải ; nhưng tiền trong két cứ tiếp tục bị mất, khiến cho sau đó một tháng, Yoshisaburo đành phải tống cổ Gen và Jita ra khỏi tiệm.

Giờ đây, Yoshisaburo muốn một gã thanh niên khoảng hai chục tuổi, tên Kanejiro; gã này có nước da mặt xanh tái trông không có chút khí lực nào cả. Bác còn muốn thêm một thằng bé tên Kin ; thằng bé này khoảng mười hai, mười ba tuổi, sọ dài một cách dễ sợ. Mai đã tới lễ Thu Vọng Vương Hồn, nên hôm nay khách hàng kéo đến tiệm rất đông, ấy vậy mà ngoài tiệm chỉ hai thằng ngó ngẩn đó. Nằm dài trên giường, người nóng hầm và đau đớn bảì hoải, bác Yoshisaburo bức bối với cái hoàn cảnh của bác.

Tối gần trưa, khách kéo đến tiệm đông nườm mượp. Cái cửa ra vào có mặt kính luôn luôn kêu lẹt kẹt vì cứ bị kéo ra đẩy vào hoài. Đôi quai guốc thẳng Kin đi lỏng lẻo nên nó cứ kéo lê đôi guốc gỗ : những tiếng động như thế, những sự rung chuyển như thế cứ quất hoài hoài vào bộ thần kinh người bệnh.

Cửa ra vào có mặt kính lại mở ra một lần nữa, một giọng nói đàn bà vang lên :

– Ông Yamada ở Ryudo sai tôi tới đây. Chiều mai ông chủ tôi sẽ khởi sự chuyến du lịch của ông, nên ông muốn nhờ tiệm này mài hộ ông con dao cạo này cho thật sắc. Lẹ lẹ nhé, tối nay tôi sẽ trở lại lấy.

– Hôm nay tiệm có nhiều khách quá.
– tiếng nói của Kanejiro vang lên – Để sáng mai lấy được chẳng?

Hình như người đàn bà có hơi ngần
ngừ một lát, rồi cô ta nói :

– Cũng được, nhưng mài thật sắc hộ
đấy nhé.

Nói xong câu đó, cô ta đóng cửa lại
để rồi ngay sau đó lại mở cửa ra :

– Xin lỗi cậu, tôi muốn nhờ chính
ông chủ tiệm này mài hộ, đấy nhé. Cô ta
nói.

– Hờ, hờ... ông chủ đang.... Kanejiro
nói ấp úng.

– Kane ! Chắc chắn là chính tao sẽ
mài !

Từ trong giường, Yoshisaburo hú lên
như vậy để cắt ngang câu nói của Kane-
jiro. Tiếng nói của bác cao nhưng giọng
nói đã khác đi,

– Vậy thì, được rồi... Kanejiro nói một cách vắn tắt.

Cửa ra vào lại đóng lại; cô gái hẳn đã đi rồi.

“Cuộc đời chó đẻ !” Yoshisaburo nói thì thầm ; rồi thì hai cánh tay nhóp nhúa ra khỏi lớp lót màu xanh dương của chiếc áo ngủ, bác đứng yên một lúc bực bội ngắm hai cánh tay đó.

Tuy nhiên, tấm thân thể của bác, bị cơn sốt làm cho rã rời, lúc này nặng như đồng. Như bị mê hoặc, bác bắt đầu ngắm nhìn con chó cầu phúc bằng bột giấy được treo trên trần nhà, con chó ám khói đen xít và có đầy những con ruồi đậu im lìm.

Với một cử chỉ không hẳn là đột ngột,

bác lắng tai nghe những lời đàm thoại từ cửa tiệm vọng vào. Hai ba người lính đang thảo luận về những điểm xấu điểm tốt của những món ăn tại những quán lân cận trại lính, nơi họ vẫn thường dòi trại tới dùng bữa. Họ đồng ý với nhau: những thức ăn ở những quán đó dơ quá ; nhưng may thay dạo này thời tiết mát mẻ hơn khiến cho bữa ăn dễ nuốt hơn...

Trong lúc Yoshisaburo lắng nghe những chuyện linh tinh như vậy, bác cảm thấy cơ thể dễ chịu hơn. Một lát sau, bác trở lại giường một cách khó nhọc.

Ngày bắt đầu tàn. Trong làn ánh sáng nhợt nhạt tỏa vào qua cửa căn bếp, đối diện với căn phòng ba-tấm-chiếu²,

2 Tấm chiếu vốn được dùng làm đơn vị đo lường diện tích các phòng trong một ngôi nhà Nhật Bản. Người ta cũng căn cứ theo chiều dài và rộng của tấm chiếu để định diện tích cho mỗi phòng. Mỗi tấm chiếu dài 1 thước 82, rộng 0 th 91 và dày 5 phân. (chú thích trong bản Pháp ngữ)

vợ bác là O-umé, lưng đeo đứa con nhỏ, đang sửa soạn bữa ăn tối. Lúc này, vì cảm thấy cơ thể dễ chịu, Yoshisaburo khoan khoái thưởng thức sự dễ chịu ấy và bác ngó vợ bác. “Mình phải lợi dụng sự dễ chịu này chứ – bác tự nhủ – Mình đã hơi khỏe khỏe, có thể làm việc được rồi đây !” Và bác ngồi phịch xuống ; nhưng đầu óc bác quay cuồng và bác phải úp mặt vào gối một lúc.

O-umé bước vào, hai bàn tay ướt át của bà đu đưa trước mặt và bà cất tiếng hỏi một cách dịu dàng, ân cần :

– Mình có cần gì không ?

Yoshisaburo muốn trả lời “không !” nhưng chẳng có âm thanh nào thoát ra khỏi đôi môi bác. O-umé đã thay khăn trải giường, sắp cái ống nhổ và những ve thuốc ở đầu giường cho gọn lại.

– Không ! Yoshisaburo nói và sự khản giọng của bác khiến O-umé không dám động tới vật gì nữa. Lúc nầy bác dần dần lấy lại được tính khí bình thường, nhưng lúc này sự bực bội của bác lại nổ bùng ra.

– Có phải đỡ lưng cho mình không ?

O-umé hỏi, và một cách thận trọng, bà ta tiến nhẹ ra phía sau chồng.

– Mang sợi da³ và cái dao cạo của ông Yamada lại đây cho tôi !

Yoshisaburo nói một cách cộc cằn.

O-umé đứng yên một lát không nói gì cả.

– Liệu mình đã làm việc được chưa ? Cuối cùng bà cất tiếng hỏi.

3 sợi da dùng để mài dao (chú thích của người dịch.)

– Khỏi lo cho tôi, cứ mang sợi da và con dao tới đây.

– Nếu mình ngồi dậy thì phải lấy tấm mền hoặc một cái gì đó mà choàng lên người chứ !

– Đừng nói dông dài nữa, hãy mang sợi da và con dao tới đây ; có lẽ lên không nào ?

Thật ra Yoshisaburo cũng đã cố dần lòng lại, nhưng sự bức tức cứ dâng lên trong người bác. O-umé làm ra vẻ thản nhiên như không, nhưng bà lấy ra một chiếc kaimaki⁴ và, từ phía sau chồng, bà ta choàng cái áo đó lên vai chồng lúc đó đang ngồi thu lu trong giường như một bác thợ may. Nhưng Yoshisaburo, bằng cử chỉ giống như cử chỉ của một kẻ hất

4 kaimaki là một thứ áo ngủ ngắn có mền bông và hai tay dài. Khi nằm ngủ người ta mặc áo đồ như một thử áo choàng. (chú thích trong bản Pháp ngữ).

bỏ một gánh nặng trên vai mình, đã nắm lấy cổ chiếc kaimaki và oằn người giật nó ra khỏi vai.

O-umé, chẳng nói gì cả, kéo tấm lá chắn trên bức vách di động, rồi đi xuống căn phòng nền đất thịt ngoài cửa tiệm lấy sợi da và con dao cạo rồi trở vào. Không tìm được chỗ thích hợp để treo sợi da, bà mắc đại nó vào một cái khuy sắt trên chiếc cột gỗ ở phía sau đầu giường.

Trong lúc thưởng, đầu chỉ hơi khó chịu trong người, Yoshisaburo cũng thường vẫn nghĩ rằng bác không thể nào mài một lưỡi dao cho đúng điệu được ; ấy vậy mà hôm nay tay bác lại còn run vì cơn sốt nữa, bác hoàn toàn không đủ khả năng để làm điều mà bác muốn. Thấy chồng có vẻ cau có bức bối quá như thế, O-umé không còn yên lòng được.

– Thôi mình để thằng Kane nó mài cho !

Bà vợ đã nhiều lần cố đưa ý kiến đó ra, nhưng ông chồng không hề trả lời.

Dầu sao thì mài xong con dao bác Yoshisaburo cũng đã mệt lả. Làm việc được khoảng chừng mười lăm phút, mặt bác trông đã có vẻ cực kỳ mệt nhọc, bác lại nằm xuống, đầu óc lơ mơ và cuối cùng ngủ thiếp đi.

Khi bóng tối bắt đầu tỏa xuống thành phố thì người tớ gái của nhà Yamada, sau những công việc của cô ta, đã trở lại, tạt vào tiệm lấy con dao cạo.

O-umé đã nấu xong món cháo và muốn chồng bà ăn cháo lúc nó đang còn nóng. Nhưng thấy chồng ngủ say quá và bà nghĩ rằng nếu đánh thức ông dậy

chắc chắn ông sẽ bản gắt, nên bà đành thôi không đánh thức ông dậy ăn cháo. Tới tám giờ tối, vì thấy trời đã muộn, giờ uống thuốc có thể không phù hợp với giờ ăn, bà đã phải đánh thức ông dậy – bà phải vất vả lay lay ông thật nhiều ông mới tỉnh.

Lần này Yoshisaburo có vẻ dễ tính và tươi tỉnh hơn; bác ngồi dậy dùng bữa. Rồi vừa thoát ngả lưng nằm xuống bác ta lại ngủ li bì.

Trước mười giờ tối một lát, vợ bác lại đánh thức bác dậy uống thuốc. Lần này, cơ thể nặng nề choáng váng, Yoshisaburo không sao tỉnh táo hẳn lại được. Hơi thở nóng hổi của bác chạm vào tấm mền mà bác kéo lên che kín hai mắt và phả xuống mặt bác khiến bác có một cảm giác

khó chịu. Cửa tiệm lúc này im vắng. Bác giương đôi mắt lơ lơ nhìn chung quanh. Dọc theo cây cột gỗ, sợi da đen sịt thông xuống với vẻ im lìm. Bóng tối lẫn lộn với ánh sáng : ngọn đèn dầu chiếu ra một làn ánh sáng nhơ nhớp, một màu vàng ghê tởm khai mùi nước tiểu. Làn ánh sáng đó tỏa vào lưng Q-umé lúc đó đang vạch vú cho đứa nhỏ bú ở một góc phòng. Cái cảm giác mà toàn gian phòng tạo ra dễ khiến cho cơn sốt của bệnh nhân tăng thêm...

– Ông chủ !... Ông chủ !....

Từ ngưỡng cửa giữa phòng trong và cửa tiệm tiếng nói e dè của thằng Kin vọng vào.

– Chi vậy ?

Yoshisaburo hỏi lại nhưng miệng

bác ta vẫn khuất dưới tấm mền. Chắc hẳn vì bị nghẹt dưới tấm mền nên tiếng nói của bác không đi nổi tới tai Kin khiến gã thanh niên đó cứ nhắc đi nhắc lại cái tiếng “Ông chủ !”

– Có chuyện gì thế ?

Lần này tiếng nói của Yoshisaburo nghe đã rõ ràng và chua lòn.

– Vụ đao cạo của ông Yamada.

– Dao khác à ?

– Vẫn con dao cũ. Ông ta đã thử cạo những dao cùn quá. Họ đưa mài lại và hẹn trưa mai tới lấy. Họ yêu cầu ông chủ làm kỹ lưỡng rồi cho người mang tới nhà họ giao trả cho họ.

– Người mang dao tới còn đó không ?

- Cô ta vừa đi rồi.
- Đưa con dao đây tao coi nào.

Yoshisaburo vươn dài cánh tay trên tấm khăn trải giường và cầm lấy con dao cạo lúc đó đang nằm trong một cái túi bằng da dê thuộc mà Kin ngồi thụp hẳn xuống dâng lên cho bác.

– Tay mình vẫn còn run vì bệnh. O-umé nói. Hay là đưa cho ông Yoshikawa ở Kasumi cho bảo ông ta mài hộ cho ?

Vừa nói thế, O-umé vừa sửa lại ngực áo của bà cho ngay ngắn kín đáo lại. Chẳng nói chẳng rằng, Yoshisaburo vươn tay ra khêu ngọn đèn cho sáng hơn, rút con dao cạo khỏi túi da, khẽ gại gại lưỡi dao vào mu bàn tay coi xem nó sắc của như thế nào. O-umé, lúc ấy ngồi ở đầu

giường, muốn đặt tay lên trán chồng coi nóng lạnh ra sao. Với vẻ cẩu kỉnh, ông chồng dùng cánh tay rảnh rang gạt bàn tay bà vợ ra.

– Này, Kin !

– Cháu đây!, Kin, lúc ấy đang ngồi xóm ngay dưới chân giường, cất tiếng trả lời.

– Đưa hòn đá mài lại đây!

– Thưa vâng !

Hòn đá mài được mang tới, Yoshisaburo ngồi đó, một đầu gối vênh lên, bắt đầu mài lưỡi dao. Đồng hồ điểm mười tiếng một cách mềm yếu. Biết chắc là dầu có can ngăn chồng cũng vô ích, O-umé ngồi im lặng ngó chồng mài dao.

Khi mài xong trên hòn đá, Yoshisaburo còn đưa lưỡi dao sang liếc vào sợi da. Người ta có thể bảo rằng làn không khí tù hãm trong căn phòng bắt đầu hơi xao động lên với những tiếng mài dao nhịp nhàng...

Yoshisaburo cố chế ngự hai bàn tay đang run rẩy của bác ; bác cố giữ nhịp tay cho đều đặn nhưng vô ích ; bàn tay bác không tuân đúng theo ý muốn của bác. Đột nhiên cái đỉnh khuy mà lúc chiều O-umé đã đóng hờ vào cây cột bị văng ra khiến cho sợi da văng theo, rơi xuống, cuộn tròn lấy con dao cạo. O-mmé bất giác kêu lên :

– Cẩn thận đó !

Và bà sợ hãi nhìn khuôn mặt chồng bà trên đó cặp mày đang rung lên một cách bức tức. Ông chồng gỡ cho sợi da

khỏi xoắn lại, liệng nó xuống đất, rồi ông đứng dậy, tay cầm con dao cạo bước đi một cách quyết liệt ra phía cửa tiệm, trên người ông chỉ có bộ quần áo ngủ.

– Kìa, kìa, mình điên à !

Với giọng nói đầy nước mắt, O-umé cố ngăn cản chồng, nhưng vô ích. Không nói một lời, Yoshisaburo bước xuống cửa tiệm ; vợ bác ta cũng bước theo, không rời chồng ra.

Không có một khách hàng. Chỉ có thằng Kin đang ngồi lơ mơ trong một cái ghế bành trước một tấm gương soi.

– Thằng Kane đâu rồi ? O-umé hỏi.

– Anh ấy đi ve cô Tokiko rồi.

Thằng Kin trả lời bằng một vẻ khá nghiêm trang.

– Thằng ấy mà đi ve gái à ? Nó đã nói vậy thật à ? O-ume vừa nói vừa cười lớn tiếng.

Trong khi đó, khuôn mặt Yoshisaburo vẫn có vẻ băng khuâng lăm lì.

Cô Tokiko mà thằng Kin vừa nhắc tới là một cô gái kỳ cục ở cách tiệm hớt tóc này chừng năm, sáu nhà ; cô coi giữ một cửa hiệu mà tấm bảng treo ngoài cửa cho biết đó là cơ sở « cung cấp đủ loại hàng cho quân đội. » Người ta nói rằng trước kia cô ta là một sinh viên. Từ sáng cho tới chiều, không một phút nào là người ta không trông thấy một hai quân nhân, hoặc sinh viên, hoặc những gã trẻ tuổi ở gần đó, đứng ngồi phất phơ trong cửa hiệu của cô ta.

– Cửa hàng nhà người ta sắp tới giờ đóng cửa rồi ; hãy sang gọi thằng Kane về.

O-umé ra lệnh cho Kin.

Nhưng không hiểu tại sao, Yoshisaburo lại chống đối lệnh đó của O-umé:

– Bây giờ hãy còn sớm lắm mà !

Ông ta nói thế, và O-umé thôi không nói gì về việc đó, bởi nói thêm nữa làm chi, thêm phiền.

Yoshisaburo lại mài dao. Đứng mà làm việc ông ta thấy dễ chịu hơn là ngồi.

O-umé đi lấy một cái áo va-rơcó mền bông. Với những lời lẽ giống như những lời lẽ người ta dùng khi dỗ dành trẻ con, bà phải mất công khó nhọc mới khiến được chồng xỏ hai tay vào áo đó.

Sau đấy, có vẻ yên tâm, bà ngồi ở một bậc lên xuống của căn phòng, nhìn với vẻ canh chừng dò xét khuôn mặt chồng bà, ông chồng đang mài dao, mài với tất cả khí lực còn sót lại.

Thằng nhỏ Kin lúc ấy đang ngồi trên một chiếc ghế dài dành cho những hành khách ngồi chờ đợi, gần bên cửa sổ; nó cầm một con dao cạo quẹt lên quẹt xuống dọc theo cẳng chân nó, thứ cẳng chân trẻ con đầu sao thì cũng chưa có lông.

Ngay lúc đó, cửa ra vào mở ra, một gã thanh niên, khoảng hăm mốt hăm hai tuổi, thân hình thấp bé, bước vào tiệm với sự vui vẻ ồn ào. Gã mặc một bộ kimono mùa mát mới toanh bằng vải bông, hai đầu chiếc dây lưng được thắt vào nhau ngay ở giữa bụng⁵ hai bàn chân gã xỏ 5 Nút thắt ở ngay giữa bụng coi nghịch mắt, vì có vẻ khác thường. Thông thường, nút thắt đó phải nằm phía bên phải bụng. (chú thích trong bản Pháp ngữ)

trong một đôi hài hoàn toàn bằng gỗ, có buộc dây sơ sài, phía trước bó chặt lấy bàn chân, coi dễ sợ.

– Cạo mặt cho tôi một chút, lệ lệ lên nhé !

Gã thanh niên vừa nói thế vừa đứng trước tấm gương soi, khẽ căn cứ vào môi dưới, vênh cằm lên, và không ngừng dùng đầu mấy ngón tay xáp vào nhau xoa xoa phần phía dưới bộ mặt gã. Khi nói, gã cố bắt chước kiểu nói của một dân thành thị kiểu mới nhất, nhưng cái giọng nói của gã khiến người ta nhận thấy rõ gã vốn chỉ là một dân nhà quê. Những ngón tay nổi rõ khắc và bộ mặt đen sạm lồi lõm lồm lồm của gã tố cáo gã là một kẻ hàng ngày vốn thường phải làm những công việc nặng nhọc.

– Đi gọi thằng Kane về đây, lẹ lên !
O-umé nói và đôi mắt bà ta, cũng như
giọng nói của bà, đầy vẻ ra lệnh.

– Khỏi gọi nó, để tôi làm cho ! Yosh-
isaburo nói.

– Nhưng hôm nay tay mình run thế
kia...

– Để tôi làm ! Yoshisaburo cắt ngang
lời vợ một cách bức bối.

– Hôm nay, không hiểu ông ấy làm
sao thế này... O-umé nói làm bầm.

– Đưa cái áo bờ-lu đây ! Yoshisaburo
nói.

– Cạo râu thôi mà, đâu có gì mà sợ
nhớ, thôi đừng mặc bờ lu nữa.

O-umé nói thế vì bà không muốn
ông cởi bỏ chiếc áo va-rơ.

Gã trẻ tuổi có vẻ bối rối ngơ ngác, hết nhìn người chồng rồi lại nhìn người vợ. Gã e dè nhúu cặp mắt nhỏ và trũng của gã lại mà hỏi :

– Này ông chủ, ông bị đau à ?

– Bị cảm nhẹ nhẹ thôi... Yoshisaburo trả lời.

– Nghe nói lúc này có nhiều người bị cúm nặng lắm đó. Ông phải cẩn thận !

Yoshisaburo trả lời bằng hai tiếng “cảm ơn !” hoàn toàn có tính cách chiếu lệ, và choàng một cái khăn trắng quanh cổ khách.

– Ông cạo qua loa thôi cũng được. Gã thanh niên nhắc lại ý đó ; và, với một nụ cười thông cảm, gã nói thêm : Bởi vì tôi hơi vội, phải đi... Ông hiểu chứ...

Yoshisaburo ngậm miệng không nói gì cả ; bác ta mở lưỡi dao của ông Yamada mà bác vừa mài và gọt nó vào một sợi da.

– Bây giờ là mười giờ rưỡi, hả ? Được rồi. Chắc hẳn cùng lắm là tới mười một rưỡi là phải xong.

Người khách nói thế bằng một giọng nhấn mạnh với hi vọng sẽ nhận được vài lời phát biểu ý kiến của bác thợ cạo.

Ngay lúc đó trong tâm trí Yoshisaburo hiện ra rõ rệt hình ảnh một người : hình ảnh một con gái điếm như bản cư ngụ ở tầng dưới ; bác nghĩ tới những con gái điếm mà cách xử sự nói năng không còn gì là nữ tính ; bác nghĩ rằng có lẽ cái gã thanh niên người nhỏ bé này, sau khi ra khỏi tiệm của bác, sẽ đi xuống cái ổ điếm ấy ; tất cả những hình ảnh khiến

bác buồn nôn đó, lần lượt diễn ra trong bộ óc đã suy nhược của bác. Bác đổ nước đã nguội ngắt vào xà bông rồi, cố ý chọn một cái chổi cọ khá cứng, bác nhúng nó vào nước xà bông bôi vào mặt khách, khắp cả cằm lên tới hai gò má. Gã trẻ tuổi cử ngong ngóng cổ nhìn bộ mặt gã, cái bộ mặt cứ từng lúc bị che khuất rồi lại xuất hiện trong tấm gương. Yoshisaburo rất muốn khắc một vài ý nghĩ độc ác mà bác cảm thấy rõ ràng vào cái bộ mặt đó của gã thanh niên.

Hơn một lần, lưỡi dao cạo được gạt đi gạt lại vào sợi da, kêu loẹt xoẹt, và bác Yoshisaburo bắt đầu cạo mặt cho khách, khởi sự từ phía dưới cằm. Đúng thế, lưỡi dao đi không được ngon. Bàn tay Yoshisaburo run run. Giờ đây vì phải đứng nên bác mệt nhọc hơn là nằm trong giường ; bác phải gắng dần công việc cho ổn, nên

khi bác thoát cúi xuống, nước mũi bác bắt đầu chảy ra. Thỉnh thoảng bác lại phải tạm ngưng công việc, để hỉ mũi. Tuy vậy lúc nào bác cũng vẫn cứ thấy lỗ mũi bác buồn buồn vì một giọt nước mũi thành hình và có vẻ như sắp sửa rơi xuống.

Người ta nghe thấy tiếng đứa con nhỏ của vợ chồng bác khóc ở phòng trong ; O-umé dời của tiệm bước vào phòng đó.

Mặc dầu bị cạo mặt bằng một con dao không được sắc nhưng người khách vẫn giữ bộ mặt lãnh đạm. Lưỡi dao tuy cùn nhưng có vẻ không làm cho gã động lòng gì cả. Cái vẻ thờ ơ hững hờ như vậy của khách đã khiến cho Yoshisaburo điên lên vì tức tối. Chẳng phải vì bác thiếu những dao cạo sắc bén và thuận hợp với bàn tay bác. Nhưng bác không chịu đổi dao khác : việc đẽch gì mà phải chăm sóc kỹ càng cho một người khách

như gã này chớ. Tuy nhiên, một cách vô thức, bác cứ làm việc một cách chăm chú cẩn thận như thường lệ. Mặt người khách còn chỗ nào nham nhám là bác không thể chịu được ; và càng cố cạo cho nhẵn, bác càng bức bối. Sự mệt nhọc dần dần xâm chiếm thân thể bác, xâm chiếm tâm hồn bác. Cả cơn sốt cũng có vẻ đang dâng lên một cách rõ rệt.

Lúc đầu, gã trẻ tuổi đã thử nói chuyện này chuyện nọ, nhưng rồi, vì sợ hãi bởi cái tính khí lăm lè khó chịu của bác thợ cạo, gã ngồi ngậm tăm, không còn nói gì nữa.

Khi lưỡi dao cạo đưa trên trán gã thanh niên thì, vì quá mệt mỏi với những công việc nặng nhọc lúc ban ngày, gã thiu thiu ngủ. Thằng Kin, lúc đó đang đứng tựa lưng ở cửa sổ, cũng ngủ gà ngủ gật. Ngay cả phòng trong, lúc này đã tắt tiếng

ru của người mẹ, cũng lâm vào trạng thái im lặng như tờ. Trong nhà này, cũng như bên ngoài, đêm tối trở nên êm tĩnh hoàn toàn. Người ta chỉ còn nghe thấy tiếng lưỡi dao cạo chạy rột rột trên da.

Sự bức tức âm thầm và sẵn sàng nổ bùng của Yoshisaburo đã biến mất : lúc này nước mắt bác như muốn ứa ra và bác đã hoàn toàn kiệt sức. Mắt bác nhìn không rõ nữa, như thể cơn sốt đã khiến con mắt bác biến thành chất lỏng.

Bác đã cạo xong phía trên cổ, cạo xong cái cằm, hai má và vầng trán. Nhưng từ chỗ cổ họng, nơi mà làn da thì mềm, bác không thể nào cạo cho đúng ý được. Bác cố làm cho chu toàn, cố thực hiện điều không thể làm được, nhưng vô ích. Lúc bấy giờ bác thoáng có ý nghĩ là phải bào tuốt lượt luôn cả lông lẫn da. Chính vì ngó vào bộ mặt đỏ của người khách,

bộ mặt có làn da thô kệch đến thế, có những lỗ chân lông dễ dàng tiếp nhận những cái ghét, mà trong thâm tâm bác đã nảy ra cái ý nghĩ như thế,

Gã trẻ tuổi đã ngủ lúc nào mà không hay. Đầu gã ngửa hẳn ra phía sau, gã há hốc miệng, nhả ra những hơi thở hôi thối. Hai hàm răng gã khấp khểnh và đầy cái bẩn.

Yoshisaburo đã mệt lả. Thật tình, bác không còn đủ sức làm việc thêm nữa : bác có cảm tưởng như người ta đã chích thuốc độc vào tất cả những khớp xương của bác. Bác ao ước được đứng sững lại, được ngã phục xuống ngay tại chỗ đó. Tâm tưởng bác không ngừng nhắc đi nhắc lại : “Hãy dừng lại, dừng cạo nữa !” Thế nhưng, như một người máy, bác vẫn tiếp tục ngoan cố cạo người khách.

Đột nhiên lưỡi dao hơi khựng lại một chút xiu, nhẹ, rất nhẹ... Cổ họng gã thanh niên khẽ rung lên. Có một cái gì như một làn sóng chuyển rất nhanh trong cơ thể Yoshisaburo, suốt từ đỉnh sọ xuống tới đầu ngón chân cuốn phẳng đi tất cả mọi vết tích của một mối trên cơ thể ấy.

Cổ họng người khách vừa bị lưỡi dao phạm phải rất nhẹ, và vết rạch đó không dài tới hai phân. Nhưng Yoshisaburo đứng im lìm và đôi mắt bác không rời vết rạch đó. Lúc đầu nó chỉ là một vạch rất mờ trắng bệch, dần dần màu trắng đó trở thành màu hồng, rồi một lúc sau máu ở chỗ đỏ ứa ra. Yoshisaburo vẫn chăm chăm ngó cái vết rạch. Một giọt máu sẫm sáng óng ánh. Cái giọt đó lớn dần lớn dần, và này đây nó chảy xuống thành một vệt máu, chảy nhanh và êm ru.

Lúc bấy giờ, một ý muốn man rợ chột tỉnh thức trong đáy tâm hồn Yoshisaburo... Trừ lần này ra, từ trước tới nay, Yoshisaburo chưa hề bao giờ gây một thương tích nhỏ nào cho các khách hàng, và giờ đây, cái ý muốn man rợ ấy dâng lên trong bác, càng lúc nó càng có nhiều quyền lực, nó dâng lên một sức mãnh liệt phi thường. Dần dần, hơi thở bác trở thành hào hển. Hình như cả thân thể lẫn linh hồn bác đã bị cái vết thương nhỏ bé kia hớp lấy... Giờ đây bác không còn có thể nào kìm hãm được cái uy lực đó trong người bác ; Yoshisaburo quay lưỡi dao lại và bằng một cử động đột ngột, bác cho lưỡi dao của một đường xiên xiên vào cổ họng người khách, nhát dao mạnh đến độ tất cả lưỡi dao bị ngập hẳn vào cổ người khách... Gã thanh niên

chết ngay không kịp giãy giụa. Trong một giây đồng hồ, máu vọt ra, và, ngay lập tức, bộ mặt gã trở thành xám ngoét như đất.

Trong trạng thái nửa tỉnh nửa hôn mê, Yoshisaburo tự thả mình rơi vào một cái ghế bành ở cạnh đó. Tất cả sự căng thẳng trong người bác vụt dịu hẳn lại, nhưng cũng ngay trong lúc đó, bác ta thấy mình đã mệt mỏi đến cực điểm. Đôi mắt nhắm lại, cơ thể không còn chút sức lực nào, trông bác giống như một kẻ đã chết... Đêm tối cũng mang một vẻ êm tĩnh của một xác chết... Không còn một vật gì động cựa nữa... Tất cả mọi vật đã chìm vào một sự hôn mê sâu thẳm...

Chỉ có những gương soi, được đặt
ở ba mặt căn phòng, là đang ngắm nhìn
quang cảnh với một vẻ thờ ơ lạnh lẽo...

tháng Tư 1910

Naoya Shiga

NAOYA SHIGA

Kuma

Lê Huy Oanh dịch

 ạn thân của tôi là ông Tanizaki⁶ ở Okamoto, có cho tôi một con chó săn loại lévrier (đó chính là con vật đẹp đẽ mà ông ta đã cho xuất hiện trong cuốn tiểu thuyết Tade kun mushi – Những thị hiếu và những màu sắc – của ông ; và trong sách ấy, người ta cũng còn thấy con chó đó trong các hình minh họa

6 Tanizaki là một tiểu thuyết gia Nhật Bản hiện đại có vóc dáng rất lớn. Ông là tác giả nhiều truyện ngắn, những bài khảo luận về nhiều đề tài khác nhau, những vở kịch và một bản chuyển ký cuốn sách vĩ đại Roman de Genji (chú thích trong bản Pháp ngữ).

của cố họa sĩ Narashige Koide, cũng là bạn của chúng tôi.) Con chó này (được tôi đặt tên cho là Naka) đã tới lúc già, mắc phải bệnh rụng lông và tôi biết chắc rằng trong một thời gian thật lâu lông nó không còn mọc ra được nữa.

Một buổi sáng tôi bị đánh thức dậy bởi những tiếng huyền não do vợ và các con tôi gây ra ở phía trước căn phòng mà trong đó tôi đang ngủ. Hối ra mới biết con chó Naka vừa chết. Lúc ấy, chính tôi cũng bị bệnh sạn trong túi mật hành hạ, và đang sa vào một tình trạng rất mệt mỏi cả về thể chất lẫn tinh thần. Tôi ghê tởm không muốn nhìn thấy cái xác chết của Naka. Từ trong giường, tôi ra lệnh cho vợ con tôi đi gọi ngay lập tức bác người làm ngụ ở làng Byakugoji, tức là người vẫn tới giúp việc cho gia đình tôi hàng ngày, và bảo bác ta mang xác con chó tới chôn

tại nghĩa địa ở đền Gyakugo. Tôi tự thấy khỏi cần phải ra khỏi giường. Như vậy đó, Naka đã nằm xuống chết ở cái chỗ chỉ cách giường tôi nằm không đầy hai thước. Làm sao để tin rằng sự kiện “con chó nằm chết ở một chỗ gần tôi đến thế” chỉ hoàn toàn là một sự tình cờ chứ ? Cái ý nghĩ đó khiến lòng tôi tràn đầy nỗi thương cảm.

Thông thường tôi vốn luôn luôn yêu mến loài vật, và từ khi tôi còn nhỏ cho tới nay, tôi vẫn thường nuôi những súc vật. Nhưng, như các người già cả thường hay nói, người ta cứ càng già đi lại càng đau buồn thêm khi thấy những súc vật mắc phải bệnh tật hoặc kế tiếp nhau mà chết. Cần phải thêm điều này vào : khi người ta ở thôn quê người ta thường lưu luyến với thảo mộc – theo ý tôi, sự lưu luyến đó là một ý hướng rất tự nhiên – Nhưng

đối với súc vật, chẳng biết có phải do tính chất di truyền không, các con tôi rất ham nuôi chúng. Đến đời trong vòng ba bốn năm nay, hai vợ chồng tôi đã phải nuôi súc vật trở lại, để chiều theo các con.

Cái năm tiếp theo năm mà chó Naka chết, chúng tôi đã phải dọn nhà tới thành phố Tokyo. Ngôi nhà mà chúng tôi sẽ tới ngụ ở Tokyo liệu có sẽ cho phép chúng tôi nuôi một con chó hay không ? Tôi đã từng quyết định rằng chỉ khi nào có hoàn cảnh thuận tiện hơn, chúng tôi mới nuôi con chó khác, vì thế, trong một thời gian, trong nhà chúng tôi đã không có súc vật nào cả.

Tuy nhiên, một hôm, tôi và các con tôi đã mở một cuộc lội bộ đi chơi theo như tập quán thông thường. Chúng tôi tiến về phía rừng Kasuga, trước khi đi tới ngôi đền cũng mang tên Kasuga. Rồi,

men theo chân ngọn núi Misaka chúng tôi lần lượt đi tới đồi Tamuke, ngôi đền Hokke và miếu Đệ nhị Nguyệt. Sau đó từ trên chùa Đại Chung, mấy cha con tôi đi xuống ven thái ấp Đại Thích Ca và đi vòng sau thái ấp đó. Tôi muốn tới thăm bạn tôi là ông Hashimoto tại Đạo qui viện, một trong những ngôi chùa ở Tô-daiji. Đi qua tiền sảnh, người ta sẽ thấy ngay, ở phía bên, một cái chỗ mà những người sống tại vùng Kyôto quen gọi là “nội đình”, và ở phía bên kia “nội đình” là nhà bếp. Vợ ông Hashimoto đã từ nhà bếp đó tới gặp mấy cha con tôi, theo sau bà ta là một con chó mẹ và ba con chó con. Mấy con chó nhỏ, bắt cần lưu ý xem khách thuộc hạng người nào, cứ quẩn quít bên chân chúng tôi, bày tỏ sự vui mừng của chúng bằng cách liên hồi vẫy vẫy những cái đuôi ngắn ngắn và nhún nhún hai mông sau.

Ông Hashimoto không có ở nhà. Do đấy, tôi quyết định quay trở về nhưng lúc đó đứa con gái áp út của tôi, đang ngồi xổm, hai bàn tay ôm lấy cổ một con chó nhỏ, nhất định không chịu đứng dậy

– Con thích con chó này ! Con muốn có nó ! Con gái tôi vừa nói thế vừa ngược mắt lên nhìn tôi bằng cái nhìn mà nó đã cố ý phả tất cả sự ham thích của nó vào đấy để ép buộc tôi phải ưng thuận. Về phần con vật, nó giữ một vẻ bình lặng khác thường, và đuôi nó cúp xuống. Chắc chắn là con chó ấy không suy nghĩ lo âu gì cả, nhưng nhìn đáng bộ đó của nó người ta vẫn cứ có cảm tưởng như nó đang lo lắng không biết nó có sắp được chúng tôi chiếu cố hay không. Đó là một con chó có lông dài, và thoạt nhìn nó, người ta thấy nó cũng chỉ thuộc giống chó thông thường. Mặc dầu ông Hashimoto không

có nhà và do đấy không thể nào có ngay được sự đồng ý của ông, tôi vẫn cứ chịu nhượng hộ con gái tôi để tạm xin con chó đó mang về và chúng tôi sẽ trả lại nó cho ông Hashimoto nếu như ông ta đã hứa cho nó cho người nào khác rồi. Kết cuộc, chúng tôi mang con chó đi, mấy đứa con tôi tranh giành nhau lần lượt bỗng bế nó.

– Lúc này đây, chưa thể mang nó đi Tokyo được vậy khi nào chúng ta dọn nhà chúng ta sẽ tạm gửi nó nơi nhà một người quen nào đó. Tôi nói.

Tôi thường vẫn nhắc đi nhắc lại cái ý kiến về dòng giống chó cho các con tôi nhớ. Trong thời kỳ ấy đang có phong trào nuôi những chó giống tốt như loại beec-giê, loại airdale, loại chó Nhật, vì thế từ trước tới nay, tôi chưa hề bao giờ có ý định nuôi cái thứ chó pha giống cỏ

rả như con chó này. Một kinh nghiệm từ ngày xưa đã cho tôi biết những sự phiền phức do cái bản chất man rợ xưa cũ của những thú chó tạp giống như vậy gây ra, những phiền phức mà tôi đã từng có lần trình bày trong một truyện kể ngắn nhan đề Đạo chơi trong tuyết. Vậy nên tôi đã am hiểu những điểm không hay của loại chó tạp chủng. Trông chúng đang xinh xắn ngộ nghĩnh thế rồi, một ngày đẹp trời nào đó, chúng bỗng đâm ra đau yếu, phờ phạc. Chính vì thế mà tôi đã cẩn thận cảnh cáo mấy đứa con tôi về điều đó. Vài ngày sau, tôi nhận được mấy hàng chữ của ông bạn Hashimoto : “Tôi chưa hứa con chó cho ai cả. Vậy nếu cha con bác ưa thích nó, bác cứ việc giữ lấy nó. Tuy nhiên, trong trường hợp bác không muốn nó nữa bác cứ việc trả lại nó cho tôi, khỏi cần bận tâm gì cả.” Như vậy là tác giả bức thư này đã có ý e

ngại rằng tôi sẽ tiếc hận về cái cử chỉ lúc đầu của tôi, cái cử chỉ đã bị chi phối bởi một sự tò mò hơi hợt của lũ con tôi. Và chẳng, chính con chó này cũng đã là một thứ minh chứng rằng nỗi e ngại đó của Hashimoto không phải là không duyên cớ.

Chúng tôi đã thảo luận với nhau về cái tên sẽ đặt cho con chó. Vốn có những cái tên như “Teru”, “Yone”, “Toku”, là những cái tên mà người ta đã quen dùng từ hai thế hệ nay và do đấy đã trở thành rất quen thuộc. Nhưng căn cứ theo những đức tính phi thường của chúng, những con chó đã mang những tên đó thường là xứng đáng với tên của chúng. Trong khi con chó nhãi ranh của chúng tôi trông có vẻ không xứng với những cái tên đầy danh dự như thế. Cuối cùng vì thấy đáng bộ nó có ít nhiều điểm giống

với dáng bộ con gấu, chúng tôi bèn đặt tên cho nó là “Kuma” (nghĩa là “Gấu”). Gặp đúng ngay sau cái vụ đó thằng con trai tôi đã làm một bài luận văn tại lớp với đề tài “Con Gấu”. Nó đã khởi đầu bài luận của nó như thế này :

Có nhiều loại gấu khác nhau : gấu nâu, gấu mang một vết màu trắng, gấu trắng, gấu Mã Lai, nhưng cái con gấu ở trong nhà tôi lại không phải là một con gấu đúng như thế. Bởi vì ‘Gấu’ là tên con chó của tôi. Tại sao chúng tôi đã đặt tên cho nó là “Gấu” ? Bởi lông nó dài và rậm bù xù. Coi nó giống như một con sư tử trong những tranh vẽ của người Trung Hoa, và trông nó cũng giống với một con gấu. Và lẽ đương nhiên, bởi vì nó chính là một con chó, nên trông nó còn giống với một con chó...

Ờ, mà thật thế, con chó này trông giống một con gấu. Có một ông bạn tôi tên K... vốn là hàng xóm của tôi; tôi thường làm cho K... phát tức tối khi tôi bảo ông ta :

– Khi nào tôi đi Tokyo, tôi để con Kuma lại cho bác nhé.

Mỗi lần nghe câu nói đó của tôi, K... thường cười ruồi. Tôi còn nói với ông ta :

– Bác sẽ nói sao khi thấy tôi dắt con chó ấy đi dạo chơi một vòng từ khu Shimbashi sang khu Kyobashi [Shimbashi và Kyôbashi là hai khu ở Tokyo. (Chú thích của người dịch)]. Ngay lúc nó còn bé tí, có lần chúng tôi dắt nó đi dạo chơi trong công viên Nara. Một hôm có một bà thuộc hạng tuổi sồn sồn, trông có vẻ như tới du lịch tại Nara, đã nhìn chúng tôi bằng cái nhìn chê bai, rồi vừa hạ một

[thiếu trang 24, 25]

của tôi ắt rồi sẽ gặp tai nạn ; quả nhiên chẳng bao lâu biến cố đó xảy ra: con vịt đã bị một con chó ở hàng xóm tên là Tarô cắn chết. Ít lâu sau, lại có chuyện khác. Thằng con tôi mang về nhà một số gà con mà nó cho biết là nó đã mua với giá mười yen ba con. Khi lũ gà được thả ra, Kuma nằm tách xa hẳn một chỗ khá xa với chỗ thả gà và không có một cử

chỉ nhỏ nào của nó chứng tỏ nó muốn lảng vảng tới gần lũ gà hơn. Nó không quên được cơn thịnh nộ của tôi trong vụ hai con vịt trước đây. Sau khi được thả ra, mấy con gà chạy tung tăng khắp nơi trong sân. Cuối cùng, chúng mon men tới chỗ Kuma đang nằm dài. Nhưng con chó, vì e ngại có thể gây ra một cơn dông tố mới hoặc một sự sỉ nhục nào tương tự, nên đành chỉ vừa đứng dậy vừa hạ thấp đầu xuống đưa mắt nhìn xéo sang tôi ; và nó quay người nửa vòng dời xa lũ gà con; nó tiến tới phía cửa nhỏ và đi ra ngoài đường. Tôi thấy rõ là cái kiểu nó nhìn tôi lúc ấy có vẻ như muốn bảo tôi rằng : “Lần này, đồng ý với ông, tôi không hề động gì tới mấy con gà nhé. Ông đừng có nổi giận với tôi đó nhé.”

Thế rồi, tới cái lúc cả lũ gà con đều đồng lòng tin cậy vào con chó một cách

cuồng nhiệt. Tôi thường trông thấy lũ gà nhảy lên lưng con chó lúc nó đang nằm ngủ. Trông cách nó xử sự với lũ gà người ta thấy nó thật tinh khôn. Riêng đối với những người lạ, thì đâu có bị trách mắng đến mấy, con Kuma cũng cứ vẫn xử sự một cách khác hẳn thế : nó thường rượt đuổi người ta, vừa rượt vừa sủa, thỉnh thoảng còn cắn người ta nữa : chỉ có điều đó là khuyết điểm của nó. Vì thế ban ngày nó bị cột lại bằng một sợi xích dài, chỉ ban đêm nó mới được tháo xích ra.

Mùa thu trước nữa, năm người trong gia đình tôi được chuyển tới Tokyo. Vì những lý do liên hệ đến việc học của hai đứa con tôi, chỉ còn ba người : hai đứa con gái thứ nhì và thứ ba của tôi và tôi ở lại nơi cũ. Về phần những súc vật nuôi trong nhà thì có con khỉ mà chúng vẫn nuôi đã được nhập vào toán dời đi To-

kyo, trong khi Kuma được ở lại Nara với tôi. Sang mùa xuân năm ngoái, đến lượt toán còn lại của gia đình tôi dời nốt đi Tokyo, Kuma cùng đi với tôi. Tại đô thị, mặc dầu Kuma là một con vật tinh khôn nhưng nó cũng vẫn chỉ là một “đứa bé nhà quê” ra tỉnh. Hàng ngày tôi dẫn nó đi dạo trên những đường lân cận ở chung quanh khu Toyama-ga-hara. Đến ngày thứ mười, vì thấy Kuma đã có vẻ quen thuộc với nơi ở mới này, tôi bèn tháo dây cột nó ra. Nhưng hai, ba ngày sau – điều này kể cũng dễ tiên đoán – con Kuma bị lạc đi đâu mất. Vụ nó bị mất tích như vậy khiến tôi bức tức. Ngày trước, trong một dịp đi dạo về miệt Asakusa, tôi đã thuê người ta làm cho một tấm lắc ghi khắc căn cước con Kuma, cái loại lắc mà người ta thường đeo vào cổ những đứa trẻ con để phòng ngừa trường hợp chúng bị lạc. Nhưng tấm lắc ấy vẫn còn được móc vào

một cái đinh khuy ở cửa lò sưởi chứ chưa được tôi đeo vào cổ con Kuma. Nếu tôi đã có lương tri đeo tấm lặc ấy vào cổ nó chắc hẳn chúng tôi sẽ không đến nỗi mất hy vọng tìm thấy nó như lúc này. Tokyo là một nơi hơi khác biệt với Nara : ở Tokyo này, muốn tìm nó thì cứ tìm, nhưng muốn tìm thấy nó thì có khác gì muốn tìm thấy cái kim gút trong đồng cỏ khô ! Tuy vậy, tôi và lũ con tôi vẫn cứ cố tìm kiếm nó : từ trên đỉnh ngọn đồi của bãi tập bắn của khu Toyama-ga-hara, chúng tôi đồng thanh gọi tên Kuma, gọi thật lớn ra khắp bốn hướng trời. Tối hôm đó có những cơn gió bắc lạnh giá.

Tôi tới quận cảnh sát để báo cho họ biết về vụ Kuma mất tích. Nhưng người ta nói với tôi rằng việc tìm những con chó bị lạc không phải việc của cảnh sát ; người ta chỉ bảo tôi rằng nếu trong

những ngày tới đây mà tôi không thấy con chó trở về, thì tốt hơn hết tôi nên làm tờ khai về vụ mất con chó rồi cảnh sát sẽ liệu tính chuyện giúp đỡ tôi.

Tôi vốn nghĩ rằng đối với việc mất một con chó tinh khôn thì có trình báo cảnh sát như vậy cũng chẳng phải điều quá đáng. Chúng tôi chỉ còn biết suy nghĩ. Kuma vốn là con vật chưa hề nhìn thấy cái xe điện bao giờ nên có thể nó đã bị một chuyến xe điện chạy hết tốc lực ở đường xe lân cận và phải chăng ? Cũng có thể nó đã bị một cái xe hơi cán phải ; thứ xe hơi mà một con chó hãy còn què mùa như nó thường thích rượt theo ?... Vào ban đêm, khi tôi nghe tiếng một con chó rít lên ư ử và ngỡ rằng đó là tiếng con Kuma, tôi đã thường phải bước ra khỏi giường tới mở cửa sổ phòng tôi, và chẳng còn biết tôn trọng ai, tôi gọi tên

con Kuma âm lên. Biết bao nhiêu lần tôi đã hy vọng hụt như vậy rồi !

Đôi khi tôi còn tưởng tượng là vì không tìm thấy nhà mới nên có lẽ con Kuma đã cố tìm đường trở về Nara rồi. Tôi nhớ lại chuyện con chó ở tỉnh Kii mà người ta đã gửi tới Osaka : chỉ sau vài tuần lễ, con chó ấy đã dờn bỏ Osaka để lần về tỉnh Kii và khi gặp lại được chủ nó ở Kii nó đã lăn ra chết... Nhưng về phần con Kuma, nếu nó có lần mò về tới Nara thì ở đó nó sẽ chẳng gặp được ai hết ; ý nghĩ đó khiến tôi càng thương nó thêm.

— Chắc hẳn không thể có chuyện nó trở về Nara, nhưng dầu sao thì chúng ta cũng cứ biên thư về cho người quen ở Nara cho họ biết. Và tôi yêu cầu vợ tôi biên thư gửi về Nara.

Tôi cảm thấy buồn rầu khi mừng tượng cái bóng dáng của Kuma đang phóng về hướng Tây, trên con đường đi Tôkaido, và nó chẳng có gì mà ăn !

– Nó bị mất tích từ hôm nào nhỉ ?

– Hôm mồng bốn tháng này... Sau khi vừa ăn xong bữa tối thì nó...

Thỉnh thoảng chúng tôi lại đo lường tính toán về thời gian đã trôi qua như thế đó.

Một hôm, tôi quyết định đi với đứa con trai của tôi tới một tiệm sách ở khu Kanda để mua một trong những cuốn sách sửa bài tập mà các học sinh quen dùng. Ngay khi chúng tôi đã sẵn sàng để ra đi thì một ông bạn của tôi tới. Ông ta có chuyện muốn bàn với tôi. Vì đã từ lâu lắm chúng tôi không được gặp lại nhau

nên tôi không còn muốn đi Kanda nữa; tôi và ông bạn hàn huyên đủ chuyện. Đang lúc đó thì lại có thêm một người bạn nữa tới chơi. Chuyện trò lan man đến độ mãi bốn tiếng đồng hồ sau cả hai người khách mới về hết.

– Sao đây ? Đi bây giờ hay để đến mai ?

Tôi hỏi thẳng con tôi. Mối nó nở một nụ cười lưỡng lự khi nó trả lời :

– Ba muốn đi bây giờ hay để đến mai cũng được... Mà có lẽ nên đi luôn bây giờ đi, ba à...

Tôi hiểu lòng thẳng con tôi : thái độ đó của nó chứng tỏ nó muốn đi ngay lúc ấy, với hi vọng là trước khi trở về nhà hai cha con có thể sẽ tạt vào một rạp chiếu bóng hoặc ghé một tiệm ăn ngon lành nào đó.

– Chắc hẳn tiệm sách vẫn còn mở cửa buổi tối. Phải lẹ lẹ lên chút. Dừng bữa xong rồi chúng ta đi ngay...

Đứa con gái cả của tôi, vì bực tức với thằng em nên vừa nói phá đám vài câu vừa cất cao giọng để nhấn mạnh.

– Thôi chị im đi ! Người ta chỉ nghe thấy có tiếng của chị thôi !...

Thằng em phản công lại, coi bộ nó có vẻ nổi giận rõ ràng và nó quắc mắt nhìn chị nó.

Cuối cùng, mọi người quyết định là chúng tôi sẽ ra đi ba người : tôi, thằng con trai tôi và con em gái nó.

Tôi muốn đáp xe ô-tô buýt thành phố từ trạm Takata-no-Baba để tới ga xe lửa điện trung ương Tokyo. Nhưng chuyến xe tới đầu đây nhóc hành khách khiến

cho nhiều người phải đứng nên tôi quyết định chờ chuyển xe sau. Vài phút trôi đi. Xe vừa đỗ, con trai tôi đã len vội vào phía trong xe để giành một chỗ ngồi cho tôi. Cuối cùng, cả ba chúng tôi đều có chỗ ngồi nhưng phải ngồi ép sát lại với nhau.

Tới ngã tư Edogawabashi, trong khi tôi lơ đãng ngó ra ngoài xe tôi bỗng trông thấy một con chó đang chạy chậm chậm qua cầu hướng về phía đền Gokokuji ; trông xa tôi thấy con chó ấy có vẻ giống con Kuma. Chỉ hơi khác nhau một chút ở cái đuôi, vì đuôi con chó ấy thẳng. Có lẽ vì tôi hay nghĩ tới con Kuma nên tôi thấy con chó này giống với con Kuma chẳng ? Tâm hồn thẳng thốt, tôi hỏi hai đứa trẻ :

– Có phải con Kuma đang đi ở đằng kia chẳng ?

Trong số các anh chị em nó, con nhỏ Tazuko vốn là đứa bé ham thích loài vật hơn cả. Rất bị kích động, nó đứng vùng dậy và la lớn :

– Con Kuma đó! Đứng con Kuma đó!

Chiếc ô-tô buýt đã chạy qua ngã tư và lúc này những ngôi nhà đã che khuất mất con chó. Tôi bảo hai đứa trẻ :

– Các con đứng đợi ba ở trạm tới nhé.

Và khi tôi đứng dậy định xuống xe thì cô soát giấy vừa chặn tôi lại vừa nói:

– Xin ông chờ đến trạm tới hẵng xuống.

– Con chó của tôi bị lạc mà. Dừng xe lại đây cho tôi xuống !

– Không được, quy luật đâu có cho phép...

Tôi gạt cô soát vé sang một bên và bước xuống bậc xe ; không suy tính lời thôi gì cả, bác tài xế đã có lòng tử tế giúp đỡ tôi bằng cách cho xe chạy chậm hẳn lại để tôi khỏi bị nguy hiểm khi nhảy xuống xe.

Tôi chạy thẳng tới cầu. Con chó, mà lúc này tôi vẫn chưa thể biết chắc có đúng là Kuma hay không, vẫn chạy một nhịp chậm chậm như lúc nãy, ở cách tôi khoảng một trăm hoặc một trăm rưỡi thước. Không còn do dự gì nữa, tôi gọi thật lớn “Kuma-a-a ! Kuma-a-a !”... Nhưng con chó chẳng thèm quay lại. Tôi chỉ còn có một cách là rút ngắn khoảng cách giữa tôi với nó ; nhưng tôi phải thận trọng mà thú nhận rằng, mặc dầu tôi đã hết sức cố gắng, nhưng tôi tiến không

nhANH hơn một con rùa. Tôi là kẻ vốn tưởng rằng môn chạy là môn sở trường của mình ! Trước kia thì đúng thế đó ; những chiến công của tôi khi xưa lúc này chỉ còn là những kỷ niệm. Về sau này tôi đã thay đổi nhiều, cơ thể tôi đã hoàn toàn từ chối những mệnh lệnh của tôi. Nhưng cũng có cái may là tôi ít khi mặc loè xoè theo lối Nhật ! Tuy thế dưới sức nặng của cái áo ba-đờ-xuy, sự mệt nhọc của tôi dần tăng lên. Dầu vậy cuộc đuổi theo càng kéo dài thêm chừng nào tôi lại càng tin rằng con chó đang chạy đằng trước kia chính là con Kuma ; tôi đã cố gọi nó nhưng vô ích ; nó không nghe thấy tiếng gọi của tôi. Tôi nghĩ thầm trong bụng rằng nếu lần này mình để cho con chó chạy vượt đi mất thì cái cuộc tái ngộ ngàn năm một thuở này sẽ chẳng bao giờ lại có nữa; và, gác bỏ tất cả mọi bận tâm về cái tư cách của tôi, tôi la

lớn như một tên hóa đại : “Kuma ! Kuma !” Rõ thật rủi quá, lúc ấy không có một chiếc xe tắc-xi nào chạy tới cả. Đến đổi tới cái lúc tôi tin rằng tôi sắp sửa ngã rũ xuống vì đã gắng sức chạy nhiều quá. Sự đuổi sức này của tôi càng làm dài thêm khoảng cách giữa tôi và Kuma, khiến tôi càng bồn chồn, bức tức. Có một con chó khác nhô ra đi ngược chiều lại với Kuma. Khi thấy con chó kia, con Kuma đứng dừng lại. Tôi nghĩ bụng : “Trong lúc hai con hờm nhau chắc mình sẽ đuổi kịp Kuma ; nếu chúng nó cản lộn nhau nữa càng hay.” Nhưng không, hai con chó đã rời xa nhau ngay, và Kuma vẫn cứ chạy đi, thẳng về đằng trước, cái nhịp điệu như cũ. Tôi nhận thấy một cái xe hơi dừng lại dọc hè đường bên kia của cây cầu. Tôi vội vàng chạy ngang qua cầu, nhưng trong xe, tôi chỉ thấy một con bé chừng bốn tuổi ngồi ở chỗ người lái xe.

Chung quanh đó, không thấy bóng dáng người lái xe đâu cả.

– Con chó ở đằng kia ấy hả? »

Một gã trẻ tuổi mà tôi đoán chừng là một công nhân, đầu đội một cái mũ cát-kết của quân đội, nhảy vọt lên yên chiếc xe máy của hắn chiếc xe nằm gần ngay đó và đuổi theo con chó mặc dầu tôi chưa kịp nói với hắn lời nào ; nhưng chắc hắn đã trông thấy tôi tất tả đuổi theo con chó. Tôi đã mệt lả, kiệt cả sức. Tôi thấm mồ hôi trên trán tôi và tiếp tục bước đi. Dầu vậy tôi rất lo âu : liệu gã thanh niên kia có nắm giữ được con chó mà không gặp khó khăn trở ngại chẳng ? Liệu con chó có sẽ nhào vào cắn hắn không ?... Chỉ một loáng, gã thanh niên đã đuổi kịp con chó. Nhưng hình như hắn sợ thì phải ? Tôi thấy hắn chỉ đạp xe rà rà theo sau con chó, thay vì nắm giữ

ngay lấy nó, và mỗi lúc hấn một cách xa tôi hơn.

Một chiếc xe tắc-xi không có khách chạy tới. Tôi gọi xe, chui vào.

– Con chó màu hạt dẻ ấy hả ?

Bác tài xế tắc-xi hỏi lại. May thay xe bác ta có đi ngang qua con chó và bác có để ý tới nó. Đến cổng chính ngôi đền Gokokuji thì tôi bắt kịp Kuma. Tôi muốn biếu gã thanh niên cưỡi xe máy một cái gì đó để cảm ơn hấn. Tôi biếu hấn ít tiền, nhưng phải nài ép giúi mãi tiền vào tay hấn, hấn mới chịu nhận. Rồi, với con Kuma của tôi, tôi lên chiếc tắc-xi lúc nãy cho chạy quay trở lại. Tới hành lang khu Edogawabashi tôi đón thêm hai đứa con tôi vẫn đang đứng đợi ở đó, thế rồi cả ba cha con cùng đồng ý bỏ dở cuộc đi Kan-da, và chúng tôi trở về nhà.

– Lúc bấy giờ chắc con Kuma mừng rỡ lắm, phải không ?

Người ta thường hỏi tôi câu đó mỗi khi kể lại vụ con Kuma cho họ nghe. Nhưng quả thật lúc tôi và nó gặp lại nhau, Kuma đã chẳng hề bày tỏ sự vui mừng như tôi vốn tưởng. Lúc ấy, chắc hẳn là cả nó cũng đang mệt lả. Nếu lúc đó nó mệt thêm chút nữa thì biết đâu nó lại chẳng ngã gục xuống ngay tại chỗ, giống như con chó ở tỉnh Kii ? Và người ta cũng có có quyền tự hỏi rằng liệu có phải bộ óc nó lúc đó, bị yếu đi vì những thử thách mỗi ngày, đã hơi bị mất bình thường hay chẳng ?... Bởi vì khi xe tới Edogawabashi, lúc hai đứa trẻ chui vào xe, Kuma như chợt tỉnh và đột nhiên nhận thấy rằng nó vừa được cứu thoát nạn và lúc ấy nó mới bày tỏ một nỗi vui mừng nồng nhiệt. Nó đặt hai cẳng trước của nó lên hai vai

tôi. Tôi đã cố đẩy ra, muốn cho nó nằm xuống mà không được. Nó lại đứng dậy bằng hai cẳng sau, đặt hai cẳng trước lên hai vai tôi và vừa le chiếc lưỡi dài của nó ngay trước mũi tôi vừa thở mau. Cho tới lúc về tới nhà, nó cứ giữ những cử chỉ như thế. Sau một tuần lễ đi giang hồ, giờ đây Kuma đã lại trở về mái nhà cũ.

Tất cả nhà đều vui mừng khôn siết kể, vì từ trước, ai này đều không còn hi vọng tìm thấy Kuma. Con chó liền bị cột lại. được ban cho một chén sữa và bánh mứt trộn bừa ; lũ trẻ con còn làm cho nó một cái bánh phồng nhân kem. Sau khi ăn ngấu ăn nghiêng mấy thức đó, coi nó có vẻ thèm ngủ ; thế rồi nó nằm xuống vùi đầu vào hai cẳng trước duỗi ra, hai con mắt hấp him của nó chớp chớp.

– Chắc hẳn đây chỉ là một sự tình cờ. Tuy nhiên ông vẫn không tin rằng vụ

này chỉ hoàn toàn là hậu quả của tình cờ hay sao ?

– Giữa các hoàn cảnh liên tiếp xảy ra vốn có một sự chuyển tiếp không ngờ ; sự chuyển tiếp như thế quả là định mệnh! Lẽ ra thì Kuma đã mất tích luôn rồi!

– Còn con chó mà mình đã hỏi mua của Tanaka thì sao ? Làm sao đây ? Bỏ nó đi ư ?

– Tất nhiên là bỏ nó đi... Không thể nuôi một lúc tới hai con chó được... người ta chỉ hơi lơ là với Kuma một chút, là nó sẽ buồn khổ... Tốt hơn hết đừng bắt con chó kia về.

– Tôi không đồng ý lắm với những lý lẽ ấy, nhưng.... thôi được rồi. Mình giãn con chó kia đi. Gọi đây nói ngay cho họ.

Thật tình là chuyện này đã diễn ra

một cách khá khác thường. Tất cả mọi sự kiện đã được nối tiếp với nhau một cách phù hợp : cuộc viếng thăm của hai người khách khiến cho cuộc khởi hành đi Kanda bị trì hoãn lại cho đến tận cái giờ xứng hợp ; thế rồi chiếc ô tô buýt đầu tiên đông khách quá khiến tôi quyết định chờ chuyến thứ hai; lên xe tôi lại được ngồi ở một phía thuận lợi, vì nếu không ngồi ở phía đó làm sao tôi nhìn thấy con Kuma được – sự kiện quan hệ là con chó đã đi theo một hướng thẳng góc với hướng xe buýt khi xe chạy ngang qua ngã tư... Đúng thế, khi sự may mắn chiếu cố chúng ta thì tất cả đều diễn ra như trên một bàn ru-lét, tôi thắng thắn nghĩ như thế. Nhưng dầu sao đi nữa, tôi cũng không thể chống đối hẳn cái ý kiến cho rằng tất cả một chuỗi những sự việc đặc biệt như vậy đã xảy ra một cách tình cờ.

Hai bắp về tôi bị đau nhức mất vài ngày khiến tôi bước đi một cách khó khăn. Cũng suốt trong vài ngày, Kuma có vẻ bản thân đã đuối như một vật không có sức lực. Nó chỉ ngủ liên miên, nhưng chẳng mấy bữa nó đã lại sức và lại trở thành con Kuma đầy vẻ linh hoạt như xưa. Còn một chuyện lạ nữa : sau cơn gian nan ấy, đối với tôi, Kuma trở nên dễ dạy gấp hai lần trước kia. Nó cũng đã biết vâng lời những kẻ khác trong nhà ; nhưng riêng đối với những người lạ, nó có thái độ khác hẳn, khiến cho chúng tôi thỉnh thoảng lại phải vì nó mà gánh chịu một vài sự phiền hà.

1939

Naoya Shima

Để xua đuổi tà ma ám khí của bọn sáng tạo rậm lời vô nghĩa, hạ tuần tháng 12/1971 Tập chí xuất bản THỜI ĐIỂM hân hạnh giới thiệu cùng bạn đọc ý thức và tiến bộ một tác phẩm mà bên trong chữ viết nghệ sĩ luôn luôn ngấm chứa hơi thở của một thời đại hội tụ :

THIÊN ĐƯỜNG MỚI

một tập truyện ngắn đúng nghĩa cùng với tranh bìa càn khôn túy ngọa của :

HOÀNG NGỌC CHÂU

NAM CHỮ

CA KHÚC

thơ

P. Neruda

ROBERT BLY

Hoàng Ung dịch

GIẢI VĂN CHƯƠNG NOBEL 1971

 Robert Bly, một thi sĩ trẻ và nổi danh Hoa Kỳ viết bài giới thiệu Pablo Neruda này đăng trên tạp chí “London Magazine” số tháng 7, 1968, xuất bản tại Luân Đôn cách đây trên ba năm. Bài nhận định của một thi sĩ về một thi sĩ với tất cả tấm lòng ngưỡng mộ chân thành từ nhiều năm trước khi danh vọng tột đỉnh đến với ông, chứng tỏ Neruda có giá trị tự tại, Giải Văn Chương Nobel

Pablo Neruda, giải văn chương Nobel 1971

1971 chỉ là một sự công khai xác nhận cái chân giá trị ấy. Cô đọng trong một bài báo trung bình ta thấy toàn vẹn chân dung nhà thơ độc giả đang cần tìm hiểu.

Có những thi nhân như Thánh Gio-an⁷ Thập-giá hay Juan Raymon⁸ Jiménez thường mô tả nguồn sáng thuần nhất từ trung tâm mọi thể vật tỏa ra. Neruda không mô tả nguồn sáng ấy, có lẽ ông cũng chẳng nhìn thấy nó. Thay vào đấy, ông diễn tả những tinh cầu chi chít chu tuần quanh vùng sáng ấy. Mở một tác phẩm nào đó của Neruda ra, lập tức

7 Saint Jean de la Croix (1542 - 1591), người Ý, tác giả huyền nhiệm. Bốn tác phẩm chính của ông là *La Montée du Carmel*, *la nuit obscure*, *la Vive Flamme d'Amour*, *le Cantique Spirituel*. Được phong thánh năm 1726, Phong tấn sĩ giáo hội năm 1926.

8 Thi sĩ Tây Ban Nha, sinh tại Moguer (1881-1958) tác giả thi phẩm *Arias tristes*, *Poemos magicos y dolientes* (giải Nobel, 1956).

người ta thấy mình dường như bị bao vây, vòng trong vòng ngoài, bởi đủ loại đồ vật được thụ tạo (những vật ấy giống như những đàn trâu điên hoặc những con ngựa khùng): những chiếc ban công, những khối đá băng lạnh, những cuốn sổ ghi địa chỉ vô thừa nhận, những ống tiêu ống sáo, những móng tay, những tấm bố cáo của văn phòng chương khế, những con beo, những chiếc lưỡi ngựa lè ra và những đôi giày của những kẻ chết. Tác phẩm *Residencia en Tierra* (Sống ở Dương gian – Nhan đề tiếng Y Pha Nho này ám chỉ cảm thấy tự nhiên như ở nhà mình trên trái đất này) chứa đựng cơ man nào đồ vật trần tục thuộc đủ loại, những đồ ấy đang đắm mình trong một thứ nước đen ngòm bấy nhầy. Năm mươi sáu bài thơ trong *Residencia I và II* được sáng tác trong khoảng mười năm – từ năm Neruda 21 đến 31 tuổi,

và đây là những bài thơ siêu thực tuyệt tác nhất đã được viết bằng một ngôn ngữ Tây phương. Những bài thơ siêu thực Pháp đặt bên cạnh thơ của Neruda có vẻ tầm thường, rỗng tuếch. Thi nhân Pháp cưỡng bách phải rút vào vùng vô thức vì họ chán ghét mô thức khoa bảng cứng nhắc và nền văn hóa chủ trí Âu Châu. Nhưng Neruda khác hẳn, ông có một biệt tài khả dĩ so sánh với giác quan thứ sáu của người thầy số có khả năng vào lúc nào đó sống ở tương lai, đó là biệt tài sống khoảnh khắc trong cái mà ta có thể tạm gọi là hiện tại vô thức. Aragon⁹ và Breton¹⁰ là những thi nhân của lý trí, họ đôi khi nhào xuống vùng vô thức, còn Neruda như loài cua đáy biển, từ càng

9 Louis Aragon, thi sĩ và tiểu thuyết gia người Pháp sinh năm 1897, tại Ba Lê, một trong số những người khởi xướng phong trào siêu thực.

10 André Breton, văn sĩ Pháp, sinh năm 1896 ở Tinche-bray (Orne), cũng là một trong những người khởi xướng phong trào siêu thực.

đến mai, có thể hút thở những chất liệu nặng nề nằm ẩn sâu bên dưới vùng ý thức sáng như ban ngày. Ông chìm sâu dưới đáy giờ này qua giờ khác triền miên, và bình thân di động không mấy may hoảng hốt.

Những hình ảnh siêu thực trong Residencia thi tập hồ tương cấu kết để nặn đúc lên những ý thơ kỳ dị khéo léo. Chẳng hạn như trong bài “La Calle Destruída” (Lâu đài đổ vỡ), ông gợi lên sự bất công, kiến trúc bùng nổ, những khối nhà đè xẹp chúng ta xuống, những tôn giáo kiệt lực những con ngựa của những đạo quân Âu Châu vô tích sự — tất cả những sự vật này, ông nói đang hoành hành để ngốn ngấu lẽ sống của chúng ta, để hủy hoại cuộc đời, khiến chúng ta vứt bỏ cuộc đời như vứt bỏ những manh áo cũ. Những bài thơ trong tác phẩm nói

lên sự tàn bạo khắc nghiệt của cuộc sống hiện đại.

Bậc thầy gợi cảm hứng cho Residencia Thi phẩm không phải thi sĩ Âu Châu mà là một thi sĩ Hoa Kỳ, Walt Whitman, Neruda nhìn sâu vào Whitman. Whitman đã từng viết :

Ta đã chứng kiến hậu quả của chiến tranh, dịch hạch và bạo quyền, mắt ta từng nhìn những thân gục ngã, từng lũ tội tù.

Ta đã chứng kiến cảnh đói giữa bể khơi, khi thủy thủ bốc thăm xem những ai bị giết hầu cứu sống đồng bọn còn lại,

Ta đã nhìn những roi vọt, nhục hình do kẻ bạo ngược trút lên đầu người lao động, bọn nghèo hèn, lũ da đen, cùng đồng bọn tương tự...

Nhưng,

Ta cũng nghe thấy tiếng chim líu lo,
tiếng lúa đang lên, tiếng lửa bập bùng,
tiếng đĩa khua lách cách xào nấu những
món ăn cho ta.

Ta nghe giọng nói yêu thương, tiếng
người đầm ấm

Toàn khối âm thanh ấy theo nhau ủa
chạy, rồi rít quất quít lấy nhau hoặc nối
tiếp nhau.

Ta nghe tiếng trung vĩ cầm nỉ non
(Phải chăng đó là tiếng than van xuất
phát từ đáy lòng một chàng trai nào đó?)

Tiếng kèn nơi nào dâng cao vời vợi,
lọt vào màng tang xoáy xuống tâm can
bùng lên rực rỡ, rạng rỡ hân hoan.

Neruda viết :

Ta lặng ngắm những con tàu

Lặng ngắm những thân cây gãy trơ
tuyết

Run lấy bấy như những con mèo
điên,

Ta thấy máu chảy, dao đâm, vớ chân
đàn bà tươi tắn,

Mái tóc đàn ông bù rối,

Ta nhìn những chiếc giường, rồi
nhìn khu hành lang dài hun hút có người
trình nữ tức tưởi

Ta thấy những tấm mền, những cơ
quan sinh dục và những nhà tắm.

Ta nhìn vào những ước mơ thầm kín

Cứ để những ngày tàn tiến vô,

Cả những ngày mới, những kỷ niệm

xa xưa nữa,

Như một con mắt kinh hoàng mở
trùng trùng

Ta ngồi chiêm nghiệm.

Và rồi thanh âm vọng lại :

Tiếng xương chạm xương nghe nóng
bỏng,

Thịt da xoắn xít, chân áp chân như
những bông lúa giao tình

Ta lắng nghe, qua trận hôn vũ bão,

Ta lắng nghe toàn thân ta run rẩy hơi
thở dồn dập, ghen ngào.

Có ta đây đang nghe và đang ngó

Với nửa hồn chơi với trên biển, nửa

hồn lạc lõng trên bờ,

Và bằng hai nửa linh hồn ấy ta lặng
ngắm thế gian.

Và ngay cả những lúc nhắm nghiền
đôi mắt che kín con tim

Ta vẫn nhìn thấy nước đều đều tuôn
xuống

Từng đợt to nặng dài dài

Như trận mưa keo, như thác đổ

Dung dịch tinh trùng và những cụm
san hô bầy nhầy

Ta nhìn thấy chiếc cầu vồng mây phủ
hối hả dăng dăng

Ta thấy mưa đông bão đang chảy dọc
xương ta.

Ông trình bày cái cảm giác thực, không phải để làm thơ mà là để sống thật. Có sự khác biệt căn bản giữa Residencia thi tập và Song of Myself (Bài ca Bản Ngã) của Whitman. Những bài thơ trong Residencia nặng nề âm khí, nặng trĩu oan khiên, thất vọng, cô đơn, chết chóc, bắn khoăn ray rứt và thua lỗ. Whitman cũng viết về những xúc động bi thương, nhưng bằng một giọng cao cả. Còn Neruda trong Residencia nhìn thấy những thân người tự tử, thủy thủ chết đuối, mái tóc bết máu của thiếu nữ bị thảm sát, trong những cảnh tượng ấy không mấy may thấy một chút ánh sáng nào của tình đồng loại. Ngược lại từ loài vật đến loài người vây quanh ông chỉ dồn ông vào thế càng lúc càng bơ vơ hơn, phải thu mình lại trong vỏ sò bản

ngã, nơi đó ông vật lộn như thể ruột gan lộn đảo thất theo.

Có nhiều lúc ta ghê tởm cái thân phận làm người của mình...

Ta không muốn tiếp tục là rễ cây chui trong tấm tối.

Cải rễ cây hoảng sợ, lớn dần lên, run lấy bầy ngay trong giấc ngủ của ta,

Chũi sâu mãi trong sỏi cát nhộp nhúa của trần ai,

Chất chứa, suy tư, nghiền ngẫm mãi từng phút, từng ngày....

Ta không muốn khổ quá thế này.

Ta không muốn mãi mãi là rễ cây, là nấm mộ,

Nằm sâu trong lòng đất lẻ loi, là nhà mồ chứa đựng đầy thân ma...

Pablo Neruda sinh ngày 12 tháng 7, 1904, tại một thị xã gần biên giới miền nam Chí Lợi, con một viên chức hỏa xa. Cha ông bị rớt tàu chết hồi ông còn ít tuổi. Ông đã nói rằng : “Ba tôi được chôn trong một nghĩa trang mưa nhiều nhất thế giới.” Ông kể về thời thơ ấu của ông hồi ở Temuco trong một bài tản văn có nhan đề là “Tuổi thơ ấu và Hồn thơ”, in làm bài tựa cho Tuyển Tập Thơ của ông. Tên thật của ông là Nefthali Beltran, ông lấy bút hiệu hồi còn rất trẻ vì lòng ngưỡng mộ một nhà văn Tiệp Khắc thế kỷ 19.

Năm 1920 lúc ông 16 tuổi, Neruda được gửi theo học trung học tại Santiago. Bài thơ tựa đề “Những Người Bạn Đường” viết về những ngày ấy. Ông đã bắt đầu làm thơ với một hồn thơ chứa

chan tình yêu thiên nhiên và đầy sinh khí. Năm 19 tuổi ông ta tự xuất bản tác phẩm Hai Mươi Bài Thơ Tình và Một Bài Ca Tuyệt Vọng, thi tập này tới nay vẫn được cả Châu Mỹ La Tinh ưa chuộng.

Anh nhớ em mùa thu năm ấy,
Chiếc nón len màu xám sương mù,
Bước chân đi ôi thanh bình quá !
Ánh chiều rơi, vời vợi đầy đôi mắt,
Lá thu rụng xuống cõi lòng em tỏa
rộng.

Gần đây ông thú nhận rằng “thơ tình như trào ra từ khắp nơi trong cơ thể ông.”

Thân xác em với những đường cong

trắng và đôi đùi trắng.

Em nhần nhục như mảnh đất đợi người cày.

Thế xác anh hung hãn, bối bối, đào đào.

Bao mầm sống lọt sâu vào lòng đất mẹ.

Trong bài tựa đề một cuốn tiểu thuyết ngắn viết hồi đó, ông nói: “Trong đời sống thường nhật, tôi là một người trầm lặng, nhưng là kẻ tử thù của luật pháp, của giới lãnh đạo, và của các định chế xã hội. Tôi thấy giai cấp trung lưu thật khả ố, tôi thích nếp sống của những người khắc khoải và bất mãn, họ thường là nghệ sĩ hoặc những tội phạm.”

Các chánh phủ vùng Nam Mỹ có thói quen khuyến khích các thi sĩ trẻ bằng cách cho họ những chức vụ ngoại giao. Năm Neruda 23 tuổi, ông được công nhận là một thi nhân, chính phủ Chí Lợi cho ông một chức vụ ngoại giao tại miền Viễn Á. Trong khoảng thời gian năm năm sau đó, ông liên tục làm việc tại Miến Điện, Thái Lan, Trung Hoa, Nhật Bản và Ấn Độ. Neruda đã nói rằng những năm đó là những năm cô lập, đơn côi. Nhiều bài thơ đăng trong hai thi tập Residencia được sáng tác trong thời gian đó.

Neruda trở lại Nam Mỹ năm 1932, năm ông 28 tuổi. Ông làm lãnh sự ở Buenos Aires một thời gian ngắn ; tại đây ông có dịp gặp gỡ Lorca, khi nhà thơ này tới Á Căn Đình lưu giảng. Residencia I xuất bản năm 1933. Năm 1934 ông được

chỉ định nhậm chức tại Tây Ban Nha.

Các thi sĩ Tây Ban Nha đã biết những bài thơ “hoang” của ông từ nhiều năm trước nên chào đón ông với tất cả lòng ngưỡng mộ và nhiệt tình. Căn nhà mà Neruda và vợ ông là Delia sinh sống tại Madrid chẳng bao lâu được các thi sĩ tập nập lui tới — Lorca và Miguel Hernandez là những người năng lui tới nhất. Residencia II xuất bản tại Tây Ban Nha năm 1935. Lorca, Hernandez và nhiều thi sĩ khác thường góp những bài thơ siêu thực đăng trên tờ tạp chí Caballo Verde por la Poesia (Thơ Ngựa Xanh) của Neruda. Nước Tây Ban Nha đã trải qua mười lăm năm phồn thịnh về thi thơ, giai đoạn cực thịnh của thơ kể từ thập niên đầu thế kỷ 16. Thời kỳ này chấm dứt khi Nội chiến bùng nổ.

Ngày 19 tháng 7, 1936, Franco từ Bắc

Phi về chiếm lãnh Tây Ban Nha. Neruda vượt quá quyền hạn lãnh sự của mình, lập tức tuyên bố là Chí Lợi đứng về phía Cộng Hòa Tây Ban Nha. Sau khi rút lui khỏi chức vụ lãnh sự, ông sang Ba Lê vận động lực lượng cứu trợ dân tị nạn Tây Ban Nha, ông được Breton và nhiều thi sĩ Pháp khác, và cả Vallejo nữa, trợ lực. Lần đầu tiên thơ Neruda ngả sang nặng phần chính trị. Vì sống ở Tây Ban Nha ông thấy yêu quốc gia này, ông chia sẻ sự xúc động cùng các thi gia Tây Ban Nha bị mất nước về tay hữu phái. Sức mạnh chính trị tăng dần trong thơ Neruda là điều không thể tránh được. Trong *Re dencia I và II*, ông đã nhìn ngoại giới đắm chiêu, đau đớn nhà vậy thì việc ngả sang chính trị không còn là điều ngạc nhiên nữa. Vào năm 1940, ông trở về Mỹ Châu giữ chân lãnh sự ở Mexico suốt hai năm 1941 và 1942. Những bài thơ viết về

trận Nội chiến Tây Ban Nha cũng được xấp nhập vào Residencia, dưới tiêu đề Residencia III.

Năm 1944, thuyền thợ miền Antofagasta, vùng quặng mỏ nitr., yêu cầu ông tranh cử làm Thượng nghị sĩ cho quận hạt của họ. Ông đã chấp nhận và thắng cử. Thế là ông ngồi trong Thượng Viện nước ông cũng như thi sĩ Yeats [Willam Butler Yeats (1865-1936), thi sĩ, bình luận gia, kịch tác gia Ái Nhĩ Lan, giải thưởng Văn Chương Nobel 1923.] đã từng làm. Ông say mê những vấn đề chính trị Chí Lợi. Ít năm sau trong một bài thơ dài gửi cho một thi sĩ Vénézuella là Miguel Otero Silva, ông mô tả là nếu ông cứ cam phận làm nhà thơ tình thì các Thượng nghị sĩ hẳn đã sung sướng biết mấy :

Hồi tôi còn làm thơ ca ngời tình ái,
thứ thơ văn trào xuất từ cơ thể, khắp nơi
nơi, và tâm can tôi khô héo ủ dột,

Lang thang, thất thểu, gặm nhấm từng vắn, Họ bảo : “Anh là vĩ nhân, hỡi Théocrite¹¹”

Nay tôi không là Théocrite nữa. Tôi nhất định bám sát cuộc đời, ghì nó, hôn nó cho đến khi ngộp thở.

Và rồi tôi lần mà qua những đường hầm heo hút xem người thợ mỏ sinh sống ra sao.

Khi từ hầm mỏ ra về, hai bàn tay tôi giáp nát thất vọng, nhớp nhúa tanh hôi.

Tôi giờ tay đôi bàn tay vào trình diện các tướng lãnh. Tôi dạn dĩ nói : “Tội ác này không có tôi, tôi không chịu trách nhiệm.”

Quý ông đó ậm ự hồi lâu rồi nổi giận,

11 Théocrite, thi sĩ Hy Lạp sinh tại Syracuse (315-250 trước Thiên Chúa) người khai sáng ra thể thơ vịnh cảnh đồng quê, thực hư phả trộn.

không thềm chào hỏi tôi nữa.

Quý ông hết kêu tôi là Théocrite và trở mặt xỉ vả tôi.

Truyền lệnh cho cả lực lượng cảnh sát bắt tôi,

Cũng tại tôi không chịu cam phận nghiền ngẫm những chuyện siêu hình nữa.

Sự nghiệp làm Thượng nghị sĩ của ông chấm dứt như ông vừa cho biết vì cuộc săn đuổi của mật vụ. Đầu đuôi sự thể như sau : Năm 1948, Gonzalez Videla, một người hùng thuộc phe hữu được Hoa Kỳ ủng hộ vì quyền lợi của họ, cướp chánh quyền và đóng vai độc tài. Sáu tháng sau, Neruda trên cương vị Thượng nghị sĩ đả kích ông ta vì ông ta

đã nhiều lần vi phạm hiến pháp Chí Lợi. Videla phản ứng tố giác ông là phản bội. Neruda không tự lưu đầy như người ta chờ đợi, ông đã kích Videla thêm một lần nữa, và Videla truyền lệnh bắt ông. Mọi người đều nghĩ rằng nếu bị bắt thì ông đã bị giết rồi. Ông lẩn tránh ; để cứu mạng ông, những người thợ mỏ và những người lao động đêm đêm đã cho ông tá túc hết nhà này sang nhà khác, lúc đầu ở Chí Lợi, sau tại các nước Nam Mỹ khác. Ông lén lút được ít tháng, cuối cùng ông cưỡi ngựa vượt dãy núi Andes chạy thoát sang Mễ Tây Cơ, rồi từ đó ông dời bỏ Châu Mỹ bay sang Ba Lê. Trong suốt giai đoạn ấy ông chăm chú viết một thi tập mới mà ông đặt tên là Canto General (Bài Ca Tổng Quát) hoàn tất hồi tháng hai 1949.

Nhan đề cho thấy là trong thi tập này nguồn thơ không tự hạn chế trong một đề tài hay thể thơ nào. Neruda đã bỏ ra mười bốn năm để hoàn thành tác phẩm. Đây là một tập thơ dài vĩ đại nhất viết về lục địa Mỹ Châu kể từ khi *Leaves of Grass* (Những lá cỏ) của Whitman được ấn hành. Tác phẩm viết về lịch sử địa chất, sinh vật và chính trị Nam Mỹ. Tập này gồm 340 bài thơ chia làm mười lăm mục. Trí tưởng tượng của tác giả phong phú đến độ kỳ diệu. Dĩ nhiên không phải tất cả các bài thơ đều có phẩm tính như nhau. Trong nhiều bài, nhất là những bài sáng tác vào giai đoạn Neruda bị mật vụ ruồng đuổi, sự phẫn nộ làm nứt nở hình thức thơ.

Toàn bộ nội dung tác phẩm cho thấy một hình ảnh đáng chán nản về những mối bang giao giữa Bộ Ngoại giao Hoa

Kỳ và những chánh phủ Nam Mỹ. Lẽ dĩ nhiên Canto General không làm hài lòng những cơ quan văn hóa Hoa Kỳ có trách nhiệm tới những mối bang giao Liên Mỹ. Nhiều người Bắc Mỹ, ở trong các đại học và trong các phòng Thông tin Hoa Kỳ (USIS), biết về thi nghiệp của Neruda thường dè dặt nói rằng từ khi Neruda đi sâu vào chính trị, ông không sáng tác được bài thơ nào có giá trị.

Neruda từ Ba Lê bay qua Nga để dự lễ kỷ niệm 150 năm thi hào Pushkin¹², rồi ông về Mỹ Tây Cơ, cho xuất bản Canto General lần đầu tiên vào năm 1950.

Khi Gonzalez Videla bị lật đổ, Neruda trở lại Chí Lợi, kể từ năm 1953 ông sinh sống tại Isla Negra, một hòn đảo nhỏ dọc bờ biển gần Santiago. Trong

12 Aleksander Sergeevich Pushkin (1799 - 1838), nhà thơ và văn sĩ chuyên viết truyện ngắn Nga.

những năm gần đây ông cũng sống từng thời kỳ tại Valparaiso.

Có sự thay đổi rõ rệt về bút pháp của ông từ những bài thơ hướng nội, siêu thực trong Residencia I và II chuyển sang truyện thơ lịch sử trong Canto General. Nhưng kể từ đấy bút pháp ông cũng còn nhiều lần thay đổi nữa. Trong cả hai tác phẩm Residencia và Canto General, phần lớn thơ viết thành những dòng dài để biểu dương sức mạnh. Vào giữa thập niên 1950 ông khởi viết những bài vịnh (odes) bằng những dòng ngắn có khi chỉ hai ba chữ thôi. Những bài đó là Odas Elementales (vịnh những vật đơn sơ). Ông viết một bài thơ vịnh chiếc đồng hồ đeo tay, mà Jerome Rothenberg dịch ra Anh ngữ rất khéo, vịnh khí trời, vịnh đôi vợ ông mang, vịnh lửa, vịnh trái dưa nước, vịnh sự sơn vẽ, vịnh muối. Tác

phẩm này kế tiếp tác phẩm khác cho tới lúc được trên dưới trăm bài vịnh trong vòng ba bốn năm, Gần đây ông đang thai nghén một thi tập tự thuật lấy tên là Memorial to Isla Negra (Đài kỷ niệm cho Isla Negra).

Vào lúc mà Neruda đang làm mưa gió trên nền thơ Nam Mỹ, có nhà thơ trẻ Nam Mỹ than vãn về sự phong phú của Neruda rằng : “Vừa mong manh có một từ mới và vài ba thi sĩ lớp trẻ đang khổ sở để sáng tạo một bài thơ khai triển từ ấy thì dùng một cái Neruda cho xuất bản chừng ba cuốn !” Nhưng anh ta nói lại, “Giận Pablo sao được. Thơ ông ta vẫn hay mãi — thế mới chết chứ !”

Trong “Tuổi thơ và Thơ” Neruda suy cứu về nguồn thơ của mình.

“Có một hôm thơ thần chơi trong

mảnh sân sau nhà mình ở Temuco, tôi rờ rẫm lục lọi tìm những đồ vật nhỏ bé và xem xét những con vật nhỏ trong cái thế giới riêng của mình đó, tôi khám phá thấy một lỗ trống trong những tấm ván dựng lên làm hàng rào quanh sân. Tôi nhìn qua lỗ trống ấy và thấy một quang cảnh tương tự như sân nhà tôi, hoang phế không được chăm sóc. Tôi lùi lại mấy bước vì lờ mờ cảm thấy có chuyện gì sắp xảy ra. Bỗng có một bàn tay xuất hiện – một bàn tay xinh xắn của một cậu bé cỡ tuổi tôi. Lúc tôi lại gần thì bàn tay biến mất, cài vào đó có một con cừu cho trẻ con chơi lông trắng rất đẹp.

“Lông cừu đã bạc màu, mất cả bốn bánh. Chính nhờ thế mà nó càng giống. Tôi chưa bao giờ thấy con cừu nào đẹp đến thế. Tôi lại nhìn qua lỗ nhưng cậu bé đi rồi. Tôi vội chạy vào nhà tìm kiếm một

bảo vật : một trái thông nở tung, còn đầy hương thơm và nhựa mà tôi thích lắm. Tôi đặt nó vào đúng chỗ ấy và lấy con cừu.

“Tôi không bao giờ nhìn thấy bàn tay hay cậu bé nữa. Và tôi cũng không thấy con cừu nào giống thế nữa. Món đồ chơi ấy sau bị mất trong một trận hỏa hoạn. Nhưng tới nay là năm 1954 tôi sắp ngũ tuần rồi, mà mỗi khi đi qua một tiệm bán đồ chơi tôi lại lén lút nhìn vào, nhưng vô ích. Họ không sản xuất thú cừu ấy nữa.

“Tôi là một người may mắn. Cảm thấy sự thân thiết của những người anh em là một điều kỳ tử trên đời. Cảm thấy tình thương của những người mình thương là ngọn lửa sưởi ấm cuộc đời. Nhưng cảm thấy sự thân yêu từ những người mình không biết và những người không biết mình, những người ấy đang

chúng kiến cho những mơ ước và sự cô đơn của mình, cảm thông với những nguy hiểm, những yếu đuối của mình – điều này còn vĩ đại hơn, đẹp đẽ hơn vì nó mở rộng biên cương của bản ngã mình, và kết hợp những sinh vật lại với nhau.

“Cuộc trao đổi này đã khai sáng tôi dạy tôi một quan niệm quý giá : rằng tình nhân loại vốn gắn bó với nhau. Lâu lắm sau này cũng cái kinh nghiệm ấy đã trở lại với tôi ; lần sau thì nó nổi bật giữa một bối cảnh đầy lũng loạn và bách hại.

“Bây giờ thì bạn đọc không còn ngạc nhiên tại sao lúc nào tôi cũng ráng cố gắng hiến một cái gì dính như nhựa thông, thật như đất và ngào ngạt hương để đổi lấy tình huynh đệ con người. Đúng như tôi đã để lại trái thông bên giậu ngày nào. Kể từ đó tôi để lại lời thơ trên ngưỡng cửa nhà nhiều người mà tôi không biết,

những người bị cầm tù, truy nã và cô đơn.

“Đó là bài học quý giá nhất tôi đã học được từ hồi thơ ấu, trong sân sau của một ngôi nhà lẻ loi. Có thể không có gì đặc biệt cả chỉ là trò chơi của hai cậu bé vốn không biết nhau nhưng muốn trao cho nhau một vài đồ vật tốt đẹp của cuộc đời. Tuy nhiên sự trao đổi tặng vật nhỏ nhặt và bí mật ấy có thể đã lưu mãi trong tâm hồn tôi như một sự gởi gắm có tính chất bồi đắp, xui khiến tôi làm thơ.”

Câu chuyện lạ và thơ mộng mà Neruda cẩn thận móc nối với nguồn thơ của ông là một sự từ khước có ý thức không nhận mối tương quan giữa thơ và bệnh hoạn, mà các người Âu Châu lại cứ nằng nặc đồ diệt như vậy. Có một điểm nổi bật khi đem Neruda so sánh với các nhà thơ hiện đại Anh như Eliot, Dylan Tho-

mas hay Pound, ta thấy trí tưởng tượng của ông bao giờ cũng được kèm theo bởi lòng yêu thương mãnh liệt. Lần đầu tiên Neruda tự trình diễn thơ mình tại Hoa Kỳ vào tháng 6 năm 1966 tại Trung Tâm Thơ tại Nữ Uớc, qua lần trình diễn này cái bản chất dâng hiến của thơ ông nổi bật. Khi Eliot sang đọc thơ thì chỉ là một cuộc trao đổi văn hóa, Eliot băn khoăn việc ấy có đáng làm không dù sao thì ông ta cũng thử xem sao. Khi Dylan Thomas sang đọc thơ, người ta có cảm tưởng ông ta sắp làm trò ảo thuật và thực hiện một điều gì kỳ lạ lắm, có lẽ ông sẽ vẽ tranh Thánh Nữ Đồng Trinh trong lúc cưỡi trên lưng ba con ngựa, và có thể người ta sẽ được hưởng lợi hoặc không được lợi gì vì hành động đó. Pound thường quở trách khán thính giả vì không hiểu điều ông đã viết. Khi Neruda đọc thơ, bầu không khí trong phòng hội là thái

độ quyến luyến giữa thánh giả và ông.

Chúng ta thường có khuynh hướng đồng hóa trí tưởng tượng hiện đại với trí tưởng tượng giứt cục, nó khởi sự tiến lên, dừng lại, quay tròn, ngả sang đề tài này đề tài khác. Trong những bài thơ của Neruda, trí tưởng tượng lăm lũi tiến, chi phối toàn bài rồi trào đồng như một luồng sóng lớn chan hòa nghị lực và hình ảnh. Trong vùng âm u nằm sâu dưới ý thức, giữa những bụi rậm mà Freud đứng cách một khoảng đưa tay chỉ trở đầu là những khóm loạn luân, những cây sát nhân, những chiếc bàn thờ dị đoan mới chôn vùi một nửa, và những thân người chưa chôn, trí tưởng tượng của Neruda đỉnh đạc tiến di chuyển từ nơi này qua nơi khác một cách thần tình. Ông liên kết đời sống tâm hồn chết khô vì đói khát của những viên chưởng khế với màu

trắng của bột, sự khao khát sinh lý với hình thù những chiếc giày, sự chết với tiếng sữa mà không thấy chó. Trí tưởng tượng của ông có thể nhìn thấy chính xác những liên hệ ẩn khuất giữa ý thức và vô ý thức đến nỗi ông khỏi mất công tìm ẩn dụ bóng gió nữa – ông lấy chính những cái đuôi che lấp của chúng mà cột chúng lại với nhau. Ông là một sinh vật mới thông thả đi lại dưới bề sâu của mọi vật. Vì đi lại dưới lòng đất ông biết mọi vật từ chiều sâu trở lên (đó là cách thức thỏa đáng để biết bản chất của sự vật) và vì thế không bao giờ bị lúng túng không tìm được tên của nó. So với ông, phần lớn các thi sĩ Mỹ Châu giống như những phường mù mò mẫm một cách cay đắng từ cây này qua cây khác, từ căn nhà này qua căn nhà khác, sờ mó mỗi vật thật lâu rồi la lên “Căn nhà” trong khi chúng ta đã biết đó là căn nhà rồi.

Neruda tin ở cái gì còn bị che khuất. Xã hội chỉ tôn trọng cái gì đã được rọi sáng, nhưng Neruda yêu mến cả những cái gì chưa được thắp sáng. Ông viết về những viên thư ký nhỏ mà không có giọng khinh bạc, và viết về cả những tâm hồn của những con rắn khổng lồ còn đang ngủ.

Ông vi phạm những định luật về tâm lý do những người khôn ngoan dự trù. Những người khôn ngoan theo qui ước đoán chắc rằng đối với người chủ trương siêu thực ngoại giới không có một thực thể nào cả, chỉ có nguồn sống nội giới đầy hình ảnh mới có thực. Thi nghiệp của ông phá vỡ quan niệm nhảm nhí ấy. Thơ Neruda siêu thực hết mức, ấy thế mà những thực thể của ngoại giới như Công Ty Trái Cây Liên Hợp (The United Fruit Company) tác dụng mạnh

mẽ vào thơ ông hơn vào thơ của bất kỳ thi sĩ nào chỉ chuyên chú về ngoại giới thôi. Những người khôn ngoan còn cả quyết rằng một thi sĩ một khi đã chọn một lập trường chính trị thì làm thơ không hay. Neruda vào tuổi trung niên đã ngã sang Tả phái và ông còn giữ lập trường ấy cho tới nay thế mà ít nhất nửa tổng số thi nghiệp vĩ đại của ông, ai cũng công nhận như vậy lại được viết sau thời kỳ đó. Giai đoạn nào trong đời ông cũng có những bài thơ hay.

Sau cùng, nhiều nhà phê bình Hoa Kỳ nhấn mạnh rằng thơ ngày nay phải đả đốn cay, vô bản ngã và nặng lý trí nếu không thì thiếu sự ăn nhịp với thời đại. Neruda lãng mạn đến cao độ, ấy vậy mà ông hợp thời đại quá cái độ mà Hulme và Pound mơ ước. Ông ít có những lý thuyết văn nghệ. Như Vallejo, Neruda

ước mơ phụng sự nhân loại, và ông trình bày sự thật trong ý hướng đó.

Robert Bly

phát hành tháng 12-1971

HỢP NHẤT

Nguyệt san văn hóa . xã hội .
nghệ thuật

Diễn đàn đấu tranh
hàng đầu cho tiến bộ
của những cây bút độc lập.

Chủ bút Lý Hoàng Phong . Liên
lạc tòa soạn Dương Nghiễm Mậu .
Quản lý Trịnh Đức Lược . Tòa soạn
: 1 Tôn Thọ Tường - Thị Nghè - Gia
Định. Đ T. 95825 .

Thơ

PABLO NERUDA

Nguyễn Kim Phụng dịch

TRÊN ĐỈNH MACCHU PICCHU¹³

 Pablo Neruda tên thật là Neftalí Reges, sinh ở Parral, Chí Lợi ngày 12-7-1904. Năm 15 tuổi dưới tên Pablo Neruda ông đã gửi một số thơ của ông đăng ở tạp chí Selva Austral. Năm 1921 trong khi theo học trường sư phạm Santiago ông được phần thưởng đứng đầu với tập thơ “La canción de la fies-

13 Dịch theo bản Anh ngữ của Kate Flores, trong “Modern European Poetry”, Batam 1970, các trang 575-586.

ta” (Bài ca trong dạ tiệc). Tuy nhiên đến 1924 với tập “Veinte poemas de amor y una canción desesperada) (Hai mươi bài thơ tình và một bài ca tuyệt vọng) danh tiếng ông mới nổi lên vững vàng. Sau đó ông làm việc ở cơ quan ngoại giao, làm lãnh sự ở Miến Điện, Thái Lan, Căm Bốt, Việt Nam, Nhật Bản, Trung Hoa và Ấn Độ. Và khi ông làm lãnh sự ở Buenos Aires, nhà xuất bản ERCILLA ở Santiago cho xuất bản tập đầu bộ “Residencia en la tierra” (Chỗ ở trên mặt đất) của ông. Bộ này gồm những tập thơ hay nhất của ông viết khoảng 1925 – 1931 — một đoạn đường mấu chốt trong văn học Tây Ban Nha. Tập thứ hai của Residencia en la tierra được hoàn thành ở Madrid, tại đây ông làm tùy viên văn hóa và nhìn thấy những đổ vỡ hãi hùng của cuộc nội chiến Tây Ban Nha. Và chính cuộc nội chiến Tây Ban Nha đã khiến

ông viết tập “Espana en el corazón” (Tây Ban Nha trong đêm) (1937). Sau vài năm ở Mexico, Neruda trở về Chí Lợi, làm nghị sĩ. Những tác phẩm hoàn hảo của ông ở thập niên 1950-1960 là các tập như “Canto general” (1950) (Ca Chung), “Alturas de Macchu Picchu” (Trên đỉnh Macchu Picchu).

Sau đây là bài trường thi Alturas de Macchu Picchu gồm 12 đoạn khúc.

Maccha Picchu là một thành lũy cổ xưa nơi phát nguyên của Đế Quốc Inca. Nó cao gần 12.000 bộ (2.430m) so với mặt biển, trong góc hiểm trở của rặng núi Andes ở Peru, được xây khoảng 3.000 năm trước Tây Lịch. Thành phố Mỹ cổ xưa này bị mất dạng bao nhiêu là thế kỷ cho đến 1912 mới được Hiram Bingham tìm ra. Tuy các mái nhà bằng rơm rạ mục nát cả song thành phố vẫn

còn nguyên dấu tích rõ rệt.



Thánh địa Machu Picchu nằm trên một sườn núi
trong thung lũng Urubamba ở Peru

TRÊN ĐỈNH MACCHU PICCHU

1

Từ khoảng trời này qua khoảng trời
kia, như một màn lưới trống không,

tôi đi giữa những con đường và
những bầu không khí, đến nơi rồi lại ra
đi

với những báo hiệu của mùa thu :
mùi hương thoảng động của lá cây, thời
gian giữa lúa xanh, lúa nở,

với hương vị mà tình yêu lớn lao
đem đến cho chúng tôi như một mùa
trăng dài,

tựa trong vòng hương thoảng hay
khi một chiếc bao tay vừa rơi xuống.

(Trong những thân thể đón đau

những ngày đời rực rỡ : chất thép
của ngày rút lại thành sự lặng yên của
chất a-xít :

đem trộn lộn thành chất bột cuối
cùng :

những nhụy hoa tàn hư của đất mẹ
hôn phối)

Một người nào đó đã chờ đợi tôi giữa

những vĩ cầm

mở ra một thế giới như một ngôi
tháp bị vùi chôn

tầng xoáy ốc lún xuống sâu hơn cả

những chiếc lá màu lưu huỳnh gợn
gợn :

sâu hơn nữa, xuống tận chất vàng
của những lớp địa tầng

như một lưỡi gươm bọc kín trong
nhiều tinh thể

tôi nhúng tay tôi ngọt ngào và khuấy
động

vào trong lòng thăm sâu khối nguyên
sinh của quả đất.

Tôi ép trán mình vào những gợn
sóng thăm sâu

rơi như một giọt nước xuống cõi
bình yên nồng chất lựu huỳnh

và tựa người mù tôi trở về với mùi
hoa nhài

của mùa xuân một kiếp con người.

2

Nếu cái mầm cao quý của con người
di chuyển từ hoa này sang hoa nọ

và đá khô nuôi dưỡng được cảnh hoa
lưu truyền đó,

thì con người lại làm tan nát cánh
hoa rực rỡ sáng mà con người tìm được

qua những mùa xuân trôi bất tận hải
hồ

và nghiền nát trong tay người chất
kim loại phập phồng nứt vỡ.

Và rồi thì, giữa quần áo và khói bay,
trên chiếc bàn dần chìm xuống

chỉ còn lại linh hồn, như một lượng
chất lẫn lộn :

đá thạch anh và sự thức tỉnh, nước
mắt vào đại dương

như những hồ của băng giá : song le

người ám sát linh hồn và dày vò linh
hồn với giấy tờ và thù hận, làm ngập
chìm linh hồn trong tấm thảm của đời
sống loanh quanh,

và xé vụn nó ra

trên hàng kẽm gai hận thù của quần
áo.

Không : nơi những hành lang, trên
không trung, ngoài bể, hay trên

các con đường

ai canh giữ mà không cầm dao găm
(như những cây anh túc màu hồng) để
giữ máu mình ? Cơn phẫn nộ làm bớt đi
cuộc mua bán buồn bã của kẻ bán linh
hồn.

và từ trên cao của cây táo, sương

đã từ nghìn năm rời bỏ sứ mệnh
trong suốt của mình

đối với cái cành cây đang mong đợi ;
Ôi tâm hồn, ôi vầng trán

bị nghiền nát

giữa những khoảng trống của mùa
thu !

Bao nhiêu lần trên các con đường
của mùa đông, hay trên

một chiếc xe đồ, hay một chiếc tàu
vào buổi hoàng hôn, hay trong

cơn dày đặc nhất

của cô đơn, của một đêm hoan lạc,
dưới tiếng vang

của bóng âm và chuông đồng, giữa ngay
nguồn vui thú của con người,

tôi đã ước ao dừng lại để dò tìm mạch
sâu vô tận vô cùng

mà một lần tôi đã chạm gập trong đá
lạnh hay trong cái chớp

phóng ra của một nụ hôn.

(Điều đó quen như một câu chuyện
cũ

được những khung ngực nhỏ căng
đầy kể lại một số lần

mà lần nào cũng là sự dịu dàng
trong những lớp đầy sinh chất và điều
đó, bao giờ cũng vậy, được in dấu trong
những lớp đá hoa và điều đó, là đất mẹ
trình nguyên trong nguồn nước – một
cái chuông ngân

từ tuyết trắng quanh hiu cho đến
những cơn sông máu.)

Tôi chỉ có thể giật lên được một chùm
những khuôn mặt hay mặt nạ

trong hư không, như những vòng
vàng trống rỗng,

như những chiếc khăn quàng được
trải ra bởi những đứa con gái của một
mùa thu hoang dại

làm cho cái cây khô héo của những
giống nòi sợ hãi phải run lên.

Tôi không có chỗ để đặt bàn tay yếm,
một chỗ dịu mềm như mặt nước
chảy tuôn của con suối bị chặn lại,
hay một chỗ cứng trơn như một cục
than đá hay mặt pha lê để trả lại được
cho mình cái hơi ấm lạnh của bàn tay.

Con người đã là gì? Cuộc sống bên
lâu và vô tận của con người. nằm ở phần
nào trong câu chuyện của con người bàn
bạc giữa các quán đời và các tiếng hét
rộn rã, và ở đâu trong số những trào lưu
sắt thép của người ?

3

Con người như một cánh lúa nhỏ bị
đập

vào cái vựa vô tận miên man của
những việc làm đã mất, của những biến

cổ dơ bẩn, từ một đến bảy, đến tám, và không phải một, mà nhiều cái chết đến cho mỗi người : mỗi ngày một chút sự chết, một chút bụi bặm, sâu bọ, ánh đèn. bị hủy chết đi trong đám bùn của những xóm nhà nhỏ, một chút sự chết mang đôi cánh to bay vào mỗi người như một chiếc lao ngắn nhọn

và dù bị bánh mì hay bị đao găm. Săn đuổi, thì con người đã là kẻ thắng cuộc : đưa con của các cửa biển, vị chủ tối tăm của luồng cày

hoặc là kẻ găm nhăm những con đường dày cộm,

mỗi người ngắt đi trong khi chờ chết, cái chết ngắn hàng ngày :

và cuộc thử thách hãi hùng ngày qua ngày của họ

cũng tựa như chiếc cốc đen mà họ
búng uống run run.

4

Cái chết đầy sức mạnh đã nhiều lần
ra dấu gọi tôi:

nó tựa như chất muối vô hình trong
sóng biển,

và sự tỏa bay của mùi hương sự chết

thì cũng tựa như nửa chừng dang dở
của chìm ngập và lên cao,

hoặc tựa như những kiến trúc bao la
của gió tuyết.

Tôi đã đến tận bờ đá dựng, đến tận
những vực

không trung, đến tận những mảng
quanh co của đá và của mùa màng

đến tận sự trống rỗng ngút trời của
những tầng cấp cuối cùng và đến tận con
đường xoáy tròn choáng váng :

nhưng biển bao la, sự chết ! người
không đến từng con sóng đều mà đến tựa
cơn nổ bùng của sự trong sáng về đêm

hoặc tựa những con số tổng cộng
của đêm.

Người không bao giờ đến lục tìm
trong túi áo,

sự viếng thăm của người không thể
nào không với màu trang phục đỏ :

không thể nào không với tấm thảm
yên lặng buổi rạng đông : không thể nào
không với những tặng vật đưa cao hay
chôn sâu của nước mắt.

Tôi không thể yêu trong mỗi người

một thân cây mang một chút mùa thu trên
lưng nó (sự chết của hàng nghìn chiếc
lá),

mang tất cả những cái chết giả tạo và
những sự hồi sinh mà không mang đất,
không mang vực thẳm :

Tôi muốn bơi lội trong những cuộc
đời rộng lớn nhất,

trong những cửa sông rộng lớn nhất,

và khi dần dà con người từ bỏ tôi

và bực thêm và cửa ngang gài lại, sợ
những bàn tay tuôn chảy của tôi

sở vào cái hư vô bị thương của nó,

thì tôi bỏ ra đi qua những con đường,
qua những dòng sông qua những phố thị
qua những chiếc giường.

và chiếc mặt nạ mặn muối của tôi băng ngang vùng hoang dã và trong những căn nhà xấu hổ cuối cùng, không đèn, không lửa, không bánh không cơm, không đất đá, không cả niềm lặng lẽ, tôi một mình ngã lăn chết cái chết của riêng tôi.

5

Không phải người, hơi sự chết tối tăm, con chim lông bằng sắt, không phải người để cho kẻ thừa kế của các căn phòng cưu mang người dưới lớp da trống rỗng của y, giữa những lần uống ăn đầy đủ :

mà là một cái gì khác, một tao dây nghèo nàn của một sợi dây đã tắt thở :

một phần rất nhỏ của cái ngực y nó không chịu tham dự cuộc đấu tranh

hoặc một giọt sương nguyên trinh
nó không rơi trên vầng trán của y.

Phải là một cái gì mà không thể được
tái sanh, một phần nhỏ của sự chết bé
bỏ thiếu bình an mà cũng thiếu hãi
hùng : một cái xương, một cái chuông,
nó chết ở trong y.

Ta giở cái băng hoen đầy chất thuốc,
ta nhúng tay ta vào những nỗi đớn đau
khốn khó đã từng giết đi sự chết, và ta
chỉ tìm thấy trong vết thương một luồng
gió lạnh lẽo len lỏi vào theo những khe
hở mơ hồ của linh hồn y.

6

Rồi ta trèo lên chiếc thang của mặt
đất

xuyên qua đám hỗn độn góm ghê
của những rừng cây đã mất,

đề lên tới người, hồi Đỉnh Macchu Picchu.

Thành phố vọi vọi cao của bao tầng đá chết,

ngôi nhà ở cuối cùng của những kẻ không bị khuất che

bởi những lớp áo ngủ yên của đất.

Trong người, tựa như trong hai đường thẳng song song

chiếc nôi của ánh chớp và của con người

đong đưa theo ngọn gió của nhiều gai nhọn.

Mẹ hiền của đá, bọt nổi của chim ưng

Cột buồm cao vút của buổi bình

minh con người

Chiếc xẻng vùi chôn trong lớp cát
nguyên sơ.

Đây đã là quê nhà, đây hiện là khung
cảnh:

nơi đây những hạt mầm của lúa đã
tung lên

rối rơi xuống như mưa đá đỏ.

Đây sợi lông tơ vàng của loài ngựa
cao

để mặc vào cho tình yêu, cho những
năm mộ sâu ; cho các bà mẹ hiền,

cho đức vua, cho những kẻ nguyện
cầu, cho nhiều chiến sĩ.

Đây con người dừng chân nghỉ lại
trong đêm

bên cạnh những bàn chân của giống
đại bàng, trong những hang động vút cao

ngấu nghiêng thịt người, và vào buổi
rạng đông

giẫm từng bước chân sấm sét lên
sương mờ loãng,

và sờ vào đất và đá

tìm đến tận sự nhận thức trọng đêm
đen hoặc trong sự chết.

Tôi thấy những áo quần và những
bàn tay,

dấu vết của nước chảy trong những
đường xói mòn sấm sét,

bức tường diu-bằng khi một khuôn
mặt chạm vào

và nhìn bằng đôi mắt của tôi những

ngọn đèn trần thế

và đánh bóng bằng đôi tay của tôi
những thanh gỗ

đã tan biến : vì mọi vật, áo quần,
chăn lông, hũ lọ

chữ nghĩa, rượu vang, bánh mì,

đều đã mất, rơi xuống đất !

Và không khí bay vào thoảng mùi
hoa cam thơm nở

khe khẽ động trên tất cả những gì
đang ngủ:

một nghìn năm không trung, những
tháng không-trung, những tuần lễ
không-trung

ngàn năm ngọn gió xanh trời, ng-
hìn năm những rặng núi cao đá sắt,

như những cơn bão nhẹ của những
bước chân

làm bóng ngời vùng cô đơn của đá.

Sự lóe sáng có gợn sóng của người
nói lên điều gì ?

Đã một lần nào ánh chớp phản kháng
đầy bí mật của người rung lên chuyển đi
thành lời thành tiếng?

Ai đang làm vỡ ra những âm tiết giá
băng

những ngôn ngữ tối tăm, những lá
cờ vàng ánh

những cái miệng mở ra không có
đáy, những tiếng kêu ú ớ của những dòng
nước lớn tinh sạch của người ?

Ai kẹp chặt lại những mi mắt nở hoa

từ mặt đất lên đây để nhìn ngắm ?

Ai làm những cành cây đã chết rít
lên thành tiếng hú

và rơi ào ào xuống tay người

để đập rơi ra đêm dài của chúng đã
từ bao lâu

dính yên trong lớp than địa chất ?

Ai đang ném xuống những chùm
xích xiềng nổi buộc ?

Ai đang chôn một lần nữa những lời
giã biệt ?

Tình yêu, hơi tình yêu, đừng đến
ven bờ vực thẳm, cũng đừng ngưỡng mộ
chiếc đầu đã chìm thấp xuống : hãy để
thời gian làm tròn đầy vóc hình của nó

trong cõi riêng những dòng suối vỡ

của nó,

và, giữa những vách tường với những thác nước áo đỏ, thu góp lấy gió lộng của suối khe,

những tấm song song của gió,

con kinh mù lòa của những rặng non cao,

cái chào thô kệch của sương trời

và từng bông từng hoa, trèo lên xuyên qua lớp cày dày, giẫm lên con rắn đồ dốc xuống.

Trong vùng trời của các dốc đá và rừng cây,

của bụi những vì sao màu lục, những gỗ rừng tươi sáng

Mantur bùng hiện ra như một vùng

hồ sống động

hay như một nền rộng lặng yên mới
mẻ.

Hãy đến với chính ta, với chính bản
thể ta

với niềm cô đơn chót vót.

Vương quốc của người chết vẫn còn
hoạt động.

Và cái bóng râm tàn bạo của cánh
chim ưng

đi ngang qua chiếc đồng hồ như một
con tàu đen tối.

9

Con đại bàng thiên thể, nho xanh
của sương mờ.

Pháo đài đã mất, mã tấu mù lòa.

Chiếc dây nịt đầy sao, bánh mì trang trọng.

Chiếc thang đồ tuôn như thác, mi mắt rộng bao la.

Cái áo hình tam giác, phấn bột của đá.

Ngọn đèn nham thạch, bánh mì của đá.

Con rắn khoáng kim, hoa hồng của đá.

Con tàu chôn vùi, mùa xuân của đá.

Con ngựa của trăng, ánh sáng của đá.

Khu vực phân-điểm-T, hơi bay của đá.

Địa chất cuối cùng, cuốn sách của
đá.

Băng tảng do gió bắc mang đi.

Loài lục thạch của thời gian chìm
đắm.

Bức tường mềm nhũn bởi những
ngón tay,

Mái nhà bay đi bởi những chiếc lông
chim nhỏ.

Những chùm gương sóc, những nền
móng của bão tố.

Những ngai vàng bị xô ngã bởi dây
nhỏ leo.

Sự ngự trị của móng vuốt bạo tàn
không thương xót.

Gió cuốn treo lưng chừng trên triển

núi.

Thác nước im lìm của lam ngọc.

Chiếc chuông trường tộc của những người ngủ.

Cái cùn của tuyết bị siết vòng chế ngự.

Sắt nằm yên trên tượng.

Cơn bão tố có chấn song không thể nào bị xâm nhập.

Những bàn tay của cạp, đá đâm máu.

Tháp cao đổ bóng râm, sự bàn cãi của tuyết.

Đêm đứng lên trong các ngón tay và rễ cây.

Cửa sổ của sương mù, con chim bồ câu cứng rắn.

Cây cỏ về đêm, tượng của những
sấm sét.

Rặng núi chính, mái nhà của biển.

Kiến trúc của những con đại bàng đã
mất.

Sợi dây bện của bầu trời, con ong
của những chiều cao,

Mực độ đậm máu, ngôi sao được
kiến tạo.

Bong bóng khoáng thể, vầng trăng
thạch anh.

Con rắn Andean, vầng trán của hoa
mồng gà.

Vòm tròn của niềm lặng lẽ, đất mẹ
tinh thuần.

Niềm yêu thương của biển, cây cối

của những nhà thờ.

Chùm muối, cây anh đào có những cánh đen.

Răng trắng tuyết, sấm sét lạnh.

Vầng trăng trầy trụa, đá đầy đe dọa.

Lông bờm của giá lạnh, sự khuấy động của không khí.

Núi lửa của các bàn tay, thác màu đen.

Sóng của bạc, chiều hướng của thời gian.

10

Đá bên trong của đá, con người, con người ở đâu ?

Không khí bên trong không khí, con

người, con người ở đâu ?

Thời gian bên trong thời gian, con người, con người ở đâu ?

Có phải người cũng là mảnh nhỏ

của con người bất tận, của con đại bàng trống trơn

mà qua những nẻo đường hôm nay,
qua những dấu chân in qua những lá cây
của mùa thu chết

đang đè linh hồn xuống mộ ?

Bàn tay tội nghiệp, bàn chân, cuộc đời tội nghiệp...

Những ngày của ánh sáng tiêu hao

trên người, tựa như mưa

trên những lá cờ của ngày hội,

chúng có ban cho cái miệng trống
rỗng của người

từng cánh nhỏ thực phẩm mờ đen
của chúng ? Sự đói, chỗ khô cạn của con
người.

sự đói, cái cây bí mật, cái rễ cây của
người đồn củi,

sự đói, phải chăng những mép cánh
buồm

vươn trèo lên những tháp cao sụp
lở ?

Ta xin người, hơi muối mặn của
những con đường đất,

hãy chỉ cho ta chiếc thìa ; hãy cho
phép ta, hơi thuật kiến trúc, được gặm
mòn những nhụy men của đá,

được trèo lên tất cả những bậc thang

của không trung để đến tận thái hư,

được lần mò vào tận trung tâm cho
đến khi sờ được con người.

Hỡi Macchu Picchu, người có đặt
chất chồng

đá lên tầng đá, và ở dưới nền là một
lớp đá đen vụn vỡ ?

than lên tầng than và ở dưới nền là
nước mắt ?

Lửa trong vàng và giữa lửa run run
tia máu đỏ lớn lao tung tóe ?

Buông ra cho ta kẻ nô lệ mà người
đã chôn !

Cho phun ra từ linh hồn người bánh
mì cứng

của kẻ khốn cùng, chỉ cho ta thấy áo

quần

của kẻ nông nô, và khung cửa sổ của
y.

Hãy kể cho ta nghe khi y sống y ngủ
thế nào.

Hãy kể cho ta nghe phải chăng giấc
ngủ của y thì thô kệch, nửa chừng, như
một lỗ hồng tối đen

lũng mòn nơi vách tường vì sự nhọc
mệt.

Bức tường, hồi bức tường ! Phải
chăng trên giấc ngủ của người kia

chất nặng từng lớp đá, và phải chăng
y ngã xuống với giấc ngủ dưới lớp đá
như dưới một vầng trăng !

Hồi nước Mỹ cũ, cô dâu đã bị chôn
vùi,

phải chẳng những ngón tay của
người

khi từ trong rừng vươn đến cõi hư
vô của các thần linh,

dưới những lá cờ hôn phối của ánh
sáng lễ nghi

cũng đã hòa trộn với tiếng sấm vang
của những chiếc trống và những cây lao,

phải chẳng những ngón tay của
người, của chính người — những ngón
tay mà chiếc hoa hồng trầu tượng và
dòng khí lạnh cùng chiếc ngực đỏ máu
của hạt giống mới, đã mang đến cho cái
màng lưới nhện của các lớp sóng rục rĩ,
đến cho những hang hốc cứng —

phải chẳng người, hồi nước Mỹ bị
chôn vùi, người cũng ở nơi chỗ hèn kém
nhất,

trong ruột gan cay đắng, tựa một con
đại bàng, người cũng đói ?

11

Ngang qua sự rục rĩ hỗn độn,
hãy để ta nhúng bàn tay ta vào trong
đêm của đá

và để cho quả tim xưa cũ của lãng
quên

lên tiếng nức nở trong ta, tựa một
con chim đã nghìn năm bị giam giữ !

Bây giờ đây hãy để ta quên niềm vui
này, niềm vui rộng hơn biển cả,

vì con người thì rộng hơn biển cả
cùng những hòn đảo của biển cả,

và người ta phải rơi vào chính mình
như rơi vào một giếng sâu để từ sâu trỗi
dậy

với một tia nước bí mật và những sự
thật chìm sâu.

Hãy để ta quên, hồi tảng đá lớn,
những kích thước lớn lao, quên sự đo
lường truyền thống, quên những tảng đá
xây thành tổ ong,

và hãy để cho bàn tay ta từ khu-vực-T

lướt xuống cạnh nằm nghiêng của
máu đọng và áo lông.

Khi, như một móng cứng của những
cánh cam đỏ, con chim ứng điền cuồng

đánh vào màng tang tôi khi nó bay

và cơn bão khát máu của đôi cánh
nó quét bụi tối tăm

bay lên từ thang cáp nằm xuôi dốc,
thì ta không thấy con vật nhanh nhẹn ấy,

ta không thấy cái chu kỳ mù lòa của
vòng móng vuốt nó,

mà ta chỉ thấy con người xưa cũ, kẻ
nông nô, kẻ ngủ yên, trong những cánh
đồng, ta thấy một thân thể, ngàn thân
thể, một người đàn ông, ngàn người đàn
bà,

dưới cơn gió đen, đen vì mưa và đêm
tối,

vì đá nặng của tượng :

John Kẻ-đẻo đá, con trai của Wirac-
cocha,

John Kẻ ăn-giá-lạnh, con trai của vì
sao màu xanh lục,

John Chân-trần, cháu nội của thạch
nham,

hãy đứng lên cùng ta, hỡi người anh
em, để được sinh ra.

12

Hãy đứng lên cùng ta, hỡi người anh
em, để được sinh ra.

Từ dưới vùng sâu xao xuyến buồn
mênh mông

hãy đưa bàn tay lên với ta.

Từ những vực sâu của đá bạn sẽ
không bao giờ trở lại.

Từ thời gian chìm đắm bạn sẽ không
bao giờ trở lại.

Tiếng nói khó khăn của bạn sẽ không
bao giờ trở lại.

Đôi mắt xoi mòn của bạn sẽ không
bao giờ trở lại.

Từ những cõi sâu của mặt đất hãy
nhìn lên ta,

hỡi người nông phu, người thợ dệt,
người chăn cừu yên lặng: người chăn dạy
loài đà-mã :

người thợ nề của dàn cây dây thách
thức:

người xách nước của những giọt lệ
Andean :

người thợ nữ trang của những ngón
tay hang động :

người đi gieo run run trong hạt
giống:

người làm lọ đồ tung vào đất sét của
bạn :

hãy đem những niềm ưu tư chôn sâu
cũ xưa của các bạn

đến chiếc ly của cuộc sống mới mẻ
này.

Hãy cho ta thấy máu của các bạn và
những nếp nhăn của các bạn,

hãy bảo ta : nơi đây tôi đau khô

vì ngọc ngà đã không chiếu sáng hay
mặt đất

không sản xuất đá hoặc hạt cát đúng
thời gian :

hãy chỉ cho ta xem đá nào mà trên
đó các bạn đã từng ngã xuống,

gỗ nào mà trên đó các bạn bị đóng
đinh thập tự,

hãy đánh lên cho ta những viên đá

lửa cũ,

đốt lên cho ta những cây đèn cũ,
những lần roi nằm yên

trong các vết thương của các bạn qua
bao thế kỷ

và những chiếc rìu lóng lánh màu
máu đọng.

Ta sẽ nói qua miệng đã chết của các
bạn.

Từ bên kia thế giới gom tụ tất cả trở
về

những làn môi đỏ vỡ lặng yên

và từ những đáy sâu hãy nói chuyện
cùng ta qua suốt đêm dài này

như ta đã cùng các bạn từng buông
neo ở đây,

hãy kể cho ta nghe từng chuỗi này
qua chuỗi khác,

từng vòng nối này qua vòng nối khác,
và từng bước qua từng bước,

hãy mài bén những con dao các bạn
thường cất giữ,

đặt chúng lên ngực và lên tay ta,

tựa một dòng sông của những sấm
sét màu vàng,

tựa một dòng sông của những con
hổ bị vùi chôn,

và hãy để cho ta được khóc nhiều
giờ, nhiều ngày, nhiều năm, nhiều thế hệ
mù lòa, nhiều thế kỷ đầy sao.

Hãy cho ta sự yên lặng của các người,
nước của các người, hy vọng của các
người.

Hãy cho ta sự chiến đấu của các người, sắt thép của các người, núi lửa của các người.

Hãy kết chặt thân thể của các người vào thân thể ta như đá nam châm.

Chia sẻ những mạch máu của ta và miệng của ta.

Hãy nói bằng những lời của ta và máu của ta.

Pablo Neruda

Phát hành tháng 12

Tập Tùy Bút

Ý NGHĨ TRÊN CỎ

tác phẩm mới nhất của

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Với những cơn mưa hân hoan,
buồn rầu và tàn bạo rơi dài trên
những dòng chữ viết cho một thành
phố, một mối tình, một kỷ niệm...



NGUYỄN ĐÌNH VƯƠNG xuất bản

VŨ BẰNG

Thương Nhớ Mười Hai

THÁNG CHẠP: NHỚ OI CHỢ TẾT

Đáng lí ra thì công lên việc xuống như thế, vợ phải mệt đủ, nhưng tài thực, không những đã chẳng sao mà lại còn tươi hân lên là khác. Ấy là vì làm việc nhiều mà quên mệt? Ấy là vì thời tiết? Ấy là vì thương chồng, thương con mà không quản ngại vất vả chẳng? Đã đành là vào cỡ tháng Chạp ở Bắc Việt người ta thấy trong người khỏe mạnh

hơn cả những tháng vừa qua; đã đành có khi lòng yêu thương làm cho người ta quên mọi nỗi buồn phiền cực khổ khi thấy những người thân yêu của mình vui sướng; đã đành là có nhiều khi ham mê công việc quá mà quên mệt mỏi; nhưng bao nhiêu cái đó chưa thấm vào đâu với cái vui của người đàn bà khi thấy năm hết Tết đến, nhà cửa bình an, vui vẻ mà trong mình lại có một số tiền dành dụm được từ trong năm, tạm đủ để mua bán cho bằng chị bằng em hầu ăn một cái tết không to nhưng cũng không lúi xùi.

Năm nào chồng cũng bảo vợ:

– Thôi nhé, năm nay ăn thế nào xong thôi, chớ bày vẽ ra lắm chỉ tổ ốm người, em ạ.

Và năm nào vợ cũng trả lời:

– Thì nào có sắm sửa gì đâu. Chỉ có vài con gà con què và một nồi cá kho xì xăng...

Ấy thế mà từ đầu tháng Chạp, nhà chẳng có lúc nào rỗi rãi. Vấn đề quần áo tết đã giải quyết xong xuôi từ cuối tháng Một rồi - vì sợ để đến gần tết mới lo thì không có người nhận may - người vợ ngày nào cũng dậy từ tinh mơ đi chợ để bắt đầu mua các thứ đồ nấu cất sẵn một chỗ, vì sợ để đến rằm tháng Chạp mới mua thì đã kém ngon mà lại đắt. Hầu sì, bong bóng, bào ngư, bột ngọt, măng tây, vây cá... tất cả những thứ đó cất sẵn cả vào trong chạn. Tuy vậy, cũng chữa yên tâm. Nhiều khi sức nhớ ra điều gì lại lấy cuốn sổ ra ghi.

– Phải thế mới được. Đạo này em nói trước quên sau, hỏng quá.

– Này, còn phải mua mấy cái tranh gà lợn và hai ông “Tiến tài, Tiến lộc” để dán ở hai cánh cửa chính này; mua một hộp thuốc đánh đồ đồng này; lên trên phố Lò Rèn lấy hai con dao gọt thủy tiên đặt đánh này; mua thêm mộc nhĩ để gói giò thủ này... À, nếu em quên, anh nhớ nhắc nhé: mai, thể nào cũng phải xuống ông Cả ở Khâm Thiên xin một ít lan chân cua về trồng.

Ở Hà-nội, đến Tết, nhà nào cũng phải có một cành đào hay cây mai, một chậu cúc, cụm hồng nhung hoặc một cặp đồ quỳên có hoa nở đỏ chói để cho vui nhà vui cửa; nhưng có những nhà đặc biệt quan niệm rằng Tết mà không có hai chậu lan chân cua để trưng bày thì cái Tết kém hẳn phần rực rỡ. Bởi thế năm nào cứ vào đầu tháng Chạp, người vợ cũng tự tay trồng hai khúc xương rồng

vào hai cái chậu sứ Giang Tây rồi lấy con dao nhọn khía cây xương rồng ra để ghép những cánh lan chân cua vào cho lan hút lấy nhựa xương rồng mà sống. Ghép lan như thế, phải làm từ đầu tháng Chạp. Chừng một tuần, những lá lan trông như chân con cua bể căng nhựa, tươi lên trông thấy, và thường thường vào cuối tháng Chạp thì hoa nở sum sê, đỏ chói - nhưng đỏ một màu đỏ đặc biệt, nửa như màu chu sa mà nửa lại như màu cánh sen.

Người chồng vụng chân tay, chịu chết không thể làm được công việc đó, đành là phải đứng ở bên cạnh để xem có đỡ dần được việc gì chẳng. Tủ chè, sập gụ và bộ xa lông bằng gụ cần đá hoa đánh bằng xi không được, phải đánh bóng bằng lá chuối khô; đồ đồng đánh bằng tro và trấu, đã lau sạch rồi mới bôi thuốc

đánh đồng; sàn gạch cứ đổ dầu lạc một đêm rồi lau đi, đợi đến hai mươi chín, ba mươi cọ bằng nước thì mới bóng; mi môn, quần màn đem phơi sẵn một vài nắng chớ không thì mốc đấy. Lãng ời, con xem giùm mẹ cái tranh “Đồng Phương Sốc ăn trộm đào” cuộn lại cất ở đâu, lấy xuống phơi nhân thể để nay mai treo ở ngoài phòng khách nhé.

Bao nhiêu màn ở bàn thờ đã thay hết rồi, nhưng cái mâm ngũ quả nhớ đem rửa sạch. Khanh ời! Còn Khoái, con nhớ hai cái đèn lục lăng treo ở hai bên bàn thờ Phật, phải hạ xuống rửa các miếng kính bằng xà phòng chớ cứ lau không, không sạch. Ấy đó, quanh đi quẩn lại chỉ rặt những công việc vặt như thế mà hết cả ngày. Hết cả ngày mà cũng không hết việc. Cứ vào khoảng mồng mười trở đi, người vợ lại phải thức khuya để quét

dọn bàn thờ, bày biện lại mấy bộ đồ trà, mấy bình rượu thúy lục, thúy hồng bày ở trên đầu tủ rồi đem hộp mút ra rửa, cắt những miếng trang kim để bày dưới những miếng kính ở cơi trầu, rồi ra sân vặn đèn thay nước của từng cốc, uốn lá và lấy những cái tăm tách những cái giò thủy tiên ra để cho đừng chạm nhau. Nhiều khi đến lúc ấy thì người chồng đã chợp được một giấc ngắn rồi. Nhìn xuống nhà thấy còn đèn, biết là vợ chưa đi ngủ, người chồng dặng hắng rồi xuống thang, nhăn mặt:

– Làm gì mà đến giờ này vẫn chưa ngủ?

Biết là chồng khó tính, người vợ cười:

– Em sắp xong đây. Chỉ còn một tí nữa thôi: em để chậu thủy tiên này ra sân

cho có sương rồi lên ngay đây mà.

– Một giờ hơn rồi đấy. Em cứ thức thế này ồm mắt. Đã bảo cái tục ăn Tết phiền lắm, phải giản tiện một chút, cứ theo đúng thủ tục thì theo làm sao cho được.

Ngon đèn đêm bật lên rồi, gian phòng ngủ chìm vào trong một bóng tối xanh biêng biếc. Bấy giờ người vợ mới thủ thủ bên tai chồng:

– Thì em cũng muốn giản tiện lắm đấy chứ, nhưng cũng chỉ giản tiện được có chừng thôi. Tết mà không trang hoàng một tí cho vui của vui nhà và sắm sửa lễ bộ mỗi thứ một tí, lòng nó không yên, anh ạ.

Có lẽ là vì từ bao nhiêu đời nay tổ tiên mình, rồi đến ông cha mình tin

tưởng, rồi đến mình đây tin tưởng là đất đai cũng như sinh vật, ngưng hoạt động trong những ngày cuối năm, lại bắt đầu sống lại, với sự trở về sắp tới của khí ấm. Từ quan niệm đó, người ta vui mừng trông đợi lúc cây cối và muôn vật trở lại cuộc sống bình thường và ao ước năm mới phải có một cái gì mới, một tiến bộ mới.

Người nông dân ao ước sản xuất nhiều, người thị thành ao ước khôn ngoan hơn, giàu có hơn, trưởng thành hơn. Bao nhiêu thù oán xếp lại, tình đoàn kết được đề cao, sự lo buồn lộn xộn quẳng đi một xó. Người ta thăm hỏi nhau, kiêng mắng chửi chửi mềo, kiêng hốt rác, rồi trồng nêu, vạch vôi vẽ cung tên, chẳng qua chỉ là để hi vọng năm sắp tới bản thân mình, gia đình mình, làng nước mình sẽ khôn ngoan hơn, khỏe mạnh

hơn, sinh sản nhiều hơn. Người ta chúc mừng nhau, cầu Trời khấn Phật, chỉ là để xin các sức huyền bí viện trợ cho mình. Sự hoang đường mê tín thường phát xuất từ một nhu cầu thực tế. Không theo như thế thì không yên dạ. Không yên dạ vì sợ rông, vì sợ xúi quẩy cả năm, nhưng không yên dạ còn vì sợ việc này hay việc nọ trong năm sẽ không bằng được năm cũ.

– Em nghe thấy nói trước đây, ở chợ Đồng (Hà Nam), chợ Phủ Giầy (Nam Định), có những người đến phiên chợ cuối năm thường cố mang một thứ hàng, bất kì nhiều ít, bất kì tốt xấu đi bán, chỉ mong bán chạy chứ không mong lấy tiền. Bán như thế là bán cái xúi quẩy của năm cũ đi.

Cũng vậy, ở Nghệ Tĩnh trở vào Thừa Thiên ngày trước cũng có tục đến phiên

chợ Tết thì đem đồ đi bán và rao “Có ai mua đại ra mua” và không cần bán mà cũng không cần ai trả lời mua hay là không mua.

Tất cả những tục lệ ấy, truy tầm ý nghĩa sâu xa của nó, chỉ là biểu hiện nguyện vọng của dân tộc muốn cho mọi sự trong năm mới phải hơn năm cũ.

– Em thiết nghĩ nếu ta có chỉnh trang nhà cửa, mua bán sắm sửa cái này cái nọ, cho cửa nhà vui vẻ chẳng qua cũng chỉ là theo truyền thống của dân tộc, lập lại cái nguyện vọng chung của dân tộc, nếu không có lợi thì cũng chẳng có gì là hại.

– Nhưng mà mệt mỏi, bận rộn, ốm người!

– Đó là ý nghĩ của anh, chớ em thì thấy mình có bận rộn mấy ngày này thì

đến Tết nghỉ ngơi, mình mới càng thấy sự nghỉ ngơi thanh thản là quý báu.

– Anh bảo người ở xa nhà xa cửa đến Tết lười thôi lệch thếch vợ con kéo về quê ăn tết còn mệt mỏi và tốn kém đến đâu, sao mà họ vẫn cứ về quê ăn Tết? Không về là không ăn Tết, không ăn Tết thì không thể yên tâm được. Có ai bắt buộc họ đâu, nhưng họ cứ về, vì cách gì trong một năm họ cũng phải trở về nhìn lại bàn thờ, ngôi mộ, cây cau, cúng ông bà, thăm họ hàng làng nước một lần, mà lần đó phải là ngày Tết. Về quê ăn Tết, đối với tất cả người Việt Nam tức là trở về nguồn cội để cảm thông với ông bà tổ tiên, với anh em họ hàng, với đồng bào thôn xóm; về quê ăn Tết tức là để tỏ cái tinh thần lạc quan ra chung quanh mình, tỏ tình thương yêu cởi mở và biểu dương những tinh thần, những kỉ niệm thăm

thiết vì lâu ngày mà quên đi mất.

– Riêng cái quan niệm về Tết đó đã cao thượng lắm rồi, nó khác hẳn đạo Phật, đạo Lão, nó không tách ra khỏi cuộc sống mà lại đi vào cuộc sống, dựa vào cuộc sống mà vươn lên, nó thực tiễn và tiến bộ, anh ơi, mình chỉ thông cảm sơ sơ cũng đã thấy khỏe rồi. Thú thực với anh, em không thấy mệt một phút nào và em nói thẳng là em yêu Tết, mong Tết y như lúc em còn nhỏ vậy.

– Chẳng lẽ em của anh yêu Tết, thích Tết, ham sắm Tết và trưng bày ngày Tết, anh yêu lại ngăn cấm em sao?

Nghe vợ nói như thế, người chồng ở người ra, không còn biết nói năng sao. Ở thôi, em muốn làm gì mặc, nhưng có mệt mỗi, đừng than phiền đấy! Nhưng cùng lúc nói câu ấy, người chồng thấy

vợ đột nhiên đẹp trội hẳn lên, y như thể một thiên thần. Nghĩ cũng kì: ăn thì khềnh, ngủ thì ít, mà làm sao trong những ngày gần Tết, vợ mình lại nhanh nhẹn hơn, đôi mắt sáng hơn mà má cũng hồng hơn? Người chồng cảm thấy rõ rệt như thế; hơn nữa, trong những buổi theo vợ đi chợ Mới Mơ, chợ Bằng, chợ Ô Cầu Dền, chợ Đồng Xuân, chợ Đán, chợ Ngắm, chợ Đệp... đông quá, chen chân không được mà sao vợ mình cứ đi dẻo queo, không tỏ vẻ gì mệt mỏi, dừng chỗ này mua một thứ, rẽ ra đấy kia mua thứ khác, ôm đồm trăm thứ mà vẫn cứ tươi như thường.

Đất thì lầy lội, người thì đông, chen chúc xô đẩy ồn ào, mình mệt muốn đứt hơi, đứt ruột mà cứ phải đi theo xách làn mây lẻo đẻo, lắm lúc muốn thở hắt ra đi về; nhưng nghĩ thế mà thôi, chợ Tết

có một sức hấp dẫn hết sức kì lạ, muốn về nhưng lại cứ muốn đi, đi để xem thiên hạ mua bán, đi để xem bao nhiêu cái ngon, cái đẹp của quê hương, đi để xem... chợ Tết.

Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc, Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon, Vài cụ già chống gậy bước lom khom, Cô yếm thắm che môi cười lặng lẽ.

Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ, Hai người thôn gánh lợn chạy đi đầu.

Con bò vàng ngộ nghĩnh đuổi theo sau. Sương trắng rõ đầu cành như giọt sữa; Tia nắng tí nháy hoài trong ruộng lúa, Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh; Đôi thoa son nằm dưới ánh bình minh, Người mua bán ra vào đầy cổng chợ.

Con trâu đứng vờ dim hai mắt ngủ,
Để lắng nghe người khách nói bô bô.
Anh hàng tranh kiu kịt quấy đôi bô, Tìm
đến chỗ đông người ngồi gỡ bán.

*Một thầy khóa gò lưng trên cánh
phản,*

Tay mài nghiên hí hoáy viết thơ xuân;

Cụ đồ nho dừng lại vuốt râu cằm,

*Miệng lẩm nhẩm đọc vài hàng câu
đối đỏ;*

Bà cụ lão bán hàng bên miếu cổ,

*Nước thời gian gội tóc trắng phau
phau.*

*Chú hoa man đầu chít chiếc khăn
nâu,*

Ngồi xếp lại đồng vàng trên mặt chiếu;

Áo cụ lí bị người chen sấn kéo,
Khăn trên đầu đương chít cũng tung
ra.

Lũ trẻ con mãi ngắm bức tranh gà,
Quên cả chị bên đường đang đứng gọi.
Mấy cô gái ôm nhau cười rũ rượi,
Cạnh anh chàng bán pháo dưới cây
đa.

Những mẹt cam đỏ chói tựa son pha,
Thúng gạo nếp đọng đầy như núi
tuyết.

Con gà trống mào thâm như cục tiết,
Một người mua cầm cẳng dốc lên
xem...

Chợ từng bừng như thế đến gần đêm...

Không nhớ nhà thơ nào đã tả chợ Tết như thế nhỉ! Mệt quá, anh ta cũng chẳng buồn nghĩ xem là ai nữa, thì vừa lúc ấy vợ lại từ dãy hàng hoa quả xách một cặp gà sống thien bảo mình ngồi canh để còn đi mua thêm mấy chục cam sành nữa rồi về.

Ngồi trên cái ghế dài thấp lè tè, làm một khói thuốc hãm với nước trà tươi nóng, người chồng lại lim dim con mắt nhìn qua làn khói thì thấy người lố nhố đi lại y như trong một bức phim màu vậy. Cái yếm sồi của cô gái quê khéo đa tình lại đeo một lá bùa vàng; chiếc quần là ống sớ của chàng trai chống chiếc gậy tre làm nổi bật cái áo tam giang của cô gái bán dưa; ông thầy bói chít khăn nhiễu nước dưa có nhìn thấy quái gì đâu mà sao cứ nghển nghển trông vào những bức câu đối đỏ của ông đồ bán chữ? Đây là tiếng

ới, đó nọ câu cười; mấy ông lái trâu nói thú tiếng gì mà nghe như tiếng xạ phang, còn các bà bán cây sao hôm nay ăn trâu tươi thế? Nhưng tất cả... tất cả đều thua hai chị em cô hàng bán chiếu cạp điều cười đã xinh, ăn nói lại tình, ô hay, sao chiếu chất cao gần nóc chợ mà mình lại thấy như có hoa nở ở chung quanh?

Thì ra chợ Tết có một sức hấp dẫn kì lạ thật: nhìn vào cái gì mình cũng thấy đẹp, trông người nào mình cũng thấy tươi, thấy cái gì mình cũng muốn mua. Cái ống bương cắt chéo góc, ngày thường ai mà thèm để ý, ấy thế mà mình cũng muốn mua để về trồng mấy giò lan “đồng tiền”; cái chút chút bằng đất ra cái chết gì, ấy thế mà mình cũng muốn mua cho trẻ vì bây giờ ở phố phường không có bán; mà cả đến hai chị em cô bán chiếu nọ mình cũng muốn mua luôn đem về vì

ngộ quá, y như thể một cặp búp bê Nhật Bản. Nhưng mà nghĩ một cách tội lỗi thế thôi, và chỉ tán láo tán lếu tí ti thôi, chớ đâu dám đi sâu quá...

Phải chi đây là “phiên chợ cưới” thì mình đâu có ngán.

Phiên chợ cưới... Phiên chợ cưới... Ờ phải rồi, nhớ lại lúc vợ chồng chưa lấy nhau, người chồng rộng rãi thường vẫn bỏ nhà đi ăn Tết lang thang, có khi ở nhà con hát đàn, có khi ở một vùng quê, lại cũng có khi ở một vùng sơn cước. Anh ta nhớ có một năm lên vùng Tam Đảo chia tỉnh Vĩnh Yên với Thái Nguyên, anh đã đi một phiên chợ đặc biệt của đồng bào người Mán ở mấy tỉnh Vĩnh Yên, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Phú Thọ: phiên chợ cưới. Chợ cưới họp vào ngày hai mươi năm tháng Chạp tại xã Tam Long, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Yên,

ở ngay cổng làng Tam Long, giữa cánh đồng, bên một con sông đào nhỏ nước trong vắn vắt.

Từ mười giờ sáng đến năm giờ chiều, các trai gái, hoặc là đi một mình hoặc là cùng đi với bà con thân thích, kéo nhau tới chợ - nơi mà ngày thường mấy xã ở quanh vùng vẫn họp nhau buôn bán. Nhưng hôm nay thì một con cá, một lá rau cũng không có, vì đồng bào ở đây đã mua bán xong xuôi từ mấy hôm trước rồi. Hôm nay, trai gái ăn mặc tề chỉnh, đến đây là để giao duyên và tình tự với nhau. Có cặp thể sông hẹn núi; có đôi ước hẹn một ngày chồng vợ vuông tròn; lại có những tình nhân trao đổi cho tình nhân những món quà kỉ niệm. Khe suối, bụi tre, đồi cây, bờ ruộng, chúng kiến bao nhiêu mối tình thơ mộng, dường như cũng rung động một cách khác thường,

tươi lên một cách khác thường. Những cái phá sắc sỡ, những cái khăn, những đôi hài sảo thù xanh viền đỏ với bao nhiêu hoa tai bạc, vòng cổ vàng, vòng tay đen, vòng chân tím giao hoan với mây ngàn trắng màu bạc cũ, gió núi biêng biếc màu bằng lăng làm cho phiên chợ cưới và bao nhiêu cảnh vật ở chung quanh có một vẻ huyền ảo lung linh như một buổi quần tiên đại hội trong một thửa vườn thần thánh trên Thiên đình.

Phiên chợ cưới... Chớ sao? Tiên cũng lấy nhau, chớ đâu chỉ có người phàm trần mà thôi. Cô sơn nữ và chàng trai vùng Tam Đảo quanh năm vất vả vì ma chay, giỗ chạp, nuôi trâu bò, gà lợn và đi rừng cắt đông trùng hạ thảo, mộc nhĩ, hái lá kim giao, quên làm sao được phiên chợ cưới cuối năm; hết năm nọ đến năm kia, bọn này thành vợ thành chồng thì bọn

khác lại kế tiếp đi chợ cưới Tam Long để gắn bó keo sơn, kết nên những cuộc ân ái đẹp như trăng thu, trắng như tuyết núi.

Thả hồn về chợ Tết ở Kinh, người chồng tiếc không biết bao nhiêu cái đẹp đã qua và cảm thấy tức bực con người ở đây sao vất vả tấm thân vì nhiều thứ phù hoa quá. Năm hết Tết đến rồi, mình lì đến mấy đi nữa cũng cứ là thấy sốt ruột vì nhiều công việc chờ đợi quá. Hôm qua, vợ đã gióng lên là nhớ việc gì thì phải làm ngay, chớ cứ để dồn lại đến ngày chót, làm sao cho kịp: lần này về, cách gì thì cũng phải lo “gửi Tết”. Mình là ngành thứ phải đem đồ lễ đến nhà gia trưởng: gà vịt, hoa quả, vàng hương; những ngành trực thống phải “gửi” vàng hoa; còn những ngành khác thì dùng vàng hồ hoặc vàng lá. Vàng hồ là một thứ vàng gồm, một phần ba những thoi vàng ở lớp trên làm

bằng giấy bồi vàng, còn hai phần ba lớp dưới là những thoi bạc làm bằng giấy bồi trắng có dính mặt kính, trang kim. Vàng hoa làm toàn bằng giấy màu vàng, cũng có dính mặt kính, trang kim như vàng hồ nhưng nhiều hơn, tượng trưng cho vàng thoi, do đó mỗi nghìn vàng là một nghìn thoi nhỏ. “Gửi Tết” nhà gia trưởng mà không có vàng, không được.

Gửi Tết rồi lại còn phải lo biếu Tết. Bao nhiêu bạn bè, thân thích xa gần buôn bán, giao thiệp với mình, làm ơn làm huệ cho mình, nhất thiết phải moi trí óc ra mà nhớ cho kì hết để đem đồ đến biếu. Biếu như thế không phải là đút lót, mà chỉ là để tỏ cái tinh thần thương yêu, cởi mở, thực thi quan niệm “thêm bạn bớt thù”, san bằng những mâu thuẫn để cho người ta có dịp biểu thị những tình cảm, những ý niệm thâm thiết mà người ta

không biểu thị được trong những ngày thường trong năm phải làm ăn vất vả, đầu tắt mặt tối không có thời giờ thăm viếng nhau, trò chuyện với nhau lâu.

Xong được mấy công việc đó thì cũng đã đến rằm, mười sáu rồi. Đến cái ngày ấy, anh thấy thời giờ đi nhanh một cách tẻ nhạt. Dù anh lơ là với Tết cách nào đi nữa, anh cũng cứ thấy tim anh rộn ràng lên, anh không biết phải làm việc gì trước, việc gì sau và anh thấy rằng mặc dầu là bỏ giấc ngủ trưa, những ngày cuối năm ấy quả là đi nhanh quá, nhanh như “bóng câu qua cửa sổ” - cái danh từ rất sáo mà lúc nhỏ anh vẫn viết trong tờ “com-pờ-li-măng” đọc chúc mừng thầy giáo trong buổi học tất niên viết trên một tờ giấy rất trắng vẽ một bó hoa buộc bằng một cái băng tam tài!

Thì ra mình trách vợ bạn rộn về Tết,

ồm cả người, mà chính mình từ rằm tháng Chạp trở đi cũng bận rộn, vất vả y như vợ vậy. Cái việc mua giấy hồng điều rắc vàng để nhờ ông Cả Nam viết câu đối dán ở cột trước cửa và ngoài sân; cái việc mua trầm để đốt trên bàn thờ; cái việc đi chọn pháo Công Tường Cát để đốt đêm giao thừa và ba ngày Tết, nhất định mình không đảm trách thì không được. Cũng không được, nếu sắm sửa Tết tàm tạm xong xuôi mà mình lại không cùng với vợ đi thăm mộ gia tiên nội ngoại để viếng các cụ, đắp lại mộ các cụ và thắp nhang mời các cụ về ăn Tết với con cháu trong nhà. Trước đây, làng Đáp Cầu, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh có cái lệ đi thăm mộ gia tiên hằng năm ấn định vào ngày ba mươi tháng Chạp nếu là tháng đủ, hay hai mươi chín nếu là tháng thiếu. Nhiều làng khác cũng theo như thế. Nhưng sau này, đời sống xô bồ, có thay đi chút ít,

người thành thị đi thăm mộ ông bà cha mẹ sớm hơn một chút, có khi trước ngày ông Táo lên châu trời, có khi sau vài ngày.

Thực tình, cái giống nhà văn, nhà báo có lúc đáng yêu thật, nhưng có một vài khi cũng làm cho đàn bà bức cả mình. Cái gì lại đem cả ông Táo ra chế nhạo là “đội mũ đi hia chẳng mặc quần”? Cái gì lại đề nghị bỏ tục lễ ông Táo mà cho như thế là dị đoan? Cái gì mà năm nào cũng nhạo ông Táo “lập bờ” lên với Trời về các việc xảy ra dưới trần?

Muốn nói gì thì nói, người vợ, đúng ngày hai mươi ba tháng Chạp, cứ phải đủ lệ bộ tiễn ông Táo lên trời thì mới yên lòng.

Mình là người trần mắt thịt, biết thế nào là dị đoan hay không dị đoan, biết thế nào là Tây Phương có lí hay Đông

Phương có lí? Ai bảo phản khoa học em chịu, mà ai bảo cái tục này do quan lại phong kiến đặt ra để ngu dân, lại cũng chịu luôn; nhưng lẽ tiển ông Táo vẫn cứ lẽ tiển như thường vì không làm như thế thì em ăn Tết không ngon. Tội gì mình lại khổ thân mình như thế?

Nhưng mà nó buồn cười, em ạ. Tiển một ông vua bếp cười ngựa cá chép lên châu trời, còn có cái gì nực cười bằng!

Nói như thế, thật hay, thật đúng. Nhưng mà ta cũng nên biết rằng ta thờ kính ông Táo có phải là ta thờ kính cái ông vua bếp cười cá chép lên châu trời đâu?! Cũng như ta trồng nêu, vẽ vôi bột, gói bánh chưng, dọn cửa lau nhà, kiêng cử chửi mè� mắng chó, ta tiển ông Táo là để chúng tỏ tính chất đồng nhất của

xã hội, vì biết ăn Tết tức là tầm mắt ta đã vượt được cái tổ chức thị tộc bộ lạc chật hẹp để sống với nhau rộng rãi hơn trong sự đoàn kết của nhiều thị tộc bộ lạc thống nhất với nhau về quan niệm, nghi lễ cũng như về thời gian.

Đây là lúc tổ chức gia đình đã có cơ thay thế cho tổ chức thị tộc. Sự thờ cúng ông Táo và sự tiễn đưa ông Táo lên trời hôm hai mươi ba tháng Chạp chứng tỏ rằng người mình lúc ấy đã tổ chức thành gia đình nhỏ, mà cái bếp của ông Táo là tượng trưng cho gia đình, cái bếp là đơn vị nhỏ nhất của xã hội. Cái gia đình ấy, cái đơn vị ấy đồng nhất từ Bắc vào Nam cho nên không có kẻ nào chia rẽ được Nam với Bắc.

Nếu bảo tiễn ông Táo là mê tín dị đoan thì cả nước ta đoàn kết ngay cả trong sự dị đoan, mê tín: ông Táo ở Bắc,

hôm hai mươi ba tháng Chạp, lên châu trời cuội một con cá chép thì cũng ngày ấy ở Trung, ông Táo cuội một con ngựa yên cương chỉnh chặc, còn ở trong Nam thì giản dị hơn, đồng bào ta cúng ông một cặp giò - cặp hia để cho ông đi lên Thiên Đình cho lệ!

Người chồng đùa dai, chọc nữa:

– Người ta bảo là ông Táo tham nhũng lắm, chẳng biết có đúng không? Ai mà lẽ ông chu đáo, ông tâu tốt, ai không có gì, ông truy...

– Đây là nói đùa. Nhưng nếu căn cứ truyền thuyết mà bàn thì ông Táo nếu ăn tiền có muốn tâu bậy cũng không thể được. Là vì - lại theo thần thoại - các cụ ngày xưa chống tham nhũng triệt để chó đâu có như bây giờ. Anh quên mất rồi ư? Tháng Mười ta có lễ Song thập, là ngày lễ

gần cuối năm, có tên là Hạ Nguyên.

Đó là theo tục lệ nhà Phật.

Nhưng theo truyền thuyết thì ngày Song thập, tức là mồng mười tháng Mười, trên Thiên đình, Ngọc Hoàng Thượng Đế sai một sứ thần tên là Tam Thanh xuống kinh lí trần gian để kiết toán những điều lành hay dữ trong một năm qua để làm biên bản tâu lên Ngọc Hoàng minh xét. Vì thế, vào ngày ấy, dân chúng lập bàn thờ hương án để rước điều lành, tránh điều dữ trong dịp thăm viếng của sứ thần Tam Thanh, đồng thời sửa cơm canh cúng ông bà cha mẹ qua đời và cầu Trời Phật phù hộ cho mạnh khỏe, ăn nên làm ra, tai qua nạn khỏi.

Như vậy là trước ngày ông Táo lên châu Trời hai tháng thì đã có một phái đoàn điều tra xuống dưới trần để xem

xét tình hình rồi, các ông Táo của các gia đình gan có bằng gan cóc tía cũng không dám khai gian nói bậy.

Nói câu này, nhất định có người sẽ bảo là mình nịnh vợ, nhưng có thể nào cứ nói thế, không sao: tôi thích nghe những truyện truyền kì như thế nhưng từ buổi di cư vào miền Nam ít được ai nói tới, thành thử lắm khi cũng nhớ, mà đời hình như cũng kém thơ mộng đi một chút. Có lẽ cũng chính vì thế mà ăn mười tám, mười chín cái tết ở đây, vào ngày ông Táo châu trời, không thấy ai cúng cá chép, mình có khi cảm thấy như nhớ cái gì đẹp lắm mà mất đi không còn thấy nữa. Tôi nhớ Bắc Việt vào những ngày hai mươi ba tháng Chạp, tiễn ông Táo lên Thiên đình, cái không khí nó khang khác chớ không như thế này... Từ sáng tinh sương, chưa bước chân xuống giường,

tôi đã nghe thấy rao ới ới ở khắp các nẻo đường: “Ai mua cá ông Táo không?”, “Cá ông Táo không nào?” Nghe như thế, tự nhiên lòng mình bỗng nao nao vì biết rằng có cá ông Táo là sắp đến Tết rồi. Không thể nào nằm được nữa. Mình ra xem thì thấy những bà bán hàng gánh hai cái thùng sơn đi vất vẻo đôi tay, như chạy, để bán vội cho hết hàng, kéo còn phải về sớm để sửa sửa tiền ông Công lên châu Trời tâu việc hằng năm của mỗi gia đình. Ông Công đó là thần Trương Đoàn hay Tử Quách, chỉ phụ trách riêng về việc bếp núc, còn Thổ Địa trông nom việc nhà, Thổ Kì có nhiệm vụ coi về chợ búa và tăng gia sản xuất cho đàn bà.

Thổ Công, Thổ Địa, Thổ Kì là ba nhân vật trong truyện truyền kì “hai ông một bà” mà dân gian đều biết: hai ông là Trọng Cao và Phạm Lang, còn một

bà là Thị Nhi cùng chết trong một đồng rơm. Để kỉ niệm ba người cùng chết một lần vào ngày gần Tết, dân chúng làm cái bếp ghép bằng ba hòn gạch đều nhau bắt góc. Ở giữa, có để một hòn đá: đó là tên đầy tớ xông vào đám cháy để cứu chủ không được mà cũng bị chết lây. Thường thường, ai cũng tưởng lễ tiễn ông Táo là ngày lễ cuối cùng trong một năm, thật ra sau đó hai ngày còn lễ tiễn ông vải, lễ tạ trường và lễ tất niên.

Trong lễ tiễn ông vải, người ta đem hết cả những chân nhang trong bát hương đốt quanh năm ra đổ xuống sông hồ hay đốt đi và thay tro khác vào bát hương. Nhân lúc con cháu dọn dẹp, bày biện lại bàn thờ, ông vải thừa dịp đi chơi vài ngày để chờ lễ giao thừa lại trở về ăn Tết với con cháu trong nhà.

Ít lâu sau này, lễ tạ trường đã bỏ vì chữ Hán hết thời, nhưng lễ tất niên thì vẫn giữ nguyên cò bay ngựa chạy từ đồng ruộng đến thị thành: đúng ngày ba mươi tháng Chạp, dân chúng làm cỗ ăn mừng và gọi là cỗ tất niên. Ăn xong bữa cỗ này buổi sáng, đến mười hai giờ đêm là lễ giao thừa đánh dấu lúc hai năm mới cũ giao tiễn nhau, pháo nổ đì đùng, thiên hạ lũ lượt kéo nhau đi lễ đầu năm hái lộc.

Em ở mình đây, trời nắng lắm

Sài Thành không biết có xuân sang.

Xuân này xứ Bắc ra sao nhỉ,

Đào có hây hây? Cúc có vàng?

Câu đối có còn ôm đở cột,

Nêu dài tiếng khánh có khua vang?

Nói đến Tết ở miền Bắc thì trăm nhớ

ngành thương, chớ đâu chỉ có đào, câu đối và cây nêu như nhà thơ xa cố quận nhờ nhận đưa thư về hỏi thăm chị Trúc? Nằm ở nơi đây là đất mà có người ca ngợi là mỗi khi Tết đến “dưa hấu chất cao hơn nóc chợ”, người xa nhà nhớ nhất cái mưa xuân bay nhẹ nhẹ như hôn vào môi, vào má người ta, thay thế cho cái mưa phùn đem buốt lạnh thấm vào da vào thịt; nhớ những con đường hoa láng láng, thơm thơm như có bàn tay ai lau rửa thay thế cho cái lầy lội, ướt át kéo dài từ tháng Một sang đến thượng tuần và trung tuần tháng Chạp; nhớ những hoa mận, hoa đào đủ đởn múa may trước gió hiu hiu thay thế cho những cảnh khô nghèo nhựa nằm chết chóc trong giá rét trước ngày đông chí.

Tài thế, lập xuân rồi thời tiết đổi thay liền! Thảo nào sách Thích danh giải ng-

hĩa xuân tức là xuân, nghĩa là cửa động, muôn vật đến mùa ấy cửa động mà sống dậy. Người đàn bà Trời đã cho đẹp, lập xuân rồi tự mình cũng thấy mắt biếc hơn, má hồng hơn, ngực tròn hơn và cảm thấy như nhấp một thứ men nồng làm cho lòng phơi phới.

Đêm qua hoa nở nhị vàng,

Sáng ngày thiếp thấy bóng chàng áo xanh.

Chàng áo xanh về quê ăn Tết thấy cô gái đa tình, mảy mà không thấy lòng rạo rức thương yêu và thốt ra lời tình tứ:

Vườn em có chỏn cau non,

Nhà anh có chiếc cơi son đợi chờ.

Thậm chí đến bậc lão đại, bậc cả mái đầu, thấy hoa xuân hé miệng ra cười

cũng cảm như thấy con tim muốn nói
lên những lời yêu thê thiết.

Ai ơi, chơi lấy kéo chày

Xem hoa bốn mắt đi giày ba chân.

Yêu tháng Chạp không biết bao
nhiều, nhưng yêu nhất là những ngày
giáp Tết, thời tiết sao mà dĩ thế, con mắt
tấm lòng sao mà đong đưa thế, lời nói,
tiếng chào sao mà duyên dáng tơ mơ thế.

Tôi yêu hết và tôi nói là tôi yêu hết;
yêu ngọn cỏ gió đùa, mây trôi lãng đãng,
ngọn núi đôi sim, nhựa cây mạch đất,
yêu con sâu cái kiến nằm co ro trong tổ
bấy giờ trỗi lên tìm lá mới hoa non, yêu
cô gái mặc quần lĩnh hoa chanh lại cài
một cánh hoa hồng trên mái tóc, yêu
con bướm đa tình bay lượn trên giàn
hoa thiên lí, cái áo nhung xanh nổi bật

lên trong vườn quít đỏ, cam vàng, trông mới lại càng yêu những giọt mưa bé tí ti đọng lại trên nhung muốt làm cho người đẹp óng a óng ánh như thiên thần trong mộng. Cũng may mà cứ vào tháng Chạp, ở đây, thỉnh thoảng lại có những đêm xanh gió thổi hiu hiu làm cho người thức khuya cảm thấy da tê tê, lạnh lạnh mà nghe như thấy Tết đến xuân về trước ngõ nên cũng nguôi ngoai được phần nào, chớ cứ nắng chói chang, khô héo liên liên thì chỉ thương nhớ mà héo hắt đi, sống làm sao cho nổi.

Tết ở đây thiếu gì vải lụa của Thái Lan, Đại Hàn, thiếu gì đồ ăn thức uống của Nhật, của Mỹ, thiếu gì trái ngon, gái đẹp “lô can”, nhưng cơn cố làm sao mỗi khi có sự giao tiễn đôi mùa thì lòng lại hướng về quê cũ xa xưa, mơ lại ngày nào cùng vợ đi mua đôi ba chậu cúc vàng,

quất đỏ, rồi về ăn quấy quá cho xong để lại đi ù lên Ngọc Hà mua mấy cánh mẩu đơn về để cắm bình, không quên vài tấm giấy đỏ để gói tiền mở hàng cho trẻ, một chai Mai Quế Lộ hay Sủ Quốc Công, hai vợ chồng đi dưới mưa riêu riêu dặn nhau phải nhớ mua một hộp trà Thiết Quan Âm vô thiếc và sê vài chai rượu nếp cẩm hạ thổ từ tháng Tám!

Nhớ lại như thế thì quên làm sao được vào những ngày hai mươi bốn, hai mươi lăm, vợ thức từ bốn năm giờ sáng, khoác một cái áo lạnh trên mình ngồi giữa sập sắp xếp các món đồ đem đi biếu Tết những bạn bè thân thiết. Đó là cả một vấn đề phức tạp: hộp trà Thiết Quan Âm vô thiếc để biếu ông Long đã đành rồi, nhưng ông Luận hôm qua đã cho rượu, chả lẽ mình lại biếu rượu nữa, thôi hay là biếu cân mít và chục cam xã

Đoài. Hộp kẹo này đưa sang bác Thanh Châu; chị Sen ơi, hai hộp trà mạn sen tự tay mợ ướp đây là để dành cho ông Chung, ông Chúc; nhưng đến Nguyễn Dân Giám thì quả là khó nghĩ. Hôm hai mươi ba mới rồi, để đánh dấu tập “Dưới rặng thông” in làm phụ bản số Tết, anh ta sai người làm đội một cái quả to bằng cái nia từ Hàng Cân đến Hàng Da, đầy đủ bún thang, chả quế, giò lụa, nước xuýt, bào ngư, hàu sì, cuốn; bây giờ biết đem biếu gì đây? Ấy, chỉ có thế mà nghĩ mãi không biết làm ăn ra thế nào.

Ôi chao, cứ suy nghĩ vơ vẩn mãi thế này, bực lắm. Người chồng nại có đi lấy “cái phong bì” của nhà báo tạ ơn nhân dịp cuối năm, rủ bạn hữu đi ra ngôi “Lơ Lắc” uống lót dạ vài cái “pun sô” và trông mưa bay trên hồ Hoàn Kiếm, ngâm bài thơ điền.

Có linh hồn, tôi đem cho trọn vẹn,
Vốn nhà nghèo, không quen cảnh bán
buôn.

Đến những kẻ mới vờ duyên hứa hẹn,
Tôi cũng cho trọn vẹn cả linh hồn.

...

Điên! Điên! Điên! Và say nữa, xin say,
Điên đến chết và say cho đến khóc.

Say thêm nữa! Phút giây điên ngà
ngọc!

... Dốc máu buông tim, giết hồn lấy
xác!

Ta cao dâng tế lễ đấng Thiêng Liêng.

Nhạc đâu rồi! Lễ vật sắp đưa lên,

Xin mau nổi cho hồn ta rung động...

Yêu Tết không biết bao nhiêu, nhưng yêu nhất là những ngày hai mươi chín, ba mươi, anh em say suốt ngày, tơ lòng rung động như điên, chè chén ở quán này chưa đã lại sang tiệm khác đập phá âm ẩm. Mà để làm gì? Chỉ là để tỏ rằng mình là những người văn nghệ bị đời bạc đãi nhưng nọ cần ai cả, mục hạ vô nhân...

Quan niệm đời một cách sai lầm như thế, chúng tôi tuy vậy vẫn tự cao tự đại và thỉnh thoảng lại lên cái mặt sầu đời, bỏ cả lễ giao thừa, đi một mình ở ngoài đường để suy tư, và suy tư mãi chẳng thấy tòi ra cái gì thì tìm một cái gì trác táng để liều thân hoại thể. Thuốc phiện. Trai gái. Rượu chè. Chúng tôi không chê bất cứ một thứ gì làm cho con người sa đọa. Nhiều khi đi đến gần sáng mới về mà vẫn thấy người vợ còn thức với con

để xem lại nồi cá kho, gói mấy cái giò gà, thái củ cải, cà rốt để sáng hôm sau nêm vào đồ nấu hoặc vừa quấy một xanh chè đậu vừa ngồi trông nồi bánh chưng luộc ở ngoài sân, người chồng cũng cảm thấy hơi se lòng một chút nhưng lại tự mình tha thứ mình liền, chỉ vì lẽ là ngày Tết, người đàn ông có thể tự cho phép sống ra ngoài vòng kiểm tỏa từ ngàn xưa ấn định, mà cũng là để giải phóng bao nhiêu trói buộc, với hi vọng năm mới sẽ đưa lại nhiều may mắn hơn năm cũ.

Về khuya, bắt tay bạn hữu ra về, đi thơ thẩn trên đường hoa một mình, anh thấy lòng anh cũng căng lên một thứ nhựa như cây cỏ và hình như có những bàn tay bé nhỏ mơn man trái tim anh lúc ấy đập mạnh hơn vì máu chảy dồn dập và nóng hổi.

Lúc ấy, nhà đã trang trí xong xuôi.

Đèn nến thấp la liệt trên bàn thờ. Nhìn vào chỗ nào cũng thấy khói hương nghi ngút. Cây đào và những cánh mẫu đơn in bóng lên tường làm cho anh ngỡ mình đang đứng trước một bức tranh cổ của Tàu. Ở ngoài kia, có tiếng gì nhỏ bé như tiếng sóng xa xa mà lại như tiếng đàn hát của thần tiên, tiếng chuyển mình của sông hồ, của lộc cây, của giàn hoa thiên lí?

Người chồng ngỡ đó là tiếng của mùa xuân, nhưng không nói cho ai biết, lặng lẽ mở bình Mai Quế Lộ, rót ra hai cốc nhỏ mời vợ một, còn mình uống một. Thỉnh thoảng, ở ngoài sân lại có tiếng tạch, tiếng đùng: ấy là lúc các trẻ trong nhà bắt đầu “đốt pháo một” tung lên trời. Mùi thuốc pháo thơm thơm bay vào trong nhà, làm cho cả vợ cả chồng hơi ngọt, nhưng ngọt một cách du dương.

Trong khi ấy, từ xa xa vọng lại tiếng ống bương nện xuống đất đều đều, hòa với những tiếng hát trầm trầm, bồng bồng của những em đi “súc sắc súc sẻ” ca ngợi sự hòa ấm của gia đình “có rồng ấp trên giường cao, có rồng chầu dưới giường thấp” và chúc cho ai nấy “sinh đẻ những con tốt lành, những con như tranh, những con như vẽ”, sống lâu một trăm tuổi lẻ mà lại giàu có đề đa, có voi buộc trong tàu, có ngựa giỡn nhau trên cỏ...

Cái Tết đẹp nhất, mê li nhất chính là ở vào giây phút thần tiên đó. Lát nữa, cúng kiếng trời đất tổ tiên xong rồi, người vợ thoa tí phấn, điểm một giọt hồng lên má rồi bận cái áo nhung màu hoa sim cùng chồng và con mở cửa đi ra đền Ngọc Sơn, rẽ sang đình Hàng Trống, đi lên Hồ Tây, vào đền Quán Thánh lễ giao thừa,

rồi người thì cầm cành lộc, người cầm hương lộc, đi thông thả về nhà, sự mê li còn gấp trăm gấp ngàn lần nữa.

Những đêm như thế thường thức cho đến gần sáng bạch cả nhà mới đi nằm. Là vì về đến nhà, còn bao nhiêu việc nữa chớ đã được nghỉ ngay đâu. Mở cửa vào xông đất lấy. Khoái và Lăng chạy ngay vào buồng khách lấy bánh pháo Điện Quang dòng từ trên mái xuống đốt lấy may; vợ thì lễ sì sà sì sụp; xong rồi cả nhà quay ra ăn uống, nếm thứ này một tí, nếm thứ kia một tí, rồi trò chuyện, rồi lập chương trình đánh tam cúc và rút bất, bắt đầu từ tối mồng hai, rồi chồng mở hàng cho vợ; vợ mở hàng cho con... Ồi, cứ thức đến sáng bạch cũng vẫn cứ được đi, nhưng sợ là mai mệt nên hai ba giờ sáng phải đi ngủ cả.

Chẳng biết lũ trẻ đi nằm như thế thì có ngủ được không, chớ người chồng mơ lại lúc mình còn nhỏ, nhớ mang máng rằng giấc ngủ đêm ba mươi Tết chập chờn, không mấy khi ngon. Ấy là tại vào cái thuở thanh bình ấy, pháo đốt suốt cả đêm không ngớt một phút nào, người đi lễ đông nườm nượp, lại thêm có những người có lẽ vì vui quá cứ ngửa mặt lên trời đi ngâm thơ bô bô ở ngoài đường!

Ôi những đêm giao thừa xa xôi, những đêm giao thừa cực lạc, đi không bao giờ trở lại, ta chẳng còn thấy thần thánh xuống trần để vui cuộc đời trần tục, ta chẳng còn thấy Đức Tin ngồi lên trong ánh mắt của muôn người... Cố nhân ơi, cố nhân đem theo biết bao nhiêu hương vị đậm đà của kiếp sống khiến cho những giao thừa còn lại chỉ là thừa mà thôi...

Em ở mình đây, trời nắng lắm,

Sài Thành không biết có xuân sang.

*Một đêm trăng khuyết đầy thương
nhớ*

Đất Bắc xa vời không tiếng vang.

... Ôi, vườn dâu cũ ai cười đó,

Xào xạc bên sông tiếng chợ tàn.

Mưa bay đầy ngõ hoa đào rụng,

Này đã giao thừa pháo nổ ran...

Ở phải, ở đây pháo cũng nổ giao thừa, nhưng còn đâu là bầu không khí dịu hiền của những ngày trước nữa. Bao nhiêu bè bạn giờ này đây đã về với gia đình. Người chồng cô chích cảm thấy mình lẻ loi, xa vắng hơn cả bao giờ hết, đi tha thẩn một mình trên các đường phố giới nghiêm,

thỉnh thoảng lại có bóng một gã công an chìm và cảnh sát cùng quân cảnh bảo vệ an ninh trong bóng tối.

Xa xa, tiếng súng nổ như điên.

Không đâu, năm nào đến Tết cũng ngưng bắn vài chục tiếng đồng hồ: mình thừa đạn thì nổ thay pháo chó không phải là diệt địch, cứ yên tâm uống rượu, và tán láo, đừng có sợ! Chao ôi, chơi bởi láo lếu mà thấy an ninh được bảo vệ kỹ càng như thế, mình lại càng thấy yêu Sài Gòn không biết chừng nào. Có những nhà hàng mở cửa suốt đêm. Có những quán cà phê bày bàn ghế ra hè nhiều gái chơi bởi ngồi đợi khách hơn là khách vào uống rượu. Lại cũng có những phòng trà có ca nhạc hai ba giờ sáng mà vẫn có người vào nghe.

Kì chưa, thế thì họ không lẽ giao

thừa à? Họ không kiên cữ gì à? Họ không cần biết xông đất là gì à? Họ khoa học như Mỹ, không tin dị đoan chẳng? Hay là khói lửa và sự chật vật trong cuộc sống đã làm lệch lạc đầu óc họ? Người mắc bệnh sâu thương cổ lí, không lệch lạc đầu óc, mà cũng không bài xích dị đoan, ngồi ở đầu ngọn gió lạnh giao mùa, nhìn hàng tiếng đồng hồ vào trong bóng tối đêm ba mươi không nói, không rằng, đứng dậy, trả tiền đi thông thả trên con đường vắng ngắt. Đèn Sài Gòn sáng lắm, nhưng đêm ba mươi tháng Chạp thì ngừng lên trời làm sao thấy được mây lưu lạc, mà tiếng nhạc “sun” âm ỉ như thế thì nghe làm sao thấy “tiếng sóng nhớ nhàng ở bến cũ cây đa”?

Đêm ấy, trên con gác nhỏ leo lét một ánh đèn mọt nhọc, có một người nhớ da diết giao thừa Bắc Việt, ngồi gở những

trang sách cũ xem lại những tranh con gà con lợn. Tội nghiệp, sinh vào cái thời loạn, ở ngay trên chính đất nước mình mà không có lấy mấy bức tranh con gà con lợn thực để mà coi, phải giở đồ giả chụp lại đem ra ngắm! Tự nhiên anh cảm thấy có một cái gì làm cho da dẻ tê tê, gờn gợn lạnh. Đã mấy chục năm nay, anh ta không còn được trông thấy những bức tranh gà lợn thực, đưa lên mũi ngửi mùi giấy, mùi mực, mùi màu thực của những bức tranh ấy nữa. Đêm nay, nghe tiếng pháo của nhà ai nổ vang ở chung quanh, người tương tư Bắc Việt không biết làm gì, giở lại những bức tranh gà lợn giả lên coi, cảm thấy da dẻ tê tê, lạnh lạnh chính là vì anh thấy hiện lên ở trên những bức tranh chụp lại, vẽ lại đó không biết bao nhiêu kỉ niệm xa xưa đã được khâm liệm trong trí óc.

Đó là những kỉ niệm lúc còn nhỏ bé ở căn nhà thấp lúp xúp phố Hàng Gai, còn cụ tổ, còn bà nội, bà ngoại, còn cha mẹ, còn đông đủ anh em chú bác.

Năm nào cũng vậy, cứ vào những ngày cuối năm, mẹ tôi đi sắm Tết về cũng mua cho anh em chúng tôi một cuộn chùng chín mười tờ tranh vẽ trên giấy Đáp Cầu, dọc chùng một gang tay rưỡi, ngang chùng bốn gang hay hơn một chút. Những bức tranh ấy mang những hình vẽ khác nhau: hái dưa, gà mẹ gà con, chuột vinh quy bái tổ, Phúc Lộc Thọ, Thần Trà, Uất Lũy, cóc đi học, Ngưu Lang Chức Nữ, Đinh Tiên Hoàng cười rống, v.v. Bức nào cũng xanh đỏ lòe loẹt, bức nào cũng có những nét hóm hỉnh mà ngây thơ, bức nào cũng làm cho chúng tôi thích thú. Và năm nào cũng vậy, anh em chúng tôi cũng tranh giành nhau những bức tranh

gà lợn đó, có khi đến đánh nhau; nhưng rút cục thì anh em thỏa thuận dán đầy cả lên tường để ngắm chung và làm như thế thì nhà tôi, đương bình thường, vụt hiện ngay ra một quang cảnh Tết vui tươi khác thường, từng bừng nhộn nhịp không chịu được.

Sau này, lớn lên một chút, đi học Tây, tôi lên mặt hợm, coi thường những tranh ấy và cho là “quê một cục” vì hằng ngày học sử Hi Lạp, tôi thường thấy những bức họa của Gauguin, Léonard de Vinci... và tôi nghĩ rằng tranh như thế mới là tranh, vẽ như thế mới là vẽ, chớ cứ quanh đi quẩn lại chỉ có mấy chú chuột thối kèn tàu, Chúc Nữ mặt méo xẹo, mà lại có đuôi gà, cóc đi học quạt lò mà cái ấm lại to hơn cóc... thương làm sao cho nổi! Ấy là cái lúc tôi... lai Tây, học sử địa “Nước tôi tên là xứ Gaulle, tổ tiên tôi là người

Gaulois” và tôi tưởng rằng cái quan niệm mới mẻ ấy sẽ cứ tồn tại mãi, rồi trưởng thành, rồi già nua trong đầu óc tôi như thế mãi. Hóa ra tôi lầm. Thôi trường ra, đi lang bạt nay đó mai đây, xa nhà cửa ông bà, xa quê hương bác mẹ, cái gì làm cho tôi nhớ nhất, ấy là cái Tết, mà nhớ đến Tết, cái mà tôi không thể nào quên được, ấy là những bức tranh gà lợn.

Kể đó là thời kì chè rượu bê tha, nằm ở một cái phòng chật hẹp ở phố Hàng Đồng hút thuốc phiện, bị cả họ khinh khi, nằm bẹp gí trên một cái giường mẹt nhọc, hút thuốc tối ngày rồi đợi đến đúng trưa ngày ba mươi thì trở dậy đi mua một cành mai vàng về cắm trong một cái cốc dơ và dán ở đầu giường bức tranh “Chức Nữ Ngưu Lang” để mỗi khi hút xong một điếu lại lơ mơ ngắm bức

tranh, tự ví mình với Ngưu Lang bị trời đầy, chú tiên ở trên trời khinh bỉ “nhưng đây nợ có cần”, một ngày kia làm chuyện lớn, khối anh xúm lại mà nịnh như nịnh Tô Tần ngày trước.

Một thời gian qua đi nữa rồi đến thời kì bỏ thuốc, sống với vợ con theo đúng một anh “chân chỉ hạt bột”: cứ mỗi khi Tết đến thì vợ, không do ai bảo hết, cũng làm đúng như mẹ mình ngày trước, cứ mỗi khi Tết đến thì lại mua mấy bức tranh gà lợn về để cho con dán lên trên tường.

Thì ra những bức tranh gà lợn đó không phải chỉ hòa đồng với tôi, nhưng hòa đồng với vợ, với con tôi như thế, có lẽ vì chúng tượng trưng cho tinh thần dân tộc Việt Nam mà chúng tôi không biết. Tường Tết mà vắng những tranh ấy mình cảm thấy nhớ nhung. Tết mà khô-

ng mua tranh ấy dán lên tường, mình thấy chưa phải hoàn toàn Tết.

Tôi nhớ có nhiều khi cứ suy nghĩ vẩn vơ như thế và nói mãi cho con nghe ý nghĩa những bức tranh gà lợn, mình thành ra bị ám ảnh và đến lúc nhắm mắt ngủ thì nằm mê - mê thấy hiện ra những cảnh chuột đi hai chân như người thật, lợn con lội qua sông, mê thấy Đinh Tiên Hoàng đứng điểm binh như một ông tướng Đức, mê thấy cá chép đi cà kheo lộc cộc trên cầu Thê Húc. Tất cả những thứ đó hiện ra rồi biến đi trong một thế giới kì ảo lạ lùng mà người cảm thông với vật, chuyện trò thân ái với nhau chớ không có một tí ti gì là thù ghét...

Thôi rồi, bây giờ còn làm sao mà thấy lại được những giấc mơ thơ mộng như thế nữa, bao giờ mới lại được sống ngày thanh bình mà người ta lấy tay vuốt

ve từng cái lá, nường gót chân đi sợ làm đau từng ngọn cỏ, mà cũng đến bao giờ Nam, Bắc mới hết qua phân để cho người li hương lại được trở lại quê nhà vui dưới mái nghèo, kể lại tình kiều tử mười mấy năm đằng đẵng và cùng nhau nhắc lại hồn quan sơn trong lửa đạn dài dẫu.

Người đàn ông sầu nhớ giao thừa Bắc Việt gục đầu xuống những trang sách cũ, chớp mắt đi lúc nào không biết và y cũng không biết rằng những ý nghĩ vừa hiện ra trong trí óc đều là những ý nghĩ hiện lên trong khi y ngủ. Một quá chừng là những phút buồn khổ một mình, không biết than cùng ai, khóc với ai, nhất là chính mình lại biết rằng trong khi buồn khổ như thế thì trăm họ ở chung quanh lại vui tươi - dù là cái vui tươi mù lòa giả tạo, cái vui tươi chải rửa những người lương thiện bị coi là ngu ngốc vì không

biết khuây khỏa trăm sầu ngàn giận mà lại đi sụt sùi thở ngắn than dài.

Cách đây mười mười lăm năm, đúng như nhà thi sĩ “nấn ná ở nơi xa” đã nói, Sài thành không biết có xuân sang và ăn cái giao thừa không bằng vui cái đêm lễ Giáng Sinh. Nhưng bây giờ đã khác: xa xa, có tiếng giày dép người ta đi lễ giao thừa. Súng nổ ầm ầm thay tiếng pháo. Ti vi và truyền thanh hát oang oang những khúc vui xuân...

Người khách li hương cúi xuống đường, nhìn xem cái giao thừa ở đây khác cái giao thừa ở Bắc ra sao thì vừa vặn có một người lê bước trên đường, nhìn một cành mai cầm ở tay mà đưa lên câu sầu xứ:

Nhớ nhà quăng chén rượu,

Thôi rồi, những ngày vui!

Đâu đây rền lửa đạn,

Có tiếng ai sụt sùi...

Vàng bay năm lại hết

Lại vẫn không giao thừa...

Ơi bạn trăm năm cũ,

Hồn ở đâu bây giờ?

Vũ Bằng

Thơ

PHẠM CAO HOÀNG * ĐÌNH
QUANG NGỌC *
NGUYỄN NHẬT ÁNH

TÀN THU

*về đây mới thấy lòng hiu hắt
như bóng mây bay trắng một trời
ngậm ngùi nghe gió mùa thu tạt
ngó lại đời ta, đã nửa đời*

*con đường hoa rụng ba năm trước
có bóng ai, không bóng người qua*

*chim nhớ ai mà chim bỗng hót
ta nhớ người hay đã nhớ ta*

*đã tưởng rằng quên là chẳng nhớ
nào hay còn có một chiều nay
ngửa mặt trông trời mơ chút nắng
nghe đất reo vang khúc tiền người*

*nghe buốt hồn ta, chiều rã rời
mà thu cứ lạnh bóng tàn phai
mộng đã tan cùng sương với khói
cũng đành vui một chút đời vui*

về đây mới thấy lòng thương nhớ

*nhớ gì ? ừ, chẳng nhớ gì đâu
hình như gió của mùa thu cũ
lộng giữa hồn ta khúc nhạc sâu.*

Phạm Cao Hoàng

SƠN CA

cho ngày sinh nhật của Luận

*chim sơn ca bay đi rồi
bâng khuâng còn lại mình tôi ơ hờ
bầu trời đổ xuống thành thơ
chôn luôn đôi mắt ngời tro một mình*

*chim sơn ca bay đi rồi
cô đơn còn lại mình tôi dưới trời
hồn này cũng hết gọi mời
lấy dao cắt đứt làm đôi nỗi buồn*

chim sơn ca bay đi rồi

*đau thương còn lại mình tôi đêm
ngày*

quạnh hiu thể xác nào đây

bàn chân gai góc đâm đầy từ lâu

chim sơn ca bay đi rồi

ăn nặn còn lại mình tôi mong gì

sáng ra thấy cánh xanh rì

thành con chim nhỏ bay đi khắp trời.

Đình Quang Ngọc

XA LẠ

*tôi ngồi lại, xác thân buồn gổ đá
nắng vàng hong mộng tưởng uá lên
rồi*

*em vừa đến, vừa đi, ai biết được
nhớ làm gì hơi thở vắng trên môi*

*mưa mùa đông ướt đôi bờ dị thảo
cây tình tối hoa lá rớt bên kia
mây xám kéo tờ trời giăng quán trọ
bãi đời em cao bốn vách ngăn chia*

*con nước lạ xuôi nguồn mang lá núi
cỏ đời vương thân lá chẳng xuôi dòng
tôi ở lại, xanh xao nghìn tội lỗi
lạnh thân ngồi cảm gió rét thu đông.*

Nguyễn Nhật Ánh

CHÚC MỪNG:

KIM ĐAN

LƯƠNG THỊ ĐẶNG

lấy nhau hạnh phúc

NGÔ CANG

PHÙ HƯ

Phát hành đầu tháng 12-1971

MẶT TRỜI TRÊN CÁT

tập truyện ĐÀO TRƯỜNG PHÚC

* Những truyện ngắn ghi dấu một thời lãng mạn

* Bìa do HỒ THANH ĐỨC trình bày

* TỪ THỨC xuất bản.

SÁNG TẠO đã phát hành :

LỜI DÂNG

* Nguyên bản : GITANJALI (Of-
frande Lyrique)

của RABINDRANATH TAGORE

* Bản dịch của ĐỖ KHÁNH HOAN

* Lời giới thiệu của WILLIAM BUTLER YEATS

* Bìa do HỒ THÀNH ĐỨC trình bày.

mỗi thứ năm, nhớ đón đọc

tuổi ngọc

tuần báo của tuổi vừa lớn

DUYÊN ANH chủ trương



Paul GALLICO

tình nghệ sĩ

truyện dài

[Kỳ 6, Xem từ VĂN số
186.]

Nhưng chuyện lạ lại xảy ra, vì bữa nay cũng như bất kỳ bữa nào khác, chỉ có khác là bọn múa rối có vẻ tử tế thân thiện hơn đối với nàng.

Carrot Top the thé gọi nàng ra chiêu khoái chí lắm khi nàng lại gần sạp :

– Ê, Mouche! ở đâu ra đấy ? Có biết chuyện gì không ? Sáng nay ăn ngon lắm,

có xúc xích đó. Golo chia phần xúc xích cho Mouche đi.

Đúng lúc tên mọi da đen, từ phía sau sập xuất hiện, bùng xúc xích sức mùi tỏi và chiếc bánh mới đặt trong chiếc đĩa bằng giấy ra ; Me-xù Reynardo cũng từ dưới sập chui lên, miệng ngậm một thỏi xúc xích lớn vừa chia cho nàng vừa nói :

– Đây, tôi dành phần của tôi cho cô đấy, cô biết tính tôi cũng thích món này lắm...

Mouche đáp :

– Ồ Rey. Thiệt hả. Anh tử tế quá...

Lúc Carrot Top rút lui và Alifanfaron xuất hiện, có tiếng người lầu bầu phản đối :

– chà, đứa nào thưởng mất miếng

xúc xích tao để dành cho chị Mouche rồi đây ?

Sửng sốt về hành vi xảo trá ba trợn như vậy, Mouche la lên :

– Rey, không phải mi chứ ?

Nhưng thái độ vụng về của con cáo đã tố giác nó. Nàng nghiêm giọng nói, tạm quên những khó khăn nàng vừa gặp.

– Rey, trả miếng này lại cho Ali ngay. Đây... Rồi, Ali, anh có thể cho lại tôi không ?

Gã đưa lại cho nàng :

– Cũng tại em ngốc quá. Rey nó biểu cho nó mượn để nó so xem có lớn bằng miếng của nó không.

Mouche nhận lấy, rồi cúi người xuống hôn vào má nó.

– Tội nghiệp em Ali tôi. Không sao đâu. Khờ khạo tin người ta, còn hơn có kẻ sống không cần nguyên tắc gì cả, bọn đó không phải đâu xa...

Reynardo có cái lối bẽn lễn riêng, hăn nằm bẹp xuống như con chó ở cuối sạp. Hăn nói :

– Em rằng để dành phần của em, thực tình là như vậy, em ráng, chị Mouche a, nhưng rồi lại ăn hết tiêu.

Cô gái nhìn hăn một cách tinh nghịch. – Ô Rey... , nhưng giọng nàng vừa dịu dàng, vừa trách móc. Ô lạ thật sao những sợi xích sắt thắt chặt tâm can nàng chóng nói ra lẹ thế, mà mỗi sâu đề nặng trên nàng dường như được cất đi ? Cuộc trình diễn lại tiếp tục.

Nhanh như chớp, vừa thấy nàng ra

chiều dễ dãi, Reynardo lon ton chạy qua sân khấu và với dáng điệu khúm núm của con chó con, rúc đầu vào cổ vào vai nàng. Mụ Muscat thấp thoáng xuất hiện ở phía bên kia sập tay phe phẩy cây chổi lông quét mạnh vào khung trước sập.

– Nè tôi đã biểu cô rồi đấy nhé, cô không thể tin thẳng ấy được nghe chưa.

Nhưng bà không nói rõ ai là kẻ không tin được.

– Rồi bao giờ cô chôn nhiều đời chồng như tôi...

Mụ chưa nói hết câu đã biến dạng. Carrot Top tái xuất hiện, tay nắm tờ giấy bạc một ngàn qua màu xanh lợt.

– Nè, cầm lấy. Hắn nói, – lương tuần vừa qua.

Mouche đáp :

– Ô, Carrot Top, thiệt hả ? Sao vậy ?
Tôi đâu có đòi...

– Được mà, thằng quái con đáp,
– sáng nay tụi này họp và bỏ phiếu về
khoản lương bổng cho cô. Ông Bác sĩ
Duclos tọa. Ông nói lâu tới bốn mươi
bảy phút...

.Đám đông bắt đầu bu lại trước cảnh
một cô gái say sưa chuyện trò với một
con múa rối – công việc hàng ngày bắt
đầu.

Suốt mùa hè và một phần mùa thu
năm ấy đoàn lưu diễn khắp miền Đông
nước Pháp và vùng Alsace, dần dà kéo
xuống miền Nam, hết tỉnh này qua tỉnh
khác, lúc thì trình diễn ở những đám hội
hè, chợ phiên, lúc thì dựng sạp ngay tại

các chợ hoặc công viên các làng quê mà chẳng cần phải xin phép cảnh sát hoặc chính quyền địa phương.

Những khi nhà chức trách có đến hỏi giấy phép, họ ngỡ ngàng vì họ phải giao tiếp với Carrot Top, Me-xù Reynardo hoặc bác sĩ Duclos, với sự trung gian của Mouche ráng làm cho hai bên hiểu nhau, và thường thưởng mấy ông này bị chúng chinh phục và giành được phép ở lại trình diễn.

Kể từ khi Mouche gia nhập gánh, nhờ tài khéo của nàng, những ngày cơ cực đã qua, bao giờ cũng kiếm được giường ngủ trong quán trọ, trong khách sạn rẻ tiền, hay trong một nông trại với một căn phòng trống, đôi khi chiều tối còn được tắm rửa sau một ngày dãi nắng. Chỉ khác là bây giờ ông bầu Coq khỏi bận tâm thuê riêng hai phòng nữa mà

chỉ ngủ chung một phòng và một giường với Mouche mà thôi.

Như vậy là Mouche đã bị hấn chiếm đoạt, ban ngày cũng như ban đêm, mà không sao thoát khỏi.

Ngày vẫn là thời gian đầy thích thú, đêm thì khốn khổ vô vàn, hoặc là hấn dùng nàng làm phương tiện kiếm lạc thú, hoặc xoay lưng vào nàng không thèm nói năng gì và ngủ như chết, để nàng nằm run sợ lấy bầy. Đôi khi hấn vào phòng trong tình trạng mê man, đứng không vững sau khi đã uống hết giờ này qua giờ khác tại quán rượu. Khi hấn say như thế thì Mouche sẵn sóc hấn, thay đồ cho hấn và dìu hấn vào giường ; và khi hấn lèm bèm chửi rửa, rên rỉ, vật vã trong đêm thì nàng dậy kiếm nước cho hấn uống hoặc đắp khăn ướt lên đầu hấn.

Bầu Coq luôn uống quá chén vì hấn bị vướng mắc vào một cái bẫy quái đản mà không biết làm sao ra thoát, bí lối hấn chẳng biết phải làm gì bèn nốc rượu, nốc đến lúc không còn cảm giác, không còn trí nhớ gì nữa.

Một mặt thì hấn đã cướp đoạt được nơi Mouche những gì hấn cần và hấn muốn. Càng lúc nàng càng trở nên giá trị đối với công việc trình diễn, nhờ đó hấn kiếm ra tiền. Hơn nữa nàng là bạn chặn gối mà hấn bắt cóc được mà khỏi phải đặt vấn đề trách nhiệm. Nhưng về mặt khác hấn khám phá ra rằng hấn có thể hủy hoại nàng về thể xác, còn tàn phá sự trong trắng của tâm hồn nàng thì hấn thấy hoàn toàn bất lực.

Hấn khao khát tận diệt điều này nhưng đồng thời hấn biết đây lại chính là đức tính thu hút khán giả và làm cho

họ say mê. Muốn nàng cũng ô uế, cũng chai đá như hấn, ban đêm hấn làm nhục nàng, nhưng ban ngày dù muốn dù không hấn phải phục hồi danh dự cho nàng qua tình yêu thương của bảy con múa rối, tựa như một cánh chim bằng hàng ngày nàng lại từ đám tro tàn. thiêu rụi đêm qua cất cánh bay lên, khổ hình nàng chịu hàng đêm có thể là những lời chửi rủa, đòn đánh hay bị hành hạ như sổ phạt con điếm đứng đường. Qua mỗi cơn dông tố, nàng lại trở lại tươi mát, dịu dàng, đôi mắt thơ ngây, vô tội và đáng mến như cái đêm đầu hấn nhìn thấy nàng ở khu ngoại ô thủ đô Paris.

Hấn càng xử tệ với nàng bao nhiêu, thì sáng hôm sau bọn múa rối lại càng đối xử thân thiết dịu dàng với nàng bấy nhiêu, Dường như hấn không còn chỉ huy được bọn chúng nữa.

Còn về phần Mouche, nàng liên tiếp sống trong đau đớn thất vọng rồi lại hân hoan sung sướng.

Một đêm, tại Besançon, trong một âm mưu thâm độc, nhằm làm nhục nàng đến cùng độ, Coq về phòng cùng với một con điếm mà hắn nhặt được trong quán rượu. Cả hai cùng say khướt.

Hắn bật đèn sáng chừa rồi đứng nghinh nàng, nàng líu ríu ngồi lên.

– Dậy đi chỗ khác. Hắn truyền lệnh.

Nàng không hiểu và vẫn ngồi đó ngơ ngác.

– Cút đi. Tao ngán mày quả chùng rồi.

Nàng vẫn còn không hiểu hắn tính gì.

– Em biết đi đâu bây giờ, anh Michel.

– Đi đâu thì đi, mặc xác mày. Cút lên. Chúng tao cần giường biết chưa...

Đêm hôm đó Mouche hiểu sâu xa hơn thế nào là tủ nhục, nàng đành lúng túng mặc quần áo dưới cặp mắt chế nhạo của thằng sở Khanh. Nàng lại nghĩ tới các chết, nhưng không biết làm sao mà chết được. Nàng thơ thẩn ngoài phố như người mất hồn, không biết phải đi đâu.

Rồi nàng mò lại gần chiếc xe Citro-en. Gola ngồi ôm tay lái, miệng phì phèo điếu thuốc lá, chiếc áo rách trắng của gã nổi bật dưới ánh đèn đường. Dường như gã có ý đợi nàng. Hắn xuống xe, nắm lấy cánh tay nàng.

– Cô Mouche, mời cô vô đây mà nghỉ...

Gã đã theo dõi từ lúc ông bầu Coq về phòng với một người đàn bà và Mouche từ trong quán đi ra, và gã để ý canh chừng nàng. Gã mở cửa sau để nàng lên xe ngồi nép vào một xó. Golo cho xe chạy tới khu đất hội chợ rồi cho xe đậu lại. Tiếng chuông réo rắt từ cái đồng hồ thị xã Besançon điểm ba giờ khuya. Mouche bắt đầu khóc.

Golo xoay người lại cầm lấy bàn tay gầy gò nhỏ bé của nàng trong bàn tay đen đui chai đá với những ngón tay cứng như thép, xù xì vì cọ sát vào dây đàn đã nhiều. Nhưng cách thức gã cầm tay nàng thật dịu dàng, giọng hân hân càng dịu dàng hơn,

– Đừng khóc, em bé ơi... nhất là lời nói lại bằng tiếng Pháp giọng Sénégal. –
Đừng khóc, em bé ơi. Nước mắt làm xấu

cặp mắt đẹp đi¹⁴.

Mouche vẫn khóc tưởng như sẽ không bao giờ nàng nín nổi, Golo xuống xe, bỏ đi một lát rồi trở lại.

– Mouche, gã khế. gọi. Cô Mouche. Nhìn nè. Cô Mouche hãy làm ơn nhìn nè...

Mouche động lòng trước lời năn nỉ. Nàng bỏ tay ôm mặt theo lời thỉnh cầu của gã. Nàng nhìn trừng trừng, không dám tin trong một hồi lâu. Carrot Top và xử Reynardo đứng trên thành ghế nhìn nàng.

– Carrot Top ! Rey... ! Ô mấy bạn thân yêu của ta...

Mouche reo lên, tim nàng đập rộn ràng như muốn bật tung.

14 Tiếng Pháp trong nguyên bản : “Ne pleurez pas, ma petite. Ça fait vous mal aux, jolies yeux.”

Hai tên này như hai khúc gỗ nhìn nàng. Golo đứng chen vào giữa hai đứa, mặt gã như mặt ông thần cổ Phi Châu tạc bằng gỗ mun, nhưng ông thần đầy từ tâm. Gã buồn bã nói :

– Tôi không nhờ bọn này nói giùm tôi được, cô Mouche à. Nhưng tội nó thương cô. Vì thế tôi mời tội nó ra đây. Lúc nào tội nó cũng thương cô.

Mouche nhoài người ra đón lấy hai con múa rối từ tay gã, ôm nụng hai cái vỏ rỗng ấy trong vòng tay, chúng như chuyển niềm an ủi cho nàng cho đến lúc lòng cảm phần mà nàng ráng kìm hãm lại cuộn cuộn nổi lên từ đáy long :

– Tôi làm gì mà nó ghét bỏ tôi như vậy. Golo nhỉ ? Tại sao nó tàn nhẫn, nó đều giả đến như thế ?

Golo suy nghĩ một lúc trước khi trả lời :

– Ông ấy bị ma làm Trong lúc hôn ông ấy xuất thì có hồn khác nhập. Golo đã từng chứng kiến cảnh này hồi còn ở Sénégal từ lâu rồi hồi gã còn con nít.

Mouche hiểu ý gã ngay vì chính nàng cũng ở một vùng mà dân chúng còn tin ma quỷ lắm.

Mouche hỏi : – Vậy anh không giận ghét nó à, Golo ?

Tên da đen rút một điều thuốc đen khác đốt lên, lửa quẹt chiếu rọi đôi mắt sáng của gã. Gã đáp :

– Người da đen không được phép giận ghét.

Mouche hít thở thật mạnh, nàng nói như hét :

– Tôi ghét nó vô cùng. Có trời đất biết !

Điện thuộc rục lên từng hồi, lâu lâu Golo lại thở dài. Thành phố và khu hội chợ vẫn chìm trong yên lặng, đôi khi sự yên lặng ấy bị phá vỡ vì tiếng gầm phản kháng của con sư tử ngựa ngáy và đôi bụng bị nhốt trong cũi đặt tận cuối bãi. Gã nói :

– Đôi khi giận ghét cũng tốt. Nhưng đừng giận ghét thì tốt hơn. Khi nào ghét quá cứ hát om lên là quên à...

Thuận tay gã mơn lên dây đàn thành cung điệu dân ca miền Breton rồi gã huýt sáo theo. Không hiểu gã đã học được bài ca này hồi nào trong những năm luân lạc xa nơi quê hương, trong trại tập trung, trong lao tù hay ở nước nào, hẳn là hẳn nghe một người nào cũng lưu lạc cô đơn

như gã, cũng đã có lúc lang thang trên
bãi biển gập ghềnh sỏi đá miền này. Gã
dần dần nhớ lại lời ca :

Cung ơi, con ngủ cho ngoan,
Để mẹ đưa bỗng chiếc nôi con nằm,
Ngàn trùng sóng gió xa xăm,
Ba nằm trên võng đăm đăm nhớ nhà
Cầu trời phù hộ cho ta,
Cung ngủ ngon giấc, cầu ba mau về.

Khi gã chơi lại bài ca Mouche bắt
đầu hát theo gã, vừa hát vừa nựng hai
con múa rối trên tay, đêm hôm đó nàng
gần như điên dại vì cách đối xử của lão
Coq.

Golo có lý, âm nhạc có sức nhiệm

mẫu khiến sự giận hờn phai nhạt. Thay vào đấy là lòng thương hại kỳ lạ nàng vẫn thường cảm thấy đối với con người độc địa ấy len lén trở lại, thứ tình cảm chính nàng cũng không hiểu nổi.

Đôi mắt lim dim nhắm lại, gã mơ màng, ca hát, thân hình rún rẩy :

Mưa tuôn gió thổi ào ào,

Gió mưa cũng bởi trời cao điều hành,

Con nên kính sợ trời xanh,

Ba con cưỡi lớp sóng kình ngoài khơi,

Chắp tay cầu khẩn ông trời,

Ba mau trở lại cùng thời ngũ ngon.

Hai bên đồng ca tương đắc, càng hát càng say sưa. Golo thôi dạo đàn. Mouche

ngủ thiếp đi khi tiếng đàn vừa dứt, đầu Carrot Top và me-xù Reynardo ngả vào ngực nàng. Điều thuốc còn cháy rục lên một hồi trước khi tắt hẳn. Bóng đêm và sự tĩnh mịch bao phủ chiếc xe Citroen và những con người kỳ dị ngồi trong ấy.

Ông bầu Coq không dần nổi lòng khinh ghét mù đàn bà trơ trên hân vừa rước về, hân tổng cổ mù ra khỏi phòng, hân nằm chửi thề như điên, tại sao hân làm như vậy hân cũng không biết nữa, có thể vì hân cảm giận sự trong trắng, đơn sơ, dịu hiền, sự bất khả khuất phục của nàng, và sự bất lực không sao dìm nàng xuống đất đen ngang hàng với mù đàn bà mà hân vừa đá ra khỏi giường.

Hôm sau Carrot Top và me-xù Reynardo cùng những con múa rối lại sinh hoạt như thường. Mouche lại xuất hiện trước sạp để sẵn sóc, khuyến khích và

giải thích về những hành động của chúng cho khán giả gồm đủ loại, nam phụ lão ấu bu lại xem.

Cuộc lưu diễn tiếp tục, nhưng có một chi tiết thay đổi. Kể từ hôm ấy, ông bầu Coq muốn riêng cho Mouche một phòng những khi phải ngủ lại đêm ở đâu và tránh tiếp xúc với Mouche được chừng nào hay chừng ấy.

Thêm một điều mới lạ nữa, nhưng điểm mới lạ này chỉ dần dần hình thành trong khoảng thời gian gánh hát lưu diễn qua Annecy và Grenoble, xuôi về miền Nam nước Pháp khi khí hậu bắt đầu khô và lạnh. Bản chất của các buổi trình diễn thực sự thay đổi.

Những tuồng tích khuôn sáo bị bỏ dần, và những nhân vật, cốt chuyện mới nường theo mưu lược của me-xù Rey-

nardo mà vi vút, pha lẫn chút thơ mộng, lãng mạn của Carrot Top và biệt tài thích ứng ngay được với tấn kịch đang diễn của nàng Mouche.

Gánh ở lại thị xã nào khoảng một tuần lễ, thì suốt thời gian ấy cả đoàn bạn với cuộc thám hiểm nguyệt cầu do Carrot Top chủ trương và Bác sĩ Duclos làm giám đốc khoa học, kết quả là khán giả ùn ùn kéo tới để theo dõi xem công trình đã tiến triển tới đâu rồi, xem Gigi và mụ Muscat có được đi theo đoàn thám hiểm không, và cô Mouche phanh phui vụ Reynardo âm mưu hốt đá nguyệt cầu về bán làm đồ kỷ niệm hầu trở thành triệu phú.

Đặc biệt là gánh hát thành công khi trình diễn tại các thôn xã nhỏ, nhờ nghe được những mẩu chuyện rì rầm liên quan đến địa phương, dường như người

ta ta tụ họp quanh sạp hát để trao đổi những mẫu tin này nên Carrot Top có thể làm bộ bí mật gọi :

– Xuýt – Mouche – Reynardo. Xích lại đây. Nhưng đừng để mấy cô kia biết nghe. Tôi biết một vụ bí mật... »

Mouche xích lại gần, khuôn mặt chân thật của cô biến sắc, rạng rỡ.

– Bí mật hả. Tôi thích nghe chuyện bí mật ghê lắm. Ô, nói cho nghe ngay đi tôi sẽ không tiết lộ cho một người nào cả...

Với một nụ cười xảo quyệt, Reynardo len vào giữa :

– Có gì đặc biệt không, đừng xạo nữa. Nói nghe coi, có gì mình hù đường sự kiếm tí tiền còm chơi.

Carrot mắng :

– Rey, đừng nói bậy, không phải loại bí mật ấy đâu. Bí mật này không giữ được lâu đâu. Thế nào cũng bật mí. Tôi biết là chị Renée Duval, vợ anh thợ mộc Duval đứng phía sau kia kia, chị ấy càng ngày càng mập bụng ra kia kia...

Reynardo kêu ré lên :

– Ủa ? Sao vậy, họ mới cưới hồi nào đây thôi... Ừ – để tính coi... Giờ một bàn chân trước lên hấn đếm từng tháng một,
– Tháng chín, tháng mười, tháng mười một... cho tới lúc Mouche lên tiếng chặn họng hấn,

– Reynardo đừng có lộn xộn. Đâu có phải việc của anh.

Tiếp đó trong mấy phút chúng bàn xem đứa nhỏ tương lai là trai hay gái

trong lúc khán giả còn đang cười rộ ; Bác sĩ Duclas thì luận theo khoa sinh vật học đầy vẻ rườm rà bác học, Mụ Muscat thì khuyên phải kiêng cử này nọ, thằng Ali xin chân giữ em. Như bị thôi miên bởi tài quyến rũ của cô Mut, dân làng bị lôi vào vòng câu chuyện đầy ly kỳ và bắt buộc phải tham dự vào đó.

Mouche có biệt tài tìm ra những cô cậu bé nhỏ say sưa mắt mở thao láo trong đám khán giả và mời gọi chúng lên tiếp xúc với diễn viên, cho chúng bắt tay Ali để chứng minh rằng hấn vô hại, cho chúng vỗ về Reynardo và đàm thoại với Carrot Top. Gánh hát này có một sắc thái đặc biệt, dân các nơi mà gánh đã lưu diễn qua đều nhận ra điều đó. Tâm tiếng của những con búp bê biết nói biết hát và của cô gái vui vẻ đứng trước sạp chuyện trò với chúng đã được đồn thổi

nhiều trước khi họ tới nên khi gánh đến bãi biển Nice và Côte d'Azur, họ đã thành công ngoài sức tưởng tượng.

(Hết phần Hai Còn tiếp)

Paul Gallico

HOÀNG ỪNG dịch

nhà xuất bản NGUYỄN ĐÌNH
VƯỢNG

tái bản lần thứ nhất

SỐNG CHỈ MỘT LẦN

truyện dài của Mai Thảo



2500 ấn bản mới, in đẹp hơn lần trước
đã phát

hành — đang bán tới ngàn thứ hai —
gần hết

Đã phát hành :

VẬT LÝ LỚP 12 AB TẬP 2

có thêm cách giải toán các loại

NGUYỄN TRỌNG THI — PHẠM
THU

Đang in :

CÂU HỎI GIÁO KHOA VẬT LÝ

luyện thi Tú Tài 2 AB

NGUYỄN TRỌNG THI — PHẠM
THU

THỐNG NHẤT phát hành * ĐẠI
DƯƠNG xuất bản

Mua ngay đọc kỹ :

Để biết ai giết Đại Tá PHẠM NGỌC
THẢO sau Cách Mạng 11-63, đã được
phơi bày trong cuốn:

NHỮNG CÁI CHẾT TRONG

CÁCH MẠNG 1-11-63

Tổng phát hành THỐNG NHẤT

117, Đại lộ Lê Lợi – Sài Gòn

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

kẻ sống đã chết

truyện dài

[Kỳ 12, xem từ VĂN số 180]

Thu cầm cúi bước đi, hai vai run lên vì xúc động, chiếc xách tay nhỏ bé của Hữu như nặng hẳn xuống. Hữu đi bên lạng lẽ, lúc sau Thu mới dám ngừng nhìn lại ngôi nhà, ông bà Hoan vẫn còn đứng nơi cửa, Thu thấy hai chân mình nặng nhọc không muốn cất bước. Những viên gạch kia, lề đường phía sau kia nàng không đi trở lại và biết bao giờ

nàng mới được trở lại nhìn con phố thân yêu này. Khi đi ngang bên Hữu. Thu ngẹn ngào:

– Anh Hữu, em không muốn đi nữa.

Mặt Hữu lạnh tanh như không còn một biểu lộ, giọng nhẹ, buồn:

– Cô nghĩ lại xem.

Thu bỏ xách tay xuống lề đường, ngừng lại, nàng òa khóc:

– Sao anh không an ủi em.

Hữu đứng lại bên, Hữu thấy mình chênh vênh trong một cảm giác bã rã, chập chờ. Sao mình lại phải quyết định như thế này. Hữu thở dài cúi xuống bên Thu:

– Thôi cố lên, mình đi một vài năm rồi trở về chứ mãi đâu. Nếu em không đi

thì anh cũng phải đi, nhưng em có muốn anh em mình phải xa nhau không.

Thu dụi mắt, bước đi không nói. Ra đến đầu đường hai người ngừng lại đợi xe điện từ Bưởi lên. Ngôi nhà máy nước cao với màu đá buồn, vườn hoa Hàng Đậu không một bóng người, nhìn ngược lên dốc Hàng Than, Thu nhận thấy những ngôi nhà cao nhỏ ở phía trên đầu dốc gần sát với những hàng cây ở ven bờ đê Yên Phụ, phía bờ sông, phố Hàng Đậu như rộng hẳn ra, một vài chiếc xe từ trên dốc cầu Long Biên đổ xuống, trong bầu trời đục sớm mai, những nhịp cầu xám như mờ hẳn đi. Thu nói:

– Anh Hữu ơi, sao chưa xa Hà-nội mà em đã nhớ nó.

– Em nghĩ anh muốn xa Hà-nội lắm sao?

– Em ghét anh vì thấy sao anh bình tĩnh quá.

Giọng Thu nũng nịu, Hữu phác một nụ cười buồn, dãy phố Hàng Giấy đã có những cửa hàng mở, một người đàn bà đang quét lề đường dăng lơ dăng, những tiếng cửa sắt rất kêu. Tiếng chuông xe điện đổ hồi từ phía đầu đường Quan Thánh, vượt qua ngã tư, chuyển xe hai toa dừng lại với hai người khách bước xuống. Hữu và Thu lanh nhẹ bước lên toa đầu, toa xe lừa thừa mấy người khách buôn bán với những quang gánh chất đầy nơi đầu toa. Thu và Hữu không bảo nhau nhưng cùng đứng lại nơi cửa nhìn hai bên phố như cố gắng ghi lại những sinh hoạt phố xá một lần cuối cùng. Hữu chậm điều thuốc đầu tiên trong ngày với nỗi hoang mang. Hữu nghe thấy mình như chóng mặt với những sự việc xảy đến dồn dập,

ngày nào nhận giấy công tác sau những buổi họp, tìm hiểu tổ chức, nhận diện, gặp gỡ những người trong đoàn, Hữu phấn khởi với công tác được giao phó, ngày đầu tiên bước chân vào thành phố với một tâm trạng vừa lo âu vừa vui thích chàng đã bắt tay vào công tác một cách phấn khởi, làm việc ngày đêm, báo cáo từng ngày, kế hoạch được xét duyệt không ngừng với hy vọng thành đạt. Hữu nhớ lại và tưởng như một giấc mơ ngắn ngủi. Hà-nội ngày nào rục rĩ một thơ ấu vẫn còn đó với đôi ba dấu vết đổi thay nhưng vẫn đầy thân yêu đã khiến Hữu như bị choáng ngợp. Sống tại quê hương, nơi mình đã được sinh ra, lớn lên đối với Hữu thực sự là một ơn phước lớn lao. Bây giờ Hữu nghe mình rời rã. Mong ước trở lại Hà-nội ngày lên đường tản cư đã thành sự thật, nhưng đó là một sự thật bề bàng, ngày gặp gỡ ngắn ngủi,

ngày lên đường dời khỏi hấp tấp như kẻ đào tẩu khiến Hữu bàng hoàng sâu tủi, những mất mát vết cạn đời chàng. Chuyển tàu qua chợ Đồng Xuân, qua Hàng Đường, Hàng Đào... ngừng lại ở bờ hồ, chuyển tàu đợi lại thật lâu để chờ chuyển tàu từ dưới chợ Mơ lên. Thu đổi chỗ đứng ra phía thành cầu ngó xuống hồ Hoàn Kiếm, cầu Thê Húc màu sơn đỏ tươi trên mặt nước xanh trong óng chuốt. Thu thấy mình bình tĩnh lại, nàng nghĩ tới chuyển đi:

– Độ mấy giờ thì mình tới nơi anh Hữu nhỉ.

– Máy bay ít nhất cũng phải bốn tiếng, chiều mình đã có mặt ở Sài Gòn.

– Vào tới đó rồi mình ở đâu.

Hữu im lặng một lúc:

– Em đừng sợ, trong ấy chính phủ họ lo chỗ cho mình tạm trú, anh cũng đã được ông Trâm giới thiệu cho người quen làm công chức ở trong đó, rồi mấy người quen của ông bà Hoan nữa, anh chắc cũng không khó khăn gì.

Chuyến xe ngược chiều đã tới, những hồi chuông đổ dồn, chuyến tàu chuyển bánh. Tới gần cửa Tòa Thị Chính tàu ngừng lại trạm, Thu và Hữu bước xuống, băng qua đường, phía trong hàng rào có song sắt, nơi sân bóng rổ Hữu đã nhận thấy nhiều người với hành lý chờ đợi, Hữu bước vào tới bên chiếc bàn giấy bị vây đặc những người, nơi đây xuất trình giấy di chuyển để nhận giấy lên tàu, những giấy di chuyển được ghi rõ chuyến xe sẽ đưa sang Gia Lâm đánh số theo mẫu tự a b c, lúc sau Hữu đã trình được giấy trở ra. Thu và Hữu dắt nhau

lại ngôi nơi hiên ngôi nhà phía trong cùng. Những người đi thường cùng với tất cả gia đình, những vợ con và cha mẹ, họ mang theo nhiều hành lý kênh cang, Hữu thấy có người mang theo cả giường nằm được tháo ra bó lại, những chiếc thùng lớn và những chiếc hòm bọc thiếc, tất cả đều dán những mảnh giấy lớn có ghi tên và địa chỉ. Bên những người đi còn có cả những người ở lại tới tiễn chân, họ hàn huyên, dặn dò. Mấy đứa trẻ nhỏ đùa giỡn chạy quanh những đồng hành lý bừa bộn, một thiếu phụ mặc áo bông ngắn ôm một đứa nhỏ trong tay, chiếc khăn bông trắng phủ kín chỉ hở một chút mặt với nước da đỏ ửng và đôi mắt nhắm nghiền, người thiếu phụ còn tất cả vẻ một người mới sinh yếu ớt. Thu nói với Hữu:

– Đứa bé còn nhỏ quá mà sao họ cũng cho đi.

Người đàn bà nghe hai người nói chuyện ở bên nhìn lên hơi mỉm cười, Thu nhận thấy lớp nghệ bơi trên mặt.

– Thưa bà cháu nhỏ được mấy tháng rồi ạ?

– Dạ cháu hôm nay mới đầy tháng đây, chúng tôi tính chờ cho chán nó cứng cáp mới đi nhưng lại sợ sau đi không được – thiếu phụ nở một nụ cười nhìn xuống đứa bé bọc kín trong tấm khăn với tất cả vẻ trù mến thương yêu – Cô cậu nghĩ tới không, mới đầy tháng mà đã phải đi xa, chúng tôi đặt tên cho cháu là Hà-nội đó ạ, nó vẫn là trai Hà-nội, thế cô cậu cũng vào trong Nam?

– Dạ vâng.

Đứa con mang tên Hà-nội, là trai Hà-nội, chừng như thiếu phụ hài lòng với sự may mắn của đứa con còn được sinh ra tại quê hương. Thu thấy như mình đang sống trong xa cách với Hà-nội yêu dấu. Một tiếng động nhẹ ở bên, Thu nhìn xuống nền đất bột, một trái sấu chín vàng vừa rụng xuống. Thu mim cười nhặt lên tay phúi bỏ đất chừa ra cho Hữu thấy, đôi mắt ánh lên đầy vẻ hân hoan:

– Anh Hữu, trái sấu nó cũng muốn theo mình đi Nam này,

– Không phải đâu, đó là món quà tặng cuối cùng của Hà-nội dành cho người may mắn. Anh nhớ tới trái thị trong chuyện Tấm Cám.

– Ở trái thị, em cũng thích trái thị ổng thuốc nữa. Em sẽ mang trái sấu này vào trồng ở trong Nam, ở trong Nam làm

gì có phải không anh?

Hữu nhìn Thu, đầu gúc gúc vẻ đùa nghịch:

– Anh mong cho mình không đến nỗi phải ăn những trái sấu ấy.

– Em mong được ăn,

– Anh phần em ăn hết. Anh trở lại Hà-nội.

– Em cũng theo anh, nhưng đến mùa sấu, khi nào nó bói trái đầu mùa thì em trở lại, công mình trồng, vun xới.. Nhưng đã chắc gì trái sấu này mọc được.

Thu bỗng nhiên có dáng điệu thất vọng và buồn. Trên mặt đất bột phẳng đôi ba cánh là vàng, có phải đó là những cánh lá vàng cuối cùng của mùa thu này. Những trái sấu đã chín, không còn nữa

những trái sấu gọt khoanh dầm nước đường, không còn nữa những sấu xanh trong canh giấm nấu thịt nạc hay cá rô, không còn nữa những trái sấu xanh tươi hột còn non giòn tan trong miệng vị chua hăng hăng. Những người ngồi chờ đợi chừng như đã nóng ruột, những gặp gỡ làm quen đã đến với những người có mặt. Họ cùng chung một hoàn cảnh: ra đi. Họ cùng một tâm trạng: sự lo âu về ngày mai; và một trông đợi thiết tha: ngày trở về. Trong số những gia đình lên đường, người giữ phận sự điều hành chỉ thấy thiếu một. Khi nền trời bắt đầu hừng nắng, một đoàn xe nhà binh tới đậu ở ngoài đường, mọi người nhốn nháo, họ gọi nhau, sửa soạn hành lý và trông đợi. Thu dời khỏi chỗ ngồi đi dọc theo hàng hiên của dãy nhà, Thu muốn cho thời gian chờ đợi kéo dài, Hữu ngồi lặng lẽ hút thuốc, khuôn mặt già khô hằn

đi. Dáng người hơi cúi xuống, Thu nhìn thấy Hữu như một người vững vàng trong đời sống. Sao anh ấy bình tĩnh được. Anh ấy đã trở thành khô khan già cả rồi sao? Xưa kia anh ấy có yêu ai không? Thu chưa bao giờ nghe Hữu nói tới điều này. Suốt những ngày tháng đã qua Hữu chỉ nói tới những ngày thơ ấu êm ả, những ngày cắp sách tới trường đầy kỷ niệm, và những ngày kháng chiến hào hùng. Cả một đời niên thiếu anh Hữu không có một mơ mộng nào sao? Những gì ẩn giấu trong đôi mắt u ám kia, những gì gìn giữ cho những lời ăn tiếng nói, cử chỉ đã thuần nhuỷễn tinh tế? Khi Thu trở lại bên Hữu, Hữu nhìn lên giọng nghiêm trang:

– Anh hỏi lại Thu một lần nữa, có thích đi không?

Thu xịu mặt xuống:

– Anh muốn em ở lại sao?

– Không, không – Hữu nói vội vàng
– Anh phải hỏi em vì anh cũng sợ về những ngày sắp tới, có thể chúng ta sẽ trải qua những khó khăn, khi bấy giờ có thể khiến em buồn vì đã đi.

– Không, em có anh ở bên em không lo gì cả. Xa Hà-nội em không muốn, nhưng em cũng không thể xa anh. Em không bao giờ muốn anh đi một mình. Nhưng quả thực em bàng hoàng trước những đổi thay bất ngờ, mới mấy hôm trước có bao giờ em nghĩ rằng mình sẽ ra đi đâu?

– Anh cũng không muốn đi đâu cả...

Tiếng gọi mọi người lên xe vang lên, ai cũng vội vã, tiếng người nói ồn ào. Thu theo Hữu ra tìm số xe rồi Hữu nhảy lên

trước, cúi người kéo tay Thu lên. Chiếc xe rộng không có mui, hai băng ghế ngồi đầy bụi đất. Trong chốc lát những chiếc xe đã đầy ắp những người cùng đồ đạc kèn cang. Một bà cụ đứng dưới hiên nhìn lên xe đôi mắt đỏ ngầu với những lời dặn dò.

Thu tìm kiếm trong đám người ở lại một người quen nào đó. nhưng Thu không thấy ai. Khi chuyển xe chuyển bánh, những cánh tay vẫy, và Thu cũng vẫy tay với những người lạ ở lại. Từ biệt mọi người, từ biệt những hàng cây bên hồ, từ biệt những lối đi quen, từ biệt bầu trời hừng nắng xanh trong hiếm quý của một sáng cuối thu. Thu nghe mình rạo rức. HỮu nhìn mông khu bờ hồ lặng lẽ như cố gắng chụp bắt mọi hình ảnh thân thuộc một lần cuối cùng. Đoàn xe bỏ bờ hồ, chạy ra phố Lò Sũ, qua Hàng Vôi và

qua Cột Đồng Hồ để chạy dọc theo con đường bờ sông. Qua bờ đê cao Thu nhìn thấy đỉnh những nhịp cầu xám. Xe chạy tới dốc cầu thì ngừng lại chờ nhau. Thu nói:

– Bao giờ anh em mình trở lại đây nhỉ, lúc bấy giờ...

Thu không nói tiếp, trong óc nàng, Thu nghĩ lúc đó mình đã có gia đình và con cái. Những ý nghĩ làm Thu mỉm lòng. Hữu nói:

– Số anh không được sống với Hà-nội, hồi xưa nghe người đoán số tử vi nói: số anh phải tha phương, anh nào tin, ai ngờ bây giờ tha phương thật nhưng không biết có phải cầu thực không.

– Như vậy thì đến mấy trăm ngàn người cùng một số sao.

Hữu cười:

– Có lúc anh bỗng tin vào một cái số, có lẽ đó là lúc mình xuống tinh thần nhất, mình không làm được như mình muốn. Nay mai rồi chưa chừng mình còn bị dày đi xa hơn nữa...

– Anh làm em lo.

Hữu cố gắng phác họa một vài điều trong những ngày tháng tới, mình sẽ đi dạy học, kiếm việc trong công sở, mình buôn bán? Hay là mình đi khai hoang. Khai hoang, hàng ngàn năm trước những người Việt tiền phong đã lên đường vào miền Nam, như ngọn thủy triều, sức mạnh từ phương Bắc đã ào xuống không gặp một ngăn trở, xóa bỏ một dân tộc có văn minh, thôn tính Thủy Chân Lạp. Nam bộ trong gần một thế kỷ chống Pháp vẫn được coi như thành đồng tổ

quốc, rồi mai đây, với mấy trăm ngàn người từ miền Bắc xuống chắc chắn sẽ là một tổng hợp kỳ lạ. Những đồng hoang rồi đây sẽ trở thành những khu vực thịnh vượng, dấy lên một văn minh mới. Hữu thấy khao khát cho mình được sống ở trong một đổi thay như thế. Gần hơn nữa, như một người bình thường, được làm chủ một số đất đai, Hữu mơ ước tới một trang trại, nơi mình sống với những vườn cây trái, những nương rau đậu tươi xanh... Hữu mỉm cười với những mơ mộng chợt đến như một nguồn an ủi với thực tại. Thu nhìn Hữu:

– Anh cười gì vậy?

– Anh cười anh, cười anh với những mộng mơ, em biết anh nghĩ gì không?

– Làm sao em biết.

– Anh nghĩ tới chuyện đi khẩn hoang, trở thành điền chủ ở miền Nam, sống trong một trang trại có cây ăn trái, có trồng hoa...

Thu không nói, chuyến ô-tô-ray với tiếng kèn vang lên từ phíaa trong thành phố, lúc sau chạy vụt qua ngay nơi tâm nhìn của Thu, tiếng động trên đường sắt vang lên rồi bật im. Chiếc xe như con thoi vút. Đoàn xe nổ máy nối đuôi nhau lên dốc cầu, từ trên cao Hữu nhìn thấy những mái ngói của Hà-nội. Thu nhìn thấy khu chợ Hàng Khoai và những mái nhà lớn của chợ Đồng Xuân, phía trước những ngọn cây xanh cao phía của Bắc là mái nhà máy nước với cột thu lôi vút cao. Phía xa gác chuông nhà thờ Cửa Bắc in trên nền trời. Xe đã lên đến cầu, dưới chân, con đê Yên Phụ chạy dài với những bóng cây khô phía nhà máy đèn.

Từ trên cao Thu nhìn về hướng bến Phà Đen, ngày hôm nào Bôi Anh trở về, ngày nào Bôi Em, chị Khuyên, Bê Xanh xuống chiếc ca-nô với tiếng máy nổ cồn cào, ngày đã trở thành một chia tay không biết đến bao giờ trở lại. Thu ngậm ngùi nhìn xuống mặt nước sông Hồng chảy về xuôi, bên kia sông những ngọn tre lá ngọn... Tiếng xe chạy như làm rung động những nhịp cầu sắt đen, nhịp cầu đã chứng kiến bao nhiêu đổi thay, những đổi thay ngang bằng một lịch sử... Hữu nhìn mông lên phía bắc, mây trắng đầy trời, chàng không nhìn thấy ngọn Ba Vì như trong những ngày quang đãng. Hữu nghe lòng mình thắt lại.

Những đà sắt ngang dọc đen đũi một màu tang chế, con đường sắt nằm giữa cầu lạnh nhạt chia hai con đường qua lại cách biệt nhau. Đoàn xe chạy nhanh,

những thân cột bị vượt qua thoản thoát khiến Hữu chóng mặt. Thu giữ chặt hai tay lên thành xe, đôi mắt buồn vội, mái tóc bay theo chiều gió, mọi người im lặng với những ý nghĩ riêng. Thu cố gắng hình dung tới thành phố Sài-gòn nơi nàng sẽ đặt chân đến, nhưng Thu không sao hình dung ra được, nàng chỉ nhớ rằng đó là một thành phố có cửa sông lớn được coi là hải cảng quan trọng, những điều đó nàng học từ những bài địa lý, nàng cũng nhớ rằng: Sài-gòn, những người sống ở đó có một giọng nói khác với giọng Hà-nội, Sài-gòn cũng đến cùng với những trái cây nàng đã được ăn: soài, sầu riêng, bánh phòng tôm và nem Sài-gòn... Hữu bật diêm châm thuốc, gió mạnh làm tắt liên tiếp những que diêm vừa được bật lên... Nhỏ lại phía sau, theo với cây cầu, Hữu thấy con đường hun hút, Hà-nội nhỏ dần lại phía sau. Chàng thở dài, mai

đây đoàn bộ đội đầu tiên sẽ đi trên cây cầu này vào thủ đô, một thủ đô không có chàng, những tiếng reo hò nào, những mừng rỡ nào của gặp lại, hàn huyên cho qua, cho kết thúc một thời kỳ không còn tiếng súng. Hữu ngậm ngùi với những ý nghĩ, những bạn hữu chàng sẽ nghĩ sao khi thấy chàng vắng mặt, bản án nào dành cho người ra đi, những truy lùng nào đang bủa ra ở nơi kia với con mồi đã vượt khỏi màng lưới...

Xe đã chạy hết cầu Long Biên, Thu và Hữu, những người trên chuyến đi đều như cố gắng nhìn lại Hà-nội ở bên kia dòng sông, những mái nhà nhô lên khỏi bờ đê cao, cây cầu dài, con đường hút nhỏ, dòng sông lặng lẽ xuôi về nam, những ngọn cây mờ. Từ biệt Hà-nội, từ biệt một quá khứ, những kỷ niệm dấu yêu, những ngày tháng khắc ghi với lửa

đạn, thân thuộc, giằng co, những tình thân bền chặt...

Xe chạy tới Gia Lâm, con đường nhỏ đưa đoàn xe vào phi trường, cổng gác, đoàn xe ngừng lại rồi được hướng dẫn chạy thẳng vào khu vực riêng. Đoàn người xuống xe, ngồi theo thứ tự, hai chiếc phi cơ nhà binh đã đợi sẵn, sân bay rộng đầy hoang vu, gió lộng thổi, Thu đứng sát bên Hữu lo sợ. Bây giờ nàng mới cảm thấy mình bàng hoàng trong đổi thay, nàng cảnh thấy lạnh run, nắng đã lên bầu trời cao, Thu thấy mình nhỏ bé hơn bao giờ hết... Thu và Hứa là toán thứ hai lên chiếc phi cơ đang chờ đợi. Thu thấy hai chân như rú lại khi theo Hữu bước tới chân thang, lòng phi cơ trống không, một dãy ghế ở hai bên sườn phi cơ cũng được gấp lại để lấy chỗ, Hữu kéo Thu lên, hai anh em đi lên trên

cùng theo tay chỉ của một người lính Pháp, đồ đạc của những người đi được để ở giữa phi cơ, Thu nhìn thấy đôi mắt đứa nhỏ ngơ ngác nhìn quanh, mùi hôi của dầu, không khí nóng bức khó chịu... Cửa máy bay đã đóng lại bít bùng. Thu ngồi thu mình nhỏ lại bên Hữu, nàng lo sợ nhìn anh, nàng chảy nước mắt, một tay giữ chặt lấy cánh tay Hữu, máy bay đã nổ máy, tiếng động nhức nhối, Hữu im lặng, môi mím lại. Từ biệt hay vĩnh biệt... Hữu dựa lưng vào một gói hành lý nói với Thu:

– Em nhắm mắt lại, ngủ đi, thức dậy mình sẽ tới nơi...

Thu tỉnh táo lạ thường. Sài Gòn nơi kia đang chờ đợi...

(Còn tiếp)
Dương Nghiễm Mậu

PHÂN ƯU

Nghe tin Cụ Bà

NGUYỄN KIM KÍNH

nhũ danh Vũ Thị Châu

*thân mẫu Bác Sĩ NGUYỄN
TUẤN ANH, Dân biểu Quốc hội, đã
từ trần tại Sài Gòn ngày 23 tháng 11
năm 1971.*

*Trong dịp đau buồn này, xin
thành kính phân ưu cùng Bác sĩ và
tang quyến. Cầu chúc hương hồn Cụ
Bà sớm được tiêu diêu miền Cực Lạc.*

NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG

Sinh Hoạt Văn Nghệ

Phòng tranh của Hội họa sĩ trẻ tại Dolce Vita

Cuộc triển lãm đã mở cửa vào sáng Chủ nhật 14-11-71 tại gian phòng bày tranh thưởng trực của Đại Lục lũ quán với sự góp mặt của Nguyễn Trung, Nguyễn Khai, Hồ Hữu Thủ, Hồ Thành Đức và một vài hội viên mới ; các bức họa đem trưng bày kỳ này được chọn lựa một cách dễ dãi hơn lần bày tranh trước.

Nhìn chung, nhận thấy toàn thể các bức họa đều ngả về xu hướng siêu thực ; không những về xu hướng mà còn cả về đường lối kỹ thuật, cách sử dụng màu, ánh sáng, hình khối tất cả đều chịu ảnh hưởng lẫn lộn của nhau một cách rõ rệt. Riêng từng cá nhân, Nguyễn Trung có vẻ vững vàng và sử dụng hình khối một cách tài tình hơn. Gần đây, tranh của anh thiếu hẳn vẻ phóng túng, thiếu bố cục về ánh sáng, thiếu sự rung cảm về nội dung mà chỉ còn rung cảm về kỹ thuật. Có thể ví tranh của anh như một bài thơ gồm toàn các chữ rất đẹp, được chọn lựa kỹ. Song chính sự dung nạp, điều chế được những mâu thuẫn, những khác biệt, những tương phản lại là điều kiện tất yếu tạo nên hòa hợp giữa kỹ thuật và nguồn mỹ cảm.

So sánh với những năm trước, phòng

tranh này về khía cạnh kỹ thuật sơn dầu đã vững vàng hơn. Với căn bản đó ; người thưởng ngoạn có thể hy vọng ở những kỳ bày tranh tới.

Thái Tuấn

Nhiếp ảnh hậu phương, và tiền tuyến

Ngày 27-11 vừa qua, một lễ phát giải thưởng Thi Ảnh Chiến Trường và Thời Sự Đợt I do Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị, Cục Tâm Lý Chiến đã được tổ chức tại Cục Tâm Lý, đường Hồng Thập Tự. Lễ phát giải thưởng này được đặt dưới quyền chủ tọa của Trung Tướng Tổng cục Trưởng. Nhân dịp này, một số huy chương dân sự đã được trao tặng cho quý vị giám khảo dân sự. Chiến trường còn

bỏng cháy ở các vùng biên giới và hỏa tuyến ; Tiền phương vẫn là một thực tại lớn lao của đất nước chúng ta. Ngoài vấn đề khuyến khích những hoạt động của ngành nhiếp ảnh, cuộc Thi Ảnh Chiến Trường và Thời Sự còn có tác động tốt là tạo cho người hậu phương có cơ hội thấy được dù chỉ một phần nào, bộ mặt thực của chiến tranh tàn khốc.

Tuần lễ trình chiếu những tinh hoa của điện ảnh Pháp

Một tuần lễ điện ảnh, với bảy ngày liên tiếp, mỗi ngày trình chiếu trang trọng một cuốn phim được coi là tiêu biểu cho màu sắc và tinh thần của điện ảnh Pháp. Sáng kiến của hãng phát hành Cosunam, được thực hiện kể từ ngày 26-11 tại rạp chiếu Rex, đã đưa những người

yêu thích điện ảnh đến những vùng đất đáng thăm viếng nhất của nghệ thuật thứ bảy Pháp hiện giờ. Phim Pháp thua phim ảnh thế giới ở những chủ đề thời đại lớn lao, những cung cách thực hiện vĩ đại. Hơn ở chỗ ống kính của điện ảnh Pháp chiếu soi được vào những sự việc hàng ngày, trình bày được từ những cái bình thường ấy những rung động, những khía cạnh mới lạ. Trên tinh thần và ý hướng này, một vài cuốn phim đứng đầu trong danh sách những thành công rực rỡ nhất của mùa điện ảnh Paris 1971, đã được giới thiệu với khán giả Việt Nam. Như “Les Choses de la Vie”, với cặp Romy Schneider -- Michel Piccoli, thuật lại biến cố trọng đại, thảm khốc thành linh xảo đến cho một cuộc đời tư chức phẳng lặng. Như “Mourir d’Aimer”, một thực hiện gây nhiều chấn động của đạo diễn danh tiếng Cayatte. Phim này làm sống

lại trên màn bạc, qua lăng kính Cayatte, cuộc tình bi thảm của một cô giáo đứng tuổi bị xã hội “hòa nhau giết chết”. Vì “cái tôi” đã yêu một chàng sinh viên chỉ đáng tuổi con mình. Tình yêu đã thắng. Bằng cái chết. Và thực hiện của Cayatte là một bản cáo trạng gay gắt ném vào mặt cái xã hội tàn ác. Ghi nhận thêm : nhờ vai trò tuyệt vời trong phim Mourir d’Aimer, nữ diễn viên Annie Giradot đã được bầu là tài năng xuất chúng nhất của điện ảnh Pháp năm nay.

★

Bạn đọc toàn quốc viết cho VĂN

trong sổ kỷ niệm Đệ bát chu niên

Người đọc một tạp chí văn học nghệ thuật, không chỉ đọc, tiếp nhận, đứng ở phía đối diện với tạp chí. Mà còn viết, đóng góp thật sự và cụ thể vào xây dựng tạp chí, ở cùng một phía với tạp chí, trong mục đích chung là làm sao cho tạp chí, từ hình thức đến nội dung, mỗi ngày được tốt đẹp hơn. Sự tốt đẹp này không thể có được, nếu việc xây dựng chỉ có ở một phía. Đó là quan niệm của Văn, trong mối liên hệ mật thiết và thường xuyên với bạn đọc.

Nói một cách khác : bạn đọc đã đọc Văn, chúng tôi còn mời bạn đọc viết cho Văn nữa. Tòa soạn đang chuẩn bị thực hiện số Văn kỷ niệm Đệ bát chu niên. Số kỷ niệm này được thực hiện trên tinh thần nhìn lại tám năm đã qua của Văn, rút tỉa ở sự nhìn lại những ưu và khuyết điểm chính, để từ một kiểm thảo toàn diện tìm được những phương thức mới làm cho Văn được phong phú tốt đẹp hơn.

Trường hợp này thường được đánh dấu ở các diễn đàn văn học nghệ thuật lớn trên thế giới bằng một cuộc tham khảo và trưng cầu ý kiến rộng lớn về phía bạn đọc. Cho số kỷ niệm đệ bát chu niên, Văn cũng làm như vậy. Chúng tôi mời bạn đọc trên toàn quốc viết cho Văn và gửi bài viết về đăng trong số kỷ niệm,

hưởng ứng cuộc tham thảo ý kiến, dưới hai hình thức :

Hình thức thứ nhất : bạn đọc tùy ý và tự do viết về cho chúng tôi biết tất cả những nhận xét, ý kiến, và đề nghị sửa đổi mà bạn đọc thấy là cần thiết cho diễn đàn này.

Hình thức thứ hai : rõ rệt, giúp tòa soạn dễ ghi nhận, dễ lĩnh hội hơn : bạn đọc phát biểu ý kiến và đề nghị qua mấy câu hỏi của tòa soạn :

1.- Tờ Văn từ tám năm tới đây, theo ý bạn, có những ưu điểm và khuyết điểm nào nổi bật nhất ? Về nội dung cũng như về hình thức.

2.- Văn có là một đáp ứng đầy đủ cho ý muốn và đòi hỏi của bạn về một diễn đàn văn học nghệ thuật, một tạp chí

định kỳ ? Nếu có, vì những nguyên nhân nào ? Nếu không, vì những nguyên nhân nào ?

3.- Bạn thích những số về một tác giả hơn hay những tuyển tập thơ văn nhiều tác giả hơn ?

Nếu là một tác giả thì là Việt Nam hay ngoại quốc, cổ điển hay hiện đại ?

4.- Bán nguyệt san nên giữ mãi khổ đang có hay nên thay khổ mới ? Hình thức nó là phần trình bày, sắp xếp bài vở, nên để nguyên như đã có hay nên thay đổi ? Nếu thay đổi, như thế nào ?

5.- Những mục nào nên giữ, những mục nào nên bỏ ? Nên có những mục mới như thế nào ?

Lẽ tất nhiên, bạn đọc không cần trả lời thật sát đúng và theo thứ tự năm câu

hỏi trên. Năm câu hỏi chỉ là những gợi ý, những điểm tựa để ra của tòa soạn. Chúng tôi còn mong nhận được, của bạn đọc cả những nhận xét, đề nghị khác ngoài phạm vi năm câu hỏi này.

Xin viết cho thật ngắn, gọn, cụ thể. Đề Văn có thể đăng được tất cả những ý kiến nhận được trong số kỷ niệm.

Tòa soạn và bộ biên tập bán nguyệt san Văn thành thực cảm tạ trước bạn đọc trên toàn quốc về sự cho biết những nhận xét và đề nghị những sửa đổi này, cho tờ báo và diễn đàn chung của chúng ta.

VĂN



Tòa soạn VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc:

NGUỒN TÌNH, thơ của Trần Mộng Hoàng và Nhật Lệ Thùy Dung, Áng Thơ Đêm ẩn hành, 23 trang, giá 40đ.

- BẢN NGHỊ ÁN NỀN VĂN MINH TÂY PHƯƠNG, của Nguyễn Nguyên Sa, tài liệu của Trung Tâm Nghiên Cứu và Thực Hiện Triết Lý Cục Đông OHSA-WA, 61 trang, giá 120đ.

- VĂN BÚT, số 1, Trung Tâm Văn Bút Việt Nam tháng XI, 1971, 130 trang, giá 70đ. Tập chí do Phạm Việt Tuyền Chủ nhiệm, Vũ Hạnh Chủ biên, Lê Thanh Thái Thư ký Tòa soạn.

- NGƯỜI ĐẸP THÀNH ROME (Tôi làm đi) của Alberto Moravia, bản dịch của Trần Văn Diên, theo bản Anh Văn The Woman of Rome của Lydia Holland, Sáng Tạo xuất bản, sách dày 516 trang, giá 500đ.

LỜI DÂNG, thơ của Rabindranath Tagore, bản dịch của Đỗ Khánh Hoan, Sáng Tạo xuất bản, sách dày 120 trang, giá 250đ.

- NGUỒN GỐC MÃ LAI CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM, của Bình Nguyên Lộc, Bách Bộc xuất bản, Lá Bối tổng phát hành, 896 trang, giá 950 đồng.

NHẮN TIN

Các bạn Nguyễn Đức Sơn, Cảnh Cửu, Kbc 3435 và một vài bạn khác.

Xin cảm ơn các bạn. Rất thông cảm. Mong các bạn coi những chuyện cũ như không có và chúng ta —nếu thấy thích thú —nhập cuộc và bắt đầu một khởi hành mới. (N.Đ.V.)

CẦN MUA BÁO CŨ

Chúng tôi hiện cần mua lại những số VĂN cũ sau đây : 3, 4, 7, 8, 10, 12, 13, 14, 16, 30, 32, 34, 37, 41, 43, 53, 49 + 50, 55, 60, 61, 62, 64, 68, 70, 71 và 93.

Vị nào dư dùng, xin nhượng lại, theo giá quý vị tự định và xin gửi về cho :

Ông Trần Phong Giao, số 150 Phan
Thanh Giản, Sài Gòn 3.

Xin được chân thành cảm ơn trước
quý vị.



Tòa soạn VĂN đã nhận được bài của
các bạn có tên sau đây.

Chúng tôi đang đọc. Các bài
được chọn đăng, sẽ có báo tin trên những
số báo sau.

Tòa-soạn không giữ lại cũng như không phải hoàn bản thảo những bài lai cáo không được chọn đăng. Bạn nào không muốn thấy tên ghi trong mục này xin đề rõ “yêu cầu miễn ghi” trên bản thảo.

THƠ

Trần Hoàng Huân . Hàn Tân . PPB
 . Phù Hư . Đào Thái Thương Anh. Họa
 Mi . Hoài Trung . Đông Giang . Hồi Vân.
 Trương Văn Thành . Nguyễn Phương
 Các . Đinh Trường Linh Sa . Nguyễn
 Thụy Khanh. Trầm Luân . Thu Phong
 . Tụy Biên . Chynh Kha. Ngọc Cung
 Hoàng . Nguyễn Văn Quý . Phan Chính
 Thông , Võ Ngôn Ân . Đ.T.N . Thương
 Lăng Đông Hùng . Nguyễn Tất Nhiên .
 Tê Tê Phong Ấp . Phạm Uyển Nhi . Sơn
 Giang . Nhật Vương Thanh . Mặc Thế
 Nhân . Võ Nhương Ân . Trương Minh

Tính . Nguyễn Trọng Nhân . Nguyên Hà
. Hoàng Xuân Sơn . Khúc Hoàng Thủy
Trang . Huỳnh Phước Huy Phan . B.N.
Dương Thanh Tùng . Linh Yên Thái Chí .
T.B.Đ . Hàn Hội Thủy Ngọc Thùy Khanh
. Tráng Hạc . Yên Bằng . Chương Vũ .
Lưu Dzoanh Bảo . Hàn Nhật Thi Linh .
Ph C Ngh . Du Minh Thụy . Huy Chuân
. Phạm Chu Sa . Hoàng Tuyết Linh .
Luân Vũ . Nguyễn Cường . Hồ Thụy Cơ
. Khương Tử Nhân . Đinh Quang Ngọc .
Quách Ngọc Điền . Hàn Mặc Dạ Vũ . Mai
Man Sơn . Trần Hoàng Tấn . Hà Văn Yên
. Nguyễn Nhật Ánh . Lương Anh . Phù
Sa Lộc . Mễ Đông Nguyên . Nguyễn Tiến
Hải . Quyên Ca . Hạ Lăng Yên . Đặng Phú
Phong . Lâm Quốc Cường . Nguyễn Thy
Phượng . Nguyên Vinh . Cao Thuyên L.
Th. Hoàng Quế Hương . Tiết Tâm Linh .
Thanh Hoài Minh . Phan Thế Huỳnh Hà

* VĂN

Nguyễn Chi Kham . Mai Bình
Phương Tử . Ưu Thúc . Lưu Hồ Thượng
Uyên . Nguyễn Xuân Quang . Đinh Man
Kha . Nguyễn Minh Hữu . Đoàn Viết
Hùng . Châu Hồ . Nguyễn Đông Thạch
. Nam Tấn . Minh Thụy. Lê Miên Tường
. Đặng Thành Đức. Nguyễn thị Phương
Thảo . Hàng Dza Quang . T.B.Đ. Chi Yến
. Xanh Thị Nhan Trắng . Lưu Dzoanh
Bảo . P.C.Ngh. Phạm Ngọc Cảnh . Cái
Ấm Đất . Quyên Ca . H.P. Dương Xuất
Trọng . Nguyễn Đông Hải . Hồ Thủy
Tiên . Trần thị Thiên Thu.

NHÀ XUẤT BẢN NGUYỄN ĐÌNH
VƯỢNG

38, Phạm Ngũ Lão, Sài-gòn, ĐT.:
93.595

ĐÃ PHÁT HÀNH:

Sống chỉ một lần (lần thứ hai) *Mai
Thảo*

Mưa trong sương *Thế Uyên*

Thơ Say *Vũ Hoàng Chương*

Để tưởng nhớ mùi hương (lần thứ
hai) *Mai Thảo*

Tình yêu, địa ngục *Nguyễn Thị
Hoàng*

Con sâu *Dương Nghiễm Mậu*

Nói có sách *Vũ Bằng*

Bóng người thiên thu *Nguyễn Thị Hoàng*

SẼ IN :

Cơn say Thanh Tâm Tuyền

Áo tiểu thư Duyên Anh

Áo mơ phai Nguyễn Đình Toàn

Bầy kên kên cô Trùng Dương

Gần 17 tuổi Mai Thảo

Hạnh phúc đến về đêm Mai Thảo

Ý nghĩ trên cỏ Nguyễn Xuân Hoàng

Mối thù rục rĩ Túy Hồng

Điệp khúc hoan hỉ Túy Hồng

Thương nhớ mười hai Vũ Bằng
Điệp khúc hoan hỉ Túy Hồng

